

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

ĐỀ ÁN KHOA HỌC
PHÁT TRIỂN NINH THUẬN TRỞ THÀNH
TRUNG TÂM NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO CỦA CẢ NƯỚC

BÁO CÁO TỔNG HỢP CHUYÊN ĐỀ
ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ XÂY DỰNG
NINH THUẬN TRỞ THÀNH VÙNG LỖI VỀ PHÁT
TRIỂN TRUNG TÂM NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO
CỦA CẢ NƯỚC

Đơn vị thực hiện: Viện Khoa học năng lượng
(Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)

Chủ nhiệm: TS. NCVCC. Đoàn Văn Bình

Hà Nội, 2020

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	3
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	4
CHƯƠNG I: CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HẠ TẦNG LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI.....	5
I. NHU CẦU GIẢI TỎA CÔNG SUẤT TỪNG GIAI ĐOẠN	5
II. GIẢI PHÁP GIẢI TỎA CÔNG SUẤT CÁC NHÀ MÁY NLTT	6
III. CÁC GIẢI PHÁP KHÁC	9
CHƯƠNG II: GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HẠ TẦNG LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI	15
I. KHẢ NĂNG TIẾP NHẬN CỦA LƯỚI PHÂN PHỐI NINH THUẬN.....	15
II. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI NINH THUẬN	17
III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP KHÁC	23
CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP ĐỒNG BỘ HÓA CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN TRONG CÁC QUY HOẠCH.....	26
I. GIẢI PHÁP Ở PHẠM VI QUỐC GIA	26
II. GIẢI PHÁP Ở PHẠM VI TỈNH NINH THUẬN.....	28
CHƯƠNG IV: GIẢI PHÁP GIẢM TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	30
I. GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI	30
II. GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ	34
III. CÁC GIẢI PHÁP KHÁC	36
CHƯƠNG V: GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC	38
I. THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC	38
II. ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC TẠI CHỖ.....	40
III. LIÊN KẾT ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC	40
CHƯƠNG VI: GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH.....	42
I. GIẢI PHÁP VỀ CHIẾN LƯỢC, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH.....	42
II. GIẢI PHÁP NÂNG CAO KHẢ NĂNG THU XẾP VỐN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	48
III. GIẢI PHÁP TIẾP CẬN NGUỒN VỐN NGÂN HÀNG.....	50
CHƯƠNG VII: GIẢI PHÁP THÁO GỖ RÀO CẢN VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH VÀ LIÊN KẾT PHỐI HỢP ĐỒNG BỘ GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN.....	53
I. GIẢI PHÁP VỀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH	53
II. GIẢI PHÁP LIÊN KẾT PHỐI HỢP ĐỒNG BỘ GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN.....	56

CHƯƠNG VIII: GIẢI PHÁP VỀ TRUYỀN THÔNG TĂNG CƯỜNG NHẬN THỨC VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN.....	58
I. GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI NHÀ HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH.....	58
II. GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI NHÀ QUẢN LÝ.....	59
III. GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ VÀ DOANH NGHIỆP.....	60
CHƯƠNG IX: GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÁC DỊCH VỤ PHỤ TRỢ.....	61
I. CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH.....	62
II. KHUYẾN KHÍCH THÀNH LẬP MỚI DOANH NGHIỆP DỊCH VỤ PHỤ TRỢ.....	63
III. HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP DỊCH VỤ PHỤ TRỢ.....	64
CHƯƠNG X: GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG NIỀM TIN CÁC BÊN THAM GIA.....	68
I. CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH.....	68
II. HOÀN THIỆN VÀ ĐỔI MỚI CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH.....	72
III. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG NIỀM TIN GIỮA NHÀ ĐẦU TƯ, NGÂN HÀNG, CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG.....	75
IV. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG NIỀM TIN CÁC BÊN TRONG CUNG ỨNG VẬT TƯ THIẾT BỊ.....	77
CHƯƠNG XI: GIẢI PHÁP THÁO GỖ RÀO CẢN THIỂU HỤT THÔNG TIN, CƠ SỞ HẠ TẦNG CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ.....	80
I. HOÀN THIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH.....	80
II. ĐẢM BẢO HUY ĐỘNG HIỆU QUẢ CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ.....	81
III. GIẢI PHÁP VỀ TÀI CHÍNH, TÍN DỤNG.....	83
IV. PHÁT TRIỂN CHUỖI GIÁ TRỊ TRONG NƯỚC.....	84
V. PHÁT TRIỂN VÀ BẢO VỆ THỊ TRƯỜNG.....	85
VI. NÂNG CAO NĂNG LỰC DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ.....	86
VII. THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG, THỐNG KÊ VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU.....	88
VIII. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ NINH THUẬN.....	89
CHƯƠNG XII: KẾT LUẬN.....	92
1. Giải pháp phát triển hạ tầng kỹ thuật.....	92
2. Giải pháp về cơ chế chính sách.....	96
3. Giải pháp phát triển các nguồn lực.....	101
4. Các giải pháp khác.....	114
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	122

MỞ ĐẦU

Các giải pháp cần thiết để xây dựng Ninh Thuận trở thành vùng lõi về phát triển NLTT của cả nước sẽ tạo điều kiện thúc đẩy quá trình xây dựng, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình năng lượng của địa phương một cách đồng bộ, hiệu quả, phát huy lợi thế sẵn có, huy động hợp lý các nguồn lực, đem lại lợi ích kinh tế xã hội cho tỉnh nói riêng và toàn quốc nói chung.

Chuyên đề **“Đề xuất các giải pháp để xây dựng Ninh Thuận trở thành vùng lõi về phát triển NLTT của cả nước”** thuộc Đề án **“Phát triển Ninh Thuận trở thành Trung tâm NLTT của cả nước”** (do Viện Khoa học năng lượng - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam thực hiện) sẽ đề xuất các giải pháp tập trung vào ba nhóm vấn đề: tăng cường hạ tầng kỹ thuật lưới điện truyền tải và lưới điện phân phối; các cơ chế chính sách nhằm phát triển và thu hút các nguồn lực phục vụ phát triển NLTT tại tỉnh Ninh Thuận.

Cụ thể các nội dung gồm: Các giải pháp tăng cường hạ tầng lưới điện truyền tải trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và khu vực Nam Trung Bộ; giải pháp tăng cường hạ tầng lưới điện phân phối của tỉnh Ninh Thuận; giải pháp đồng bộ hoá các yếu tố liên quan phát triển NLTT tại Ninh Thuận trong các quy hoạch tổng thể và quy hoạch chuyên ngành; giải pháp giám sát động môi trường (phân bổ và kiểm soát hợp lý tài nguyên đất, tài nguyên nước và các vấn đề môi trường khác trong phát triển điện gió, điện mặt trời); giải pháp phát triển nguồn nhân lực, trong đó chú trọng nhân lực tại chỗ cho phát triển NLTT; giải pháp huy động nguồn lực tài chính cho phát triển NLTT; giải pháp tháo gỡ các rào cản về cơ chế, chính sách và liên kết phối hợp đồng bộ giữa các bên liên quan; giải pháp về truyền thông tăng cường nhận thức và hành động của các bên liên quan phục vụ phát triển NLTT; giải pháp tăng cường các dịch vụ phụ trợ; giải pháp tăng cường niềm tin thông qua các cam kết và sự liên kết đồng bộ giữa các bên tham gia; giải pháp tháo gỡ các rào cản về thiếu hụt thông tin, dữ liệu và cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ trình diễn, phát triển các công nghệ phụ trợ, tăng tỷ lệ nội địa hoá để giảm giá thành dự án, kiểm chứng công nghệ và thiết bị, thu hút đầu tư trong và ngoài nước nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ nội địa, đào tạo phát triển nguồn nhân lực và chuyển giao công nghệ.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

NLTT	năng lượng tái tạo
ĐMT	điện mặt trời
ĐG	điện gió
TĐTN	thủy điện tích năng
MR	mở rộng
TBA	trạm biến áp
EVN	Tập đoàn điện lực Việt Nam
ODA	hỗ trợ phát triển chính thức
PPP	quan hệ đối tác công - tư
GPMB	giải phóng mặt bằng
QLDA	quản lý dự án
UBMTTQVN	Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam
UBND	Ủy ban nhân dân
EVNNPT	Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia
CSDL	cơ sở dữ liệu
GIS	hệ thống thông tin địa lý
TTNLTT	Trung tâm năng lượng tái tạo
FIT	giá bán điện năng sản xuất ra từ nguồn NLTT
ĐMTMN	điện mặt trời mái nhà
EDO	Văn phòng Phát triển kinh tế
FTA	Hiệp định thương mại tự do
FDI	đầu tư trực tiếp từ nước ngoài

CHƯƠNG I

CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HẠ TẦNG LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI

Phát triển lưới điện khu vực Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa theo từng giai đoạn phù hợp với nhu cầu truyền tải là giải pháp cơ bản nhất để giải tỏa công suất các nhà máy điện trong khu vực lên lưới quốc gia. Bên cạnh đó, một số giải pháp khác như huy động vốn, giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện xã hội hóa đầu tư lưới truyền tải cũng được tính đến.

I. NHU CẦU GIẢI TỎA CÔNG SUẤT TỪNG GIAI ĐOẠN

Theo văn bản số 4614/BCT – ĐL ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương báo cáo Thủ tướng chính phủ về tình hình phát triển điện mặt trời; Văn bản số 4589/BCT – ĐL ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt bổ sung quy hoạch danh mục các dự án điện gió; Văn bản số 693/TTg – CN ngày 9 tháng 6 năm 2020 về việc phê duyệt danh mục bổ sung quy hoạch điện gió; Tờ trình số 543/Ttr – SCT ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Sở Công Thương tỉnh Bình Thuận về việc báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc đưa các dự án điện trên địa bàn tỉnh vào Quy hoạch điện 8; và Danh mục các nhà máy ĐMT và ĐG tiềm năng của khu vực Ninh Thuận được đề cập đến trong Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 – 2025, có xét đến năm 2035 – Hợp phần 1, tổng công suất đặt các nguồn NLTT như sau:

Bảng 1: Công suất nguồn NLTT khu vực Nam Trung Bộ 2

STT	Tỉnh	Công suất theo từng giai đoạn (MW)				Tổng công suất đến năm 2035
		Cuối năm 2020	2021 – 2025	2026 – 2030	2031 – 2035	
Nhà máy ĐMT						
1	Ninh Thuận	2.096	2.327	3.715	0	8.138
2	Bình Thuận	570	1.167	2.896	434	5.067
Nhà máy ĐG						
1	Ninh Thuận	180	365	212	0	757
2	Bình Thuận	0	778	0	0	778
Tổng công suất các nhà máy điện (ĐG + ĐMT)		2.846	4.637	6.823	434	14.740

Các tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận có nhiều tiềm năng về nguồn NLTT từ gió và mặt trời. Tổng công suất đặt các nhà máy ĐG và ĐMT đến cuối năm 2020 đạt khoảng 2.846MW, giai đoạn 2021-2025: 4.637MW, giai đoạn 2026-2030: 6.823MW và giai đoạn 2030-2035: 434MW.

Để đánh giá nhu cầu giải tỏa công suất các nguồn phát NLTT khu vực Nam Trung Bộ 2 qua các giai đoạn, đề án tiến hành cân đối nhu cầu công suất trong khu vực Nam Trung Bộ 2.

Bảng 2: Cân bằng công suất khu vực Nam Trung Bộ 2, MW

STT	Cân bằng công suất Nam Trung Bộ 2	Năm		
		2025	2030	2035
1	Pmax	941	1.552	2.315
2	Công suất ĐMT + ĐG	7.483	14.306	14.740
3	Công suất TĐ	1.144	1.144	1.144
4	Công suất NB	6.270	8.520	8.520
5	Cân bằng công suất khu vực Nam Trung Bộ 2 (5 = 4 + 3 + 2 - 1)	13.956	22.418	22.089

Như vậy, nhu cầu giải tỏa công suất khu vực Nam Trung Bộ 2 rất lớn: Năm 2025 là 13.956MW, năm 2030 là 22.418MW và năm 2035 là 22.089MW.

Trong bảng cân bằng công suất khu vực Nam Trung Bộ 2 đề án không xét đến nhà máy TĐTN Bắc Ái, TĐTN Hàm Thuận Bắc và TĐTN Ninh Sơn. Nguyên nhân bởi đặc điểm của các nhà máy TĐTN là làm nhiệm vụ phát công suất vào hệ thống khi các nhà máy ĐMT bị suy giảm công suất do hiện tượng bóng mây hoặc phát công suất vào hệ thống vào ban đêm khi công suất các nhà máy ĐMT bằng 0. Đồng thời các nhà máy điện gió ngoài khơi tại khu vực Bình Thuận đề án không đưa vào cân đối nhu cầu công suất của khu vực do tiềm năng phát điện từ điện gió ngoài khơi mới chỉ ở bước nghiên cứu và sẽ được đánh giá cân đối trong Quy hoạch điện VIII tới.

Theo bảng 1.2 khu vực Nam Trung Bộ 2 có tỷ trọng nhiệt điện trong cơ cấu nguồn điện lớn hơn rất nhiều so với thủy điện. Do vậy, phụ tải tại thời điểm buổi trưa mùa khô sẽ cần được quan tâm hơn do khi đó lượng công suất của các nhà máy điện mặt trời đạt max.

II. GIẢI PHÁP GIẢI TỎA CÔNG SUẤT CÁC NHÀ MÁY NLTT

Tính đến năm 2035, tổng công suất nguồn ĐMT và ĐG đầu nối lên hệ thống điện khu vực Nam Trung Bộ 2 khoảng 14.740MW. Trong đó giai đoạn đến năm 2035 khu vực Nam Trung Bộ 2, ngoài nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân (Vĩnh Tân 1, Vĩnh Tân 2, Vĩnh Tân 3, Vĩnh Tân 4 và 4 MR) còn có nhà máy nhiệt điện Sơn Mỹ. Do vậy việc truyền tải công suất từ các nhà máy ĐMT và nhiệt điện vào buổi trưa mùa khô sẽ gây áp lực lớn đối với hệ thống truyền tải khu vực.

Để có phương án giải tỏa nguồn năng lượng ĐMT và ĐG của khu vực Nam Trung Bộ 2, đề án đã tiến hành cân đối nhu cầu nguồn phụ tải ở cấp điện áp 220kV và cấp điện áp 500kV, kết quả cho thấy:

Đối với lưới 220kV:

Khu vực tỉnh Bình Thuận với nguồn trạm 220kV sẽ đảm bảo công suất truyền tải công suất từ các nhà máy ĐMT và ĐG đầu nối tại lưới điện 110kV.

Khu vực tỉnh Ninh Thuận sẽ bị thiếu hụt nguồn trạm 220kV. Để truyền tải hết công suất từ các nhà máy ĐMT và ĐG đầu nối tại lưới 110kV lên lưới điện truyền tải, đề án đề xuất đầu tư nguồn trạm 220kV như sau:

+ Xây dựng Trạm cắt 220kV năm 2025 đặt tại khu vực huyện Thuận Nam làm nhiệm vụ đầu nối các TBA 220kV nhà máy ĐMT phát lên lưới điện 220kV. Trạm cắt 220kV sẽ đầu nối công suất của các nhà máy ĐMT Thuận Nam 1, Thuận Nam 5, Thuận Nam 15, Thuận Nam 24, Thuận Nam 25, Thuận Nam 26, và Thuận Nam 28 tổng công suất các nhà máy ĐMT phát qua trạm cắt 220kV khoảng 1.400MW.

+ Xây dựng tuyến đường dây 220kV mạch kép sử dụng dây dẫn ACSR3x400 dài khoảng 5km xuất phát từ Trạm cắt 220kV Thuận Nam đầu nối vào phía 220kV TBA 500kV Thuận Nam.

+ Xây dựng mới TBA 220kV Thuận Nam nối liên kết TBA 110kV Thuận Nam hiện hữu với quy mô 2x250MVA vào năm 2025. Trạm làm nhiệm vụ đầu nối công suất các nhà máy ĐMT phát vào lưới điện 110kV và giảm tải công suất cho tuyến đường dây 110kV Ninh Phước – Phú Lạc. Trạm 220kV Thuận Nam sẽ tập trung giải tỏa công suất cho các nhà máy ĐMT dự kiến tại khu vực Thuận Nam, Thuận Nam 8, Thuận Nam 10, Thuận Nam 14, Thuận Nam 17, Thuận Nam 27, Thuận Nam 30. Tổng công suất phát các nhà máy ĐMT phát qua TBA 220kV Thuận Nam khoảng 370MW.

+ Xây dựng tuyến đường dây 220kV mạch kép dài khoảng 20km sử dụng dây ACSR3x400 xuất phát từ TBA 220kV Thuận Nam đầu nối vào phía 220kV TBA 500kV Thuận Nam tiến độ đồng bộ cùng TBA 220kV Thuận Nam.

+ Xây dựng trạm cắt 220kV năm 2025 đặt tại khu vực huyện Ninh Sơn làm nhiệm vụ đầu nối các TBA 220kV nhà máy ĐMT phát lên lưới 220kV. Trạm cắt 220kV sẽ đầu nối công suất của các nhà máy ĐMT dự kiến tại khu vực: ĐMT Ninh Phước 6.2; ĐMT Sinergy, Ninh Phước 4, Ninh Phước 12, Ninh Phước 13, Ninh Phước 14. Tổng công suất phát qua trạm cắt 220kV khoảng 1.220MW.

+ Xây dựng tuyến đường dây 220kV mạch kép sử dụng dây dẫn ACSR3x400 với chiều dài khoảng 3km. Đường dây xuất phát từ trạm cắt 220kV đặt tại huyện Ninh Sơn đầu nối vào phía 220kV TBA 500kV Thuận Nam. Tiến độ xây dựng đồng bộ với xây dựng trạm cắt.

+ Xây dựng TBA 220kV Ninh Sơn năm 2025 với quy mô 2x250MVA. Giai đoạn đầu lắp trước 1 máy biến áp và đến năm 2030 bổ sung máy biến áp thứ 2. Trạm làm nhiệm vụ đầu nối các nhà máy ĐMT khu vực Ninh Sơn, dự kiến các nhà máy ĐMT: ĐMT Ninh Sơn 1, Ninh Sơn 2, Ninh Sơn 6, Ninh Sơn 7 và Ninh Sơn 9.

Tổng công suất truyền qua trạm 220kV Ninh Sơn năm 2025 khoảng 134MW và năm 2035 khoảng 250MW.

+ Xây dựng mới TBA 220kV Bắc Ái năm 2025 với quy mô 2x250MVA làm nhiệm vụ đầu nối công suất các nhà máy ĐMT khu vực huyện Bắc Ái. Trạm 220kV dự kiến đầu nối công suất các nhà máy ĐMT: ĐMT Bắc Ái 1, ĐMT Bắc Ái 2, ĐMT Bắc Ái 4, ĐMT Bắc Ái 7, ĐMT Bắc Ái 8, ĐMT Bắc Ái 9 và ĐMT Bắc Ái 10. Tổng công suất dự kiến truyền tải qua TBA 220kV Bắc Ái năm 2025 khoảng 250MW và năm 2030 khoảng 320MW.

+ Đường dây 220kV Di Linh – Đức Trọng – rẽ Đa Nhim – Tháp Chàm làm nhiệm vụ truyền tải một phần công suất từ các nhà máy ĐMT và ĐG từ lưới 110kV lên lưới 220kV. Theo kết quả tính toán đến năm 2025 tuyến đường dây bị quá tải. Do vậy để nâng cao khả năng tải cho tuyến đường dây trên tiến hành xây dựng mới mạch 2 trên toàn tuyến.

+ Đến năm 2025, lượng công suất truyền tải qua tuyến đường dây 220kV Phan Rí – Phan Thiết từ các nhà máy ĐMT của tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận tăng cao. Do vậy cần phải cải tạo dây dẫn lên ACSR3x400.

Đối với lưới 500kV:

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2035 nguồn trạm 500kV trên địa bàn bị thiếu hụt. Để đảm bảo các nhà máy ĐMT và ĐG không bị giới hạn công suất phát đề án đề xuất đầu tư nguồn trạm 500kV như sau:

+ Sau khi chuyển đầu nối các nhà máy ĐMT dự kiến vào trạm 500kV Thuận Nam, đến năm 2025 trạm biến áp 500kV Thuận Nam không còn khả năng truyền tải thêm công suất. Do vậy cần lắp thêm 1 MBA 900MVA nâng tổng công suất trạm 500kV Thuận Nam thành 3x900MVA.

+ Trạm 500kV Vĩnh Tân theo kết quả tính toán trào lưu công suất đến năm 2025, tổng công suất truyền tải qua trạm 500kV Vĩnh Tân khoảng 1.820MW. Với cấu hình trạm như hiện nay 2x900MVA trạm sẽ bị quá tải. Do vậy kiến nghị mở rộng thêm trạm 500kV Vĩnh Tân lên quy mô 3x900MVA vào giai đoạn đến năm 2025.

+ Trạm 500kV Di Linh hiện tại có quy mô công suất 2x450MVA. Dự kiến theo kế hoạch nâng cao năng lực truyền tải của lưới điện, trạm sẽ được EVN thực hiện nâng công suất lên 2x900MVA vào cuối năm 2020. Trong giai đoạn đến năm 2025, do nhu cầu giải tỏa công suất của khu vực Ninh Thuận, Bình Thuận và khu vực Tây Nguyên, lượng công suất dự kiến truyền tải qua trạm 500kV Di Linh khoảng hơn 2.000MW do vậy cấu hình 2x900MW sẽ không được đảm bảo và phải cắt giảm công suất các nhà máy ĐMT và ĐG do vậy để đảm bảo giải tỏa công suất kiến nghị mở rộng trạm 500kV Di Linh lên quy mô 3x900MVA vào giai đoạn đến năm 2025.

+ Đến năm 2025 xây dựng mới tuyến đường dây mạch kép 500kV Thuận Nam – Chơn Thành với chiều dài khoảng 308km, sử dụng dây dẫn ACSR4x600. Đường dây làm nhiệm vụ giải tỏa công suất cho khu vực tỉnh Ninh Thuận.

+ Đến năm 2035, công suất của các nhà máy ĐMT khu vực Ninh Thuận sẽ chủ yếu cấp điện cho khu vực phía Nam thông qua các tuyến đường dây 500kV và 220kV Vĩnh Tân – Phan Rí – rẽ Phan Thiết. Tuy nhiên lượng công suất truyền tải từ hệ thống các nhà máy ĐMT và ĐG của khu vực Bình Thuận lên lưới 220kV qua tuyến đường dây này cũng rất lớn. Do vậy khả năng giải tỏa công suất của tuyến đường dây này sẽ bị giới hạn. Để khắc phục, kiến nghị xây dựng thêm trạm 500kV Hồng Liêm với quy mô 3x900MVA để đầu nối công suất của các nhà máy ĐMT khu vực xã Hồng Liêm của Tỉnh Bình Thuận. Đồng thời chuyển đầu nối các nhà máy ĐMT xã Hồng Phong và cụm nhà máy ĐG Hòa Thắng chuyển tiếp về trạm 500kV Hồng Liêm nhằm giảm tải cho tuyến đường dây 220kV Vĩnh Tân – Phan Rí – rẽ Phan Thiết.

Sau khi bổ sung nguồn trạm 220kV và trạm 500kV, đề án tiến hành lập sơ đồ tính toán phân bố công suất để kiểm tra các trạng thái của lưới điện trong điều kiện vận hành bình thường và trường hợp vận hành sự cố 1 phần tử. Qua quá trình tính toán cả 2 trạng thái của lưới điện, cấu trúc lưới điện đề án đề xuất đảm bảo khi các điện áp nút trong khu vực đều nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép, và các tuyến đường dây đều đảm bảo trong ngưỡng giới hạn.

III. CÁC GIẢI PHÁP KHÁC

1. Đảm bảo nguồn vốn đầu tư xây dựng

Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã ban hành Nghị quyết số 32-NQ/ĐU ngày 19/2/2020 về việc tập trung hoàn thành toàn diện Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển của EVN, giai đoạn 2016 - 2020 [1]. Theo Nghị quyết này, EVN sẽ tập trung đảm bảo nguồn vốn đầu tư xây dựng và các giải pháp đảm bảo tiến độ các dự án nguồn điện, lưới điện. Với các dự án đầu tư lưới điện, EVN đặt mục tiêu hoàn thành và đưa vào vận hành 244 công trình lưới điện từ 110-500kV (gồm 22 công trình 500kV, 44 công trình 220kV và 178 công trình 110kV); khởi công 217 công trình lưới điện 110-500kV (gồm 7 công trình 500kV, 37 công trình 220kV và 173 công trình 110kV). Để đảm bảo tiến độ các dự án, EVN cũng đang tập trung mọi nguồn lực, huy động nguồn vốn; trong đó, tổng nhu cầu vốn đầu tư của toàn Tập đoàn năm 2020 là 93.216 tỷ đồng.

Với tổng nhu cầu vốn lớn, đây sẽ là áp lực cho EVN bởi theo Nghị quyết 32 của Tập đoàn này, EVN đặt mục tiêu sử dụng hiệu quả các nguồn vốn vay ODA và các nguồn vốn vay nước ngoài, có kế hoạch giải ngân nguồn vốn vay ODA theo tiến độ đã ký kết trong hiệp định vay vốn.

Đồng thời, Tập đoàn cũng đa dạng các hình thức huy động nguồn vốn trong nước và quốc tế để đáp ứng đủ nhu cầu đầu tư nguồn và lưới điện; chủ động xây dựng, tính toán nhu cầu vốn theo các dự án, chương trình đầu tư để làm việc với các đối tác thương mại; sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện di dân tái định cư các công trình nguồn điện và các chương trình mục tiêu cấp điện cho nông thôn, miền núi, hải đảo.

Ngoài ra, EVN sẽ thường xuyên rà soát quy hoạch để đảm bảo đầu tư xây dựng các dự án điện đạt hiệu quả cao, giảm áp lực thu xếp vốn đầu tư xây dựng và góp phần giảm chi phí giá thành.

Các dự án đầu tư xây dựng thu xếp được vốn mới được phép khởi công; tập trung đầu tư vào các dự án điện quan trọng cấp bách, đề xuất điều chỉnh tiến độ đối với các dự án khác, đảm bảo hiệu quả đầu tư, phù hợp với nhu cầu phát triển phụ tải.

Mặt khác, nhằm đảm bảo chất lượng công trình theo đúng thiết kế, tiết kiệm thời gian và chi phí đầu tư xây dựng, Tập đoàn còn tập trung rà soát tổng mức đầu tư các dự án đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành; kiểm soát chặt chẽ tất cả các bước trong hoạt động đầu tư xây dựng từ chuẩn bị đầu tư, tổ chức đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị, thi công xây dựng và nghiệm thu bàn giao.

2. Tạo điều kiện xã hội hóa đầu tư lưới truyền tải

Bộ Công Thương vừa có Văn bản số 2321/BCT-ĐL ngày 31/3/2020 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng Tờ trình của Chính phủ Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích Luật Điện lực, nội dung Nhà nước độc quyền trong hoạt động truyền tải [2].

Theo đó, liên quan đến đề xuất cho phép áp dụng các quy định về xã hội hóa đối với lưới điện truyền tải theo phương thức đối tác công tư (PPP), Bộ Công Thương cho rằng, để có thể thực hiện đầu tư các dự án truyền tải điện theo phương thức xã hội hoá trong điều kiện Luật Đầu tư theo phương thức PPP chưa được ban hành, Thủ tướng cần xem xét, kiến nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết giải thích, làm rõ quy định tại Luật Điện lực về độc quyền nhà nước trong hoạt động truyền tải điện, theo hướng Nhà nước chỉ độc quyền trong quản lý, vận hành lưới điện truyền tải. Trường hợp Luật PPP ban hành và có hiệu lực, trong đó cho phép đầu tư tư nhân tham gia đầu tư (xã hội hóa) lưới điện truyền tải thì việc đầu tư tư nhân có thể áp dụng luật này. Đánh giá về sự cần thiết ban hành Nghị quyết, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp cho rằng, hiện nay, việc đầu tư lưới điện truyền tải chủ yếu do EVN thực hiện. Để giải tỏa hết công suất các nguồn điện NLTT phát triển trong thời gian qua, nhu cầu đầu tư xây dựng lưới điện truyền tải rất lớn. Việc này yêu cầu nguồn vốn lớn, trong khi nguồn vốn nhà nước bị hạn chế. Do đó, nhu cầu huy động các nguồn vốn khác trong đầu tư lưới điện truyền tải là cấp bách.

Tại Khoản 2 Điều 4 về chính sách phát triển điện lực, Luật Điện lực số 28/2004/QH14 quy định: “Nhà nước độc quyền trong hoạt động truyền tải”. Tuy nhiên, Luật Điện lực lại không quy định rõ về hoạt động truyền tải bao gồm những hoạt động cụ thể nào (đầu tư, quản lý, vận hành...). Điều này gây khó khăn cho công tác huy động các nguồn vốn khác trong đầu tư lưới điện truyền tải.

Dự thảo Tờ trình Nghị quyết giải thích về hoạt động truyền tải theo quy định của Luật Điện lực cũng chỉ ra, Luật Điện lực chưa thể hiện việc đầu tư lưới điện truyền tải là độc quyền, chỉ do đơn vị truyền tải thực hiện. Cũng do Luật Điện lực chưa có quy định rõ hoạt động truyền tải có bao gồm hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành lưới điện truyền tải, nên dù Nghị định số 63/2018/NĐ-CP cho phép đầu tư lưới điện truyền tải nhưng trên thực tế chưa có trường nào áp dụng nghị định này để đầu tư. Dự thảo Nghị quyết nêu thực tế việc đầu tư lưới điện truyền tải hiện chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ nguồn NLTT. Hơn nữa, do cách hiểu độc quyền nhà nước trong hoạt động truyền tải bao gồm cả việc đầu tư lưới điện truyền tải nên doanh nghiệp tư nhân mới chỉ đầu tư xây dựng lưới điện truyền tải đấu nối các dự án nguồn điện tới điểm đấu nối theo thỏa thuận với đơn vị truyền tải. Việc ban hành Nghị quyết giải thích hoạt động truyền tải là rất cần thiết để thống nhất cách hiểu, bảo đảm tính thống nhất giữa các quy định pháp luật và phù hợp với chủ trương của Bộ Chính trị về huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế cho đầu tư phát triển lưới điện truyền tải.

Với cương vị là nhà đầu tư NLTT hàng đầu Việt Nam và là doanh nghiệp thực hiện các dự án NLTT lớn nhất tại tỉnh Ninh Thuận, cùng với sự khuyến khích của chính quyền địa phương và hỗ trợ kỹ thuật từ Tập đoàn điện lực Việt Nam, Trungnam Group đã mạnh dạn đề xuất thực hiện Dự án Trạm biến áp 500 kV và đường dây 220/500kV kết hợp Nhà máy điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam 450 MW để giải quyết vấn đề quá tải hệ thống truyền tải quốc gia. Sau khi có quyết định chủ trương đầu tư, Trungnam Group đã nhanh chóng khẩn trương hoàn thiện các thủ tục pháp lý, tập trung mọi nguồn lực thi công để đạt mục tiêu hoàn thành đồng bộ dự án.

3. Phát triển lưới điện Ninh Thuận, Bình Thuận

Để giải tỏa công suất của các nhà máy NLTT ở Ninh Thuận và Bình Thuận, EVN đã xây dựng 3 công trình quan trọng, gồm đường dây 110kV và trạm 220kV Tháp Chàm - Ninh Phước ở tỉnh Ninh Thuận; đường dây 110kV mạch 2 Ninh Phước - Tuy Phong - Phan Rí từ Ninh Thuận qua Bình Thuận và Lộ ra 110kV trạm 220kV Phan Rí 2 ở tỉnh Bình Thuận. Hiện nay các nhà thầu thực hiện các công trình nêu trên đang tập trung nhiều nhân lực, phương tiện, thiết bị để đẩy nhanh tiến độ. Tại hiện trường, có những giai đoạn liên quan tới cắt điện, các công nhân phải làm ca đêm để đẩy nhanh các công trình nhằm sớm đưa vào vận hành.

Để góp phần tăng cường năng lực lưới điện, giải tỏa công suất các nguồn điện NLTT trên địa bàn các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận từ năm 2020, EVN vừa có văn bản báo cáo và đề nghị phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch: Trạm 220 kV Phước Thái được đề xuất điều chỉnh từ công suất 250 MVA lên mức 625 MVA, hoàn thành vào năm 2020 và giao EVN làm chủ đầu tư dự án; Trạm biến áp 220 kV Vĩnh Hảo được đề xuất bổ sung thêm trạm biến áp 220/110 kV, công suất 250 MVA tại trạm cắt 110 kV Vĩnh Hảo 6 (tỉnh Bình Thuận) và nhánh rẽ 220 kV đầu chuyên tiếp vào một mạch đường dây 220 kV Phan Rí – Vĩnh Tân. Tiến độ phần đầu là vận hành năm 2020, giao cho chủ đầu tư nhà máy điện mặt trời tại khu vực Bình Thuận tự đầu tư và quản lý vận hành; Bổ sung đường dây 110 kV Phước Thái – Phước Hữu và Phước Thái – Phước Hữu ĐL 1, đồng bộ với trạm 220 kV Phước Thái, quy mô công suất đề nghị ở mức 625 MVA.

4. Làm tốt công tác đền bù, giải phóng mặt bằng

Về phía EVN:

Chủ động phối hợp chặt với các địa phương và cải tiến một số khâu như thành lập hội đồng đền bù song song với việc lập thiết kế kỹ thuật-tổng dự toán công trình, ký hợp đồng kinh tế về tư vấn đền bù với các quận, huyện...

Chủ động phối hợp chặt chẽ với hội đồng bồi thường, chính quyền các địa phương, tổ chức liên quan vận động, tuyên truyền, giải thích để nhân dân chấp hành chủ trương, chính sách của Nhà nước, tạo điều kiện để đơn vị thi công đúng tiến độ. Thực tế đã chứng minh, các cấp đảng ủy và chính quyền huyện, xã tích cực vào cuộc, phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư thì nhân dân trong vùng dự án đồng thuận rất cao, là nhân tố quan trọng nhất để giải quyết những khó khăn, phức tạp trong công tác đền bù GPMB.

Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa chủ đầu tư với chính quyền địa phương, chủ động phối hợp với các Ban ngành, thông qua Hội đồng đền bù để vận động các hộ dân, các tổ chức bị ảnh hưởng ủng hộ dự án. Thành lập Ban chỉ đạo, Ban tiền phương và cử cán bộ có năng lực, kinh nghiệm thường trực trên tuyến để cùng phối hợp với chính quyền địa phương đề lên kế hoạch thực hiện, hướng dẫn các đầu mục công việc cần ưu tiên giải quyết trước để bàn giao mặt bằng thi công, kịp thời giải quyết được các vướng mắc phát sinh, tạo điều kiện để nhà thầu thi công công trình đảm bảo tiến độ. Tập trung nhân lực để điều hành dự án thi công một cách khoa học và hiệu quả.

Phối hợp với Hội đồng đền bù, Trung tâm phát triển quỹ đất các quận/huyện để thành lập Tổ công tác đặc biệt hỗ trợ thi công, giải thích các chính sách đền bù của địa phương, vừa vận động nhân dân sớm đồng thuận với phương án đền bù được duyệt. Các Ban QLDA cùng với đơn vị thi công tham gia cùng các tổ chức đoàn thể các cấp huyện, xã: UBMTTQVN, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên... phối hợp với Trung tâm quỹ đất, UBND các xã đến từng hộ gia đình

để giải thích, vận động bà con hiểu và chấp hành chính sách của Nhà nước, cũng như lắng nghe tâm tư nguyện vọng của từng nhà, từng hộ để có đề xuất cấp trên giải quyết kịp thời.

Các Ban QLDA tranh thủ gặp gỡ trao đổi, giao lưu, vận động thuyết phục nhân dân trong những thời gian nghỉ ngơi, rảnh rỗi như buổi trưa, tối hoặc những ngày nghỉ để hộ dân có thời gian suy nghĩ nghiên cứu lại chính sách bồi thường đưa ra ý kiến tích cực hơn. Thường xuyên bám sát, gặp gỡ, làm việc, báo cáo chính quyền cơ sở như thôn, ấp, UBND các xã, quận/huyện có dự án đi qua để tăng cường mối quan hệ và chủ động hơn trong việc phối hợp giải quyết các vướng mắc phát sinh, thành lập Tổ công tác (gồm chính quyền, ban ngành, đoàn thể...) thường trực xử lý các vướng mắc trong suốt quá trình nhà thầu thi công kéo dây. Chủ động theo dõi chỉ đạo, hỗ trợ cho các nhà thầu trong việc bồi thường phục vụ thi công và đề xuất biện pháp xử lý phù hợp với tình hình thực tế trên tuyến. Phối hợp với tư vấn thiết kế, nhà thầu thi công để xử lý những vị trí móng đặt chưa phù hợp (đặt trên đường đi, mương thoát nước,...) hoặc khó khăn về bồi thường.

Phối hợp tốt với các cơ quan thông tấn, báo chí, các cơ quan phụ trách công tác tuyên truyền tại địa phương để cung cấp các thông tin tổng thể dự án, các chủ trương chính sách liên quan đến công tác bồi thường GPMB ngay từ những ngày đầu triển khai dự án nhằm tạo sự nhìn nhận khách quan về công tác này, từ đó ủng hộ và hỗ trợ cho chủ đầu tư cũng như chính quyền địa phương chuyển tải được các nội dung cụ thể đến từng người dân trong vùng dự án, tạo sự đồng thuận trong nhân dân.

Kiến nghị bổ sung vào các quy định của Nhà nước hoặc có các biện pháp chế tài khi thực hiện công tác đền bù phục vụ thi công. Đây là dạng đặc thù, không nằm trong các quy định của Chính phủ, địa phương, việc đền bù không thu hồi đất và thực hiện theo biện pháp tổ chức thi công được Chủ đầu tư phê duyệt. Vì vậy, gây khó khăn cho Nhà thầu trong quá trình thi công và ảnh hưởng đến công tác điều hành tiến độ chung của dự án. Ưu tiên, tạo điều kiện đơn giản hóa thủ tục công tác quy hoạch sử dụng đất cho các công trình lưới điện; đồng thời quan tâm tạo quỹ đất, đẩy nhanh công tác thẩm tra, phê duyệt quy hoạch sử dụng đất hàng năm của các tỉnh và sớm cho phép việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng đối với các dự án lưới điện.

Về phía địa phương:

Kiến nghị giao nhiệm vụ trực tiếp cho Chủ tịch UBND các tỉnh/thành phố: Chịu trách nhiệm khi để xảy ra chậm tiến độ GPMB các dự án lưới điện trong Quy hoạch điện; chỉ đạo UBND cấp quận/huyện, xã/phường kịp thời chấn chỉnh, nâng cao trách nhiệm trong công tác quản lý đất đai tại địa phương, tránh trường hợp dân tự ý xây dựng trong mặt bằng TBA, tuyến đường dây được UBND tỉnh/thành phố chấp thuận địa điểm, hướng tuyến gây khó khăn trong công tác GPMB, làm

thất thoát ngân sách nhà nước đồng thời làm ảnh hưởng nhiều đến tiến độ công tác giải phóng mặt bằng.

Tỉnh đã vận dụng phù hợp những chính sách đền bù, giải tỏa mặt bằng. Thành lập tổ chuyên trách gồm các ngành liên quan, gồm nhà đầu tư, trung tâm quỹ đất và địa phương tiếp tục đi vận động bà con, để bà con hiểu thêm về chính sách của nhà nước.

Hướng dẫn nhà đầu tư nộp hồ sơ, rút ngắn thời gian để giải quyết. Cụ thể, đối với rừng tự nhiên, theo quy định là 75 ngày, rừng trồng là khoảng 60 ngày, cơ quan chức năng đã tạo điều kiện hết mức cho ngành điện để thực thi các công trình sớm nhất có thể.

Để khắc phục tình trạng quá tải lưới điện khu vực Ninh Thuận, Bình Thuận, EVN cùng các đơn vị thành viên tập trung mọi nguồn lực và thực hiện đồng bộ các giải pháp trong đầu tư xây dựng để đẩy nhanh tiến độ các công trình lưới điện phục vụ giải tỏa công suất các nguồn điện NLTT. Thời gian qua các đơn vị đã đưa vào vận hành 21 công trình lưới điện từ 110 kV đến 500 kV phục vụ giải tỏa các nguồn điện NLTT với tổng chiều dài đường dây trên 750 km và các trạm biến áp tổng dung lượng 5.025 MVA, trong đó đã hoàn thành vượt tiến độ một số công trình trọng điểm, như: nâng công suất các trạm 500kV Vĩnh Tân, Di Linh; nâng công suất các trạm 220 kV Tháp Chàm, Hàm Tân; hoàn thành đưa vào vận hành các trạm 220 kV mới như Ninh Phước, Phan Rí; đầu tư mới và cải tạo nâng cấp các tuyến đường dây 110kV trong khu vực...

CHƯƠNG II GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HẠ TẦNG LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI

Lưới điện phân phối của Ninh Thuận có nhiệm vụ truyền tải công suất phục vụ nhu cầu phụ tải trong tỉnh, truyền tải công suất các nhà máy điện trong đó có NLTT và điện mặt trời mái nhà lên lưới truyền tải.

I. KHẢ NĂNG TIẾP NHẬN CỦA LƯỚI PHÂN PHỐI NINH THUẬN

Để đánh giá khả năng truyền tải của lưới điện 22kV và của các TBA 110kV truyền tải công suất lên lưới điện 110kV đề án tiến hành cân đối nhu cầu nguồn trạm của tỉnh qua các giai đoạn quy hoạch theo nguyên tắc như sau:

Khả năng tiếp nhận công suất lên lưới 22kV được xác định = Giới hạn truyền tải của các tuyến đường dây 22kV (hiện hữu + Cải tạo + xây dựng mới qua các giai đoạn quy hoạch) – Công suất tính toán tiềm năng năng lượng mặt trời + Công suất lớn nhất của khu vực.

Khả năng tiếp nhận công suất lên lưới 110kV được xác định = Tổng công suất nguồn trạm 110kV (hiện hữu + Cải tạo + Xây dựng mới qua các giai đoạn quy hoạch) – Công suất phát từ lưới điện 22kV lên.

Dựa trên các nguyên tắc trên, khả năng tiếp nhận lên lưới 110kV và khả năng truyền tải của lưới điện 22kV được thể hiện tại các bảng 3 và bảng 4.

Các vùng tính toán gồm:

- + Vùng 1: Tp Phan Rang - Tháp Chàm, huyện Thuận Bắc, huyện Ninh Hải.
- + Vùng 2: huyện Ninh Phước, huyện Thuận Nam
- + Vùng 3: huyện Bắc Ái, huyện Ninh Sơn.

Bảng 3: Khả năng tiếp nhận lên lưới 110kV qua các giai đoạn

		2021 - 2025	2026 - 2030
Vùng 1			
1	Công suất phát từ lưới 22kV lên (MW)	488	950
2	Tổng công suất nguồn trạm 110kV (MVA)	296	321
3	Tổng công suất nguồn trạm 110kV quy đổi ra MW với hệ số $\cos \phi = 0.9$	266.4	288.9
	<i>Tháp Chàm</i>	126	126
	<i>Ninh Hải</i>	65	65
	<i>KCN Du Long</i>	40	40
	<i>Mỹ Phong</i>	65	65
	<i>Thuận Bắc</i>		25
4	Khả năng tiếp nhận công suất lên lưới điện 110kV (MW) (4 = 3 – 1)	-222	-661

		2021 - 2025	2026 - 2030
Vùng 2			
1	Công suất phát từ lưới 22kV lên (MW)	389	820
2	Tổng công suất nguồn trạm 110kV (MVA)	359	422
3	Tổng công suất nguồn trạm 110kV quy đổi ra MW với hệ số $\cos \phi = 0.9$	323.1	379.8
	<i>Ninh Phước</i>	65	65
	<i>Ninh Thuận 1</i>	65	65
	<i>Thuận Nam</i>	40	103
	<i>Ti Tân</i>	40	40
	<i>KCN Cà Ná</i>	126	126
4	Khả năng tiếp nhận công suất lên lưới điện 110kV (MW) ($4 = 3 - 1$)	-86,6	-4460,9
Vùng 3			
1	Công suất phát từ lưới 22kV lên (MW)	126	200
2	Tổng công suất nguồn trạm 110kV (MVA)	40	65
3	Tổng công suất nguồn trạm 110kV quy đổi ra MW với hệ số $\cos \phi = 0.9$	36	58.5
	<i>Ninh Sơn</i>	40	40
	<i>Bắc Ái</i>		25
4	Khả năng tiếp nhận công suất lên lưới điện 110kV (MW) ($4 = 3 - 1$)	-86	-135

Bảng 4: Khả năng tiếp nhận lên lưới 22kV qua các giai đoạn

		2021 - 2025	2026 - 2030
Vùng 1			
1	Pmax, MW	111.6	168.2
2	Công suất tính toán tiềm năng ĐMT áp mái, MW	600	1118
3	Giới hạn truyền tải truyền tải tuyến đường dây 22kV, MW	489.6	489.6
4	Khả năng tiếp nhận công suất lên lưới 22kV ($4 = 3 - 2 + 1$) MW	-222	-796.6
Vùng 2			
1	Pmax, MW	84.1	131.1
2	Công suất tính toán tiềm năng ĐMT áp mái, MW	473	951
3	Giới hạn truyền tải truyền tải tuyến đường dây 22kV, MW	402.5	402.5
4	Khả năng tiếp nhận công suất lên lưới 22kV ($4 = 3 - 2 + 1$) MW	-154.6	-679.6
Vùng 3			

		2021 - 2025	2026 - 2030
1	Pmax, MW	25.6	42.4
2	Công suất tính toán tiềm năng ĐMT áp mái, MW	152	242
3	Giới hạn truyền tải truyền tải tuyến đường dây 22kV, MW	105	105
4	Khả năng tiếp nhận công suất lên lưới 22kV (4 = 3 - 2 + 1) MW	-72.6	-179.4

Từ các bảng 3 và bảng 4 có thể nhận thấy với nguồn trạm 110kV và các xuất tuyến đường dây 22kV được phát triển như trong các giai đoạn quy hoạch của tỉnh sẽ không đáp ứng được việc truyền tải công suất của các dự án ĐMT áp mái trong tương lai cũng như phát huy được tối công suất theo tính toán.

II. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI NINH THUẬN

1. Lưới 110kV

1.1. Giai đoạn 2021 – 2025

Theo bảng tính toán cân đối nhu cầu nguồn TBA 110kV (bảng 3), trong giai đoạn 2021 – 2025, nhu cầu truyền tải công suất từ các dự án ĐMT áp mái tiềm năng lên lưới 110kV với nguồn trạm 110kV hiện hữu và dự kiến trong giai đoạn quy hoạch trên thì nguồn trạm tại vùng 1, vùng 2 và vùng 3 bị thiếu hụt lần lượt khoảng -222MW, -65,9MW và -86MW.

Để đáp ứng được tiềm năng từ các nguồn ĐMT áp mái đề án kiến nghị:

Vùng 1:

+ Nâng công suất TBA 110kV Ninh Hải lên thành TBA có công suất 2x63MVA thay vì nâng công suất trạm lên thành 25+40MVA như quyết định 667/QĐ – BCT về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 – 2025, có xét đến năm 2035 – Hợp phần 1: Quy hoạch phát triển hệ thống 110kV.

+ Nâng công suất TBA 110kV Mỹ Phong lên thành TBA có công suất 2x63MVA thay vì nâng công suất trạm lên thành 25+40MVA theo quyết định 667/QĐ – BCT về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 – 2025, có xét đến năm 2035 – Hợp phần 1: Quy hoạch phát triển hệ thống 110kV.

+ Đẩy nhanh tiến độ xây dựng TBA 110kV Thuận Bắc 25 + 40MVA từ giai đoạn 2026 – 2030 theo quyết định 667/QĐ – BCT về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 – 2025, có xét đến năm 2035 – Hợp phần 1: Quy hoạch phát triển hệ thống 110kV lên thành TBA có công suất 2x63MVA vào giai đoạn 2021 – 2025.

Với các nâng cấp trên đến năm 2025 các nguồn TBA 110kV sẽ đảm bảo để truyền tải hết công suất tiềm năng của ĐMT áp mái của vùng 1 lên lưới điện 110kV.

Vùng 2:

+ Nâng công suất TBA 110kV Ninh Phước lên thành TBA có công suất 2x63MVA thay vì nâng công suất trạm lên thành 25+40MVA như quyết định 667/QĐ – BCT về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 – 2025, có xét đến năm 2035 – Hợp phần 1: Quy hoạch phát triển hệ thống 110kV.

+ Nâng công suất TBA 110kV Thuận Nam lên thành TBA có công suất 2x63MVA vào giai đoạn 2021 - 2025 thay vì nâng công suất trạm lên thành 40+63MVA vào giai đoạn 2026 – 2030 theo quyết định 667/QĐ – BCT về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 – 2025, có xét đến năm 2035 – Hợp phần 1: Quy hoạch phát triển hệ thống 110kV.

Với các nâng cấp trên đến năm 2025 các nguồn TBA 110kV sẽ đảm bảo để truyền tải hết công suất tiềm năng của ĐMT áp mái của vùng 2 lên lưới điện 110kV.

Vùng 3:

+ Lắp máy thứ 2 với dung lượng 63MVA tại TBA 110kV Ninh Sơn nâng công suất của TBA 110kV Ninh Sơn thành 40 + 63MVA vào giai đoạn 2021 – 2025

+ Đẩy nhanh tiến độ xây dựng TBA 110kV Bắc Ái 25MVA từ giai đoạn 2026 – 2030 theo quyết định 667/QĐ – BCT về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 – 2025, có xét đến năm 2035 – Hợp phần 1: Quy hoạch phát triển hệ thống 110kV lên thành TBA có công suất 63MVA vào giai đoạn 2021 – 2025.

Với các nâng cấp trên đến năm 2025 các nguồn TBA 110kV sẽ đảm bảo để truyền tải hết công suất tiềm năng của ĐMT áp mái của vùng 2 lên lưới điện 110kV.

1.2. Giai đoạn 2026 – 2030

Theo bảng tính toán cân đối nhu cầu nguồn TBA 110kV (bảng 3), trong giai đoạn 2021 – 2025, nhu cầu truyền tải công suất từ các dự án ĐMT áp mái tiềm năng lên lưới 110kV với nguồn trạm 110kV hiện hữu và dự kiến trong giai đoạn quy hoạch trên thì nguồn trạm tại vùng 1, vùng 2 và vùng 3 bị thiếu hụt lần lượt khoảng -661MW, -460,9MW và -135MW.

Để đáp ứng được tiềm năng từ các nguồn ĐMT áp mái đề án kiến nghị:

Vùng 1:

+ Mở rộng quy mô TBA 110kV Tháp Chàm hiện hữu và lắp MBA T3 nâng công suất TBA 110kV Tháp Chàm thành 3x63MVA;

+ Mở rộng quy mô TBA 110kV Ninh Hải hiện hữu và lắp MBA T3 nâng công suất TBA 110kV Tháp Chàm thành 3x63MVA;

+ Mở rộng quy mô TBA 110kV Thuận Bắc hiện hữu và lắp MBA T3 nâng công suất TBA 110kV Tháp Chàm thành 3x63MVA;

+ Tại thành phố Phan Rang – Tháp Chàm theo tính toán tiềm năng ĐMT áp mái sẽ chiếm tỷ trọng lớn nhất của cả tỉnh cũng như trong vùng 1, hiện tại nguồn TBA 110kV tại thành phố hiện đang phụ thuộc toàn bộ vào TBA 110kV Tháp Chàm do vậy để đáp ứng được nhu cầu phát triển ĐMT áp mái theo tính toán trong giai đoạn này cần tiến hành xây dựng mới TBA 110kV trong khu vực thành phố, đề án tạm gọi TBA 110kV xây dựng mới này là TBA 110kV Tháp Chàm 2 với quy mô công suất 3x63MVA trong giai đoạn này lắp đặt 2x63MVA.

+ Tại huyện Ninh Hải, theo tính toán tiềm năng ĐMT áp mái có tỷ trọng lớn thứ 2 của vùng 1, hiện tại nguồn TBA 110kV tại huyện đang phụ thuộc vào toàn bộ TBA 110kV Ninh Hải do vậy để đáp ứng được nhu cầu phát triển ĐMT áp mái theo tính toán trong giai đoạn này cần phải tiến hành xây dựng mới TBA 110kV trong khu vực huyện Ninh Hải, đề án tạm gọi TBA 110kV xây dựng mới này là TBA 110kV Ninh Hải 2 với quy mô công suất 3x63MVA trong giai đoạn này sẽ lắp đặt 2x63MVA.

+ Nâng công suất TBA 110kV Thuận Bắc từ 2x63MVA tại giai đoạn 2021 – 2025 lên thành 3x63MVA trong giai đoạn này.

+ Nâng công suất TBA 110kV KCN Du Long từ 40MVA theo quyết định 667/QĐ – BCT về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 – 2025, có xét đến năm 2035 – Hợp phần 1: Quy hoạch phát triển hệ thống 110kV lên thành TBA có công suất 2x63MVA vào giai đoạn này.

Với các nâng cấp trên đến năm 2030 các nguồn TBA 110kV sẽ đảm bảo để truyền tải hết công suất tiềm năng của ĐMT áp mái của vùng 2 lên lưới điện 110kV.

Vùng 2:

+ Mở rộng quy mô TBA 110kV Ninh Phước hiện hữu và lắp MBA T3 nâng công suất TBA 110kV Ninh Phước thành 3x63MVA;

+ Nâng công suất TBA 110kV Ninh Thuận 1 từ 25 + 40MVA theo quyết định 667/QĐ – BCT về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 – 2025, có xét đến năm 2035 – Hợp phần 1: Quy hoạch phát triển hệ thống 110kV lên thành TBA có công suất 2x63MVA vào giai đoạn này.

+ Mở rộng quy mô TBA 110kV Thuận Nam hiện hữu và lắp MBA T3 nâng công suất TBA 110kV Thuận Nam thành 3x63MVA;

+ Tại huyện Ninh Hải, theo tính toán tiềm năng ĐMT áp mái có tỷ trọng lớn của tỉnh, hiện tại nguồn TBA 110kV tại huyện đang phụ thuộc vào toàn bộ TBA 110kV Ninh Phước và TBA 110kV Ninh Thuận 1 do vậy để đáp ứng được nhu cầu phát triển ĐMT áp mái theo tính toán trong giai đoạn này cần tiến hành xây dựng

mới TBA 110kV trong khu vực huyện Ninh Phước, đề án tạm gọi TBA 110kV xây dựng mới này là TBA 110kV Ninh Phước 2 với quy mô công suất 3x63MVA trong giai đoạn này sẽ lắp đặt 2x63MVA.

+ Tại huyện Thuận Nam, theo tính toán tiềm năng ĐMT áp mái có tỷ trọng lớn của tỉnh, hiện tại nguồn TBA 110kV tại huyện đang phụ thuộc vào toàn bộ TBA 110kV Thuận Nam do vậy để đáp ứng được nhu cầu phát triển ĐMT áp mái theo tính toán trong giai đoạn này cần tiến hành xây dựng mới TBA 110kV trong khu vực huyện Thuận Nam, đề án tạm gọi TBA 110kV xây dựng mới này là TBA 110kV Thuận Nam với quy mô công suất 3x63MVA trong giai đoạn này sẽ lắp đặt 2x63MVA.

Với các nâng cấp trên đến năm 2030 các nguồn TBA 110kV sẽ đảm bảo để truyền tải hết công suất tiềm năng của ĐMT áp mái của vùng 2 lên lưới điện 110kV.

Vùng 3:

+ Nâng công suất TBA 110kV Ninh Sơn từ 40+63MVA lên thành 2x63MVA để đáp ứng được nhu cầu truyền tải các dự án ĐMT áp mái trong giai đoạn này;

+ Lắp đặt MBA T2 với dung lượng 63MVA tại TBA 110kV Bắc Ái nâng công suất TBA 110kV Bắc Ái lên thành 2x63MVA.

Với các nâng cấp trên đến năm 2030 các nguồn TBA 110kV sẽ đảm bảo để truyền tải hết công suất tiềm năng của ĐMT áp mái của vùng 2 lên lưới điện 110kV.

2. Lưới 22kV

2.1. Giai đoạn 2021 – 2025

Theo bảng tính toán khả năng tiếp nhận lên lưới 22kV (bảng 4), trong giai đoạn 2021 – 2025, nhu cầu truyền tải công suất từ các dự án ĐMT áp mái tiềm năng lên lưới 22kV với tuyến đường dây 22kV hiện hữu và dự kiến trong giai đoạn quy hoạch trên thì tại vùng 1, vùng 2 và vùng 3 bị thiếu hụt lần lượt khoảng -222MW, -154,6MW và -72,6MW.

Để đáp ứng được tiềm năng từ các nguồn ĐMT áp mái, đề án kiến nghị:

Vùng 1:

+ Xây dựng mới mạch 2 các tuyến đường dây 22kV 471, 472, 473, 474, 475 sau TBA 110kV Tháp Chàm sử dụng dây dẫn ACSR185 nâng cao khả năng tải công suất các dự án ĐMT áp mái khu vực thành phố Phan Rang – Tháp Chàm;

+ Xây dựng mới mạch 2 các tuyến đường dây 22kV 476, 477, 478 sau TBA 110kV Tháp Chàm sử dụng dây dẫn bọc tiết diện 240mm² nâng cao khả năng tải công suất các dự án ĐMT áp mái khu vực thành phố Phan Rang – Tháp Chàm;

+ Xây dựng mới 3 xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Mỹ Phong sử dụng dây dẫn ACSR240 truyền tải công suất các nhà ĐMT áp mái khu vực huyện Ninh Hải;

+ Xây dựng mới 4 xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Thuận Bắc sử dụng dây dẫn ACSR240 truyền tải công suất ĐMT áp mái khu vực huyện Thuận Bắc;

+ Cải tạo toàn bộ các tuyến đường dây 22kV sau TBA 110kV Ninh Hải hiện sử dụng dây dẫn ACSR185 lên thành dây dẫn ACSR240 nâng cao khả năng tải công suất các dự án ĐMT áp mái khu vực huyện Ninh Hải và một phần các dự án ĐMT áp mái khu vực thành phố Phan Rang – Tháp Chàm;

Với việc xây dựng và nâng cấp thêm các tuyến đường dây 22kV đảm bảo được việc truyền tải toàn bộ công suất các dự án ĐMT áp mái trong giai đoạn này;

Vùng 2:

+ Xây dựng mạch 2 các tuyến đường dây 22kV sau TBA 110kV Ninh Phước sử dụng dây ACSR185 nâng cao khả năng tải công suất các dự án ĐMT áp mái khu vực huyện Ninh Phước.

+ Xây dựng mới 4 xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Thuận Nam sử dụng dây dẫn ACSR240 nhằm nâng cao khả năng tải công suất các dự án ĐMT áp mái khu vực huyện Thuận Nam.

Với việc xây dựng và nâng cấp thêm các tuyến đường dây 22kV đảm bảo được việc truyền tải toàn bộ công suất các dự án ĐMT áp mái trong giai đoạn này;

Vùng 3:

+ Xây dựng mạch 4 các tuyến đường dây 22kV sau TBA 110kV Bắc Ái sử dụng dây ACS240 tải công suất các dự án ĐMT áp mái khu vực huyện Ninh Phước.

Với việc xây dựng thêm các tuyến đường dây 22kV đảm bảo được việc truyền tải toàn bộ công suất các dự án ĐMT áp mái trong giai đoạn này;

2.2. Giai đoạn 2026 – 2030

Theo bảng tính toán khả năng tiếp nhận lên lưới 22kV (bảng 4) thì trong giai đoạn 2021 – 2025, nhu cầu truyền tải công suất từ các dự án ĐMT áp mái tiềm năng lên lưới 22kV với tuyến đường dây 22kV hiện hữu và dự kiến trong giai đoạn quy hoạch trên thì tại vùng 1, vùng 2 và vùng 3 bị thiếu hụt lần lượt khoảng -796,6MW, -679,6MW và -179,4MW.

Để đáp ứng được tiềm năng từ các nguồn ĐMT áp mái đề án kiến nghị:

Vùng 1:

+ Xây dựng mới 4 xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Tháp Chàm sử dụng dây dẫn bọc tiết diện 240mm² làm nhiệm vụ truyền tải công suất các dự án ĐMT áp mái khu vực thành phố Phan Rang – Tháp Chàm;

+ Xây dựng mới 4 xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Ninh Hải sử dụng dây dẫn bọc tiết diện 240mm² làm nhiệm vụ truyền tải công suất các dự án ĐMT áp mái khu vực huyện Ninh Hải;

+ Xây dựng mới 8 xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Ninh Hải 2 sử dụng dây dẫn ACSR 240 làm nhiệm vụ truyền tải công suất các dự án ĐMT áp mái khu vực huyện Ninh Hải;

+ Xây dựng mới 8 xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Tháp Chàm 2 sử dụng dây dẫn ACSR 240 làm nhiệm vụ truyền tải công suất các dự án ĐMT áp mái khu vực thành phố Phan Rang – Tháp Chàm;

Với việc xây dựng thêm các tuyến đường dây 22kV đảm bảo được việc truyền tải toàn bộ công suất các dự án ĐMT áp mái trong giai đoạn này;

Vùng 2:

+ Xây dựng mới 4 xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Ninh Phước sử dụng dây dẫn ACSR240 làm nhiệm vụ truyền tải công suất các dự án ĐMT áp mái khu vực huyện Ninh Phước;

+ Xây dựng mới 4 xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Ninh Thuận 1 sử dụng dây dẫn ACSR240 làm nhiệm vụ truyền tải công suất các dự án ĐMT áp mái khu vực huyện Ninh Phước;

+ Xây dựng mới 4 xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Thuận Nam sử dụng dây dẫn ACSR240 làm nhiệm vụ truyền tải công suất các dự án ĐMT áp mái khu vực huyện Thuận Nam;

+ Xây dựng mới 8 xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Thuận Nam 2 sử dụng dây dẫn ACSR 240 làm nhiệm vụ truyền tải công suất các dự án ĐMT áp mái khu vực huyện Thuận Nam;

+ Xây dựng mới 8 xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Ninh Phước 2 sử dụng dây dẫn ACSR 240 làm nhiệm vụ truyền tải công suất các dự án ĐMT áp mái khu vực huyện Ninh Phước;

Với việc xây dựng thêm các tuyến đường dây 22kV đảm bảo được việc truyền tải toàn bộ công suất các dự án ĐMT áp mái trong giai đoạn này;

Vùng 3:

+ Xây dựng mới 4 xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Ninh Sơn sử dụng dây dẫn ACSR240 làm nhiệm vụ truyền tải công suất các dự án ĐMT áp mái khu vực huyện Ninh Sơn;

+ Xây dựng mới 4 xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Bắc Ái sử dụng dây dẫn ACSR240 làm nhiệm vụ truyền tải công suất các dự án ĐMT áp mái khu vực huyện Bắc Ái;

Với việc xây dựng thêm các tuyến đường dây 22kV đảm bảo được việc truyền tải toàn bộ công suất các dự án ĐMT áp mái trong giai đoạn này;

Với việc nâng công suất các nguồn TBA hạ áp và các nguồn trạm 110kV cũng như các tuyến đường dây 22kV việc truyền tải công suất của các dự án ĐMT áp mái tiềm năng lên lưới điện 110kV được đảm bảo.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP KHÁC

1. Đẩy mạnh thực hiện các công trình giải tỏa công suất điện lưới phân phối

Ninh Thuận đang đẩy nhanh thực hiện các công trình giải tỏa công suất điện nhằm giải bài toán giảm phát điện tại các dự án điện NLTT. Nỗ lực của nhà đầu tư cùng chính quyền địa phương trong việc đẩy nhanh thực hiện các dự án giải tỏa công suất điện nhằm giải quyết bài toán giảm phát điện tại các dự án NLTT như dự án Trạm biến áp 220 kV Ninh Phước (xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận) có tổng mức đầu tư 352,987 tỷ đồng đang được Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia (EVNNPT) gấp rút triển khai, dự kiến đóng điện, đưa vào vận hành tháng 6/2020. Việc đưa trạm 200 kV Ninh Phước vào vận hành còn nâng cao, cải thiện điện áp lưới điện 110 kV khu vực, đồng thời giảm tổn thất điện năng. Công trình này sẽ góp phần đảm bảo cung ứng điện cho miền Nam trong giai đoạn tới cũng như có ý nghĩa quan trọng trong việc vận hành kinh tế hệ thống điện quốc gia.

Thực tế hiện nay hệ thống truyền tải điện của Ninh Thuận đang quản lý, vận hành hai trạm 220kV Tháp Chàm và Ninh Phước, cùng với việc quản lý hệ thống đường dây Vĩnh Tân - Tháp Chàm, Đa Nhim - Tháp Chàm và Tháp Chàm - Nha Trang... giúp tải toả công suất cho 10 nhà máy điện mặt trời nổi lưới như điện mặt trời Nhị Hà, Đức Long - Gia Lai, Phước Thái... có tổng công suất 1.200 MW.

2. Số hóa hạ tầng lưới điện phân phối

Lưới điện phân phối Ninh Thuận khi có sự tham gia của hàng trăm nhà máy điện gió, mặt trời, điện mặt trời mái nhà sẽ trở nên rất phức tạp. Vì vậy, cần thiết xây dựng CSDL dùng chung phục vụ quản lý kỹ thuật, quản lý khách hàng, quản lý lưới phân phối, giám sát và thu thập dữ liệu.

Bước đầu tiên là xây dựng danh mục dữ liệu đảm bảo quản lý đầy đủ thông tin lưới điện. Trên cơ sở đó, phân lớp đối tượng, phân nhóm lớp dữ liệu địa lý và các thuộc tính; đồng thời xác định mối quan hệ giữa các lớp dữ liệu và thiết lập các luật quan hệ, hành vi cho các lớp dữ liệu.

Sau đó, thiết kế CSDL đáp ứng khả năng lưu trữ khối lượng dữ liệu lớn, cho phép làm việc nhiều người dùng; đồng thời có tính tương thích và hỗ trợ khả năng chia sẻ với các hệ thống CSDL GIS khác.

Việc số hóa hạ tầng lưới điện phân phối giúp các nhà quản lý nắm bắt nhanh, chính xác tình hình lưới điện trên địa bàn phụ trách. Cập nhật đầy đủ và chính xác thông tin về hiện trạng lưới điện; xác định được những thay đổi bất thường trên tuyến, trạm, đường dây, ảnh hưởng đến hệ thống lưới điện. Từ đó có biện pháp ngăn chặn, khắc phục kịp thời. Tạo điều kiện thuận lợi trong quy hoạch, quản lý mạng lưới điện. Tối ưu hóa việc phát triển mạng lưới điện, tính toán được khối lượng công việc, đường dây, thiết bị cần sử dụng, hạn chế rủi ro, tổn thất. Tạo cơ

sở xây dựng hệ thống lưới điện thông minh (SmartGrid). Việc quản lý trực quan ngay trên bản đồ kết hợp việc định vị vị trí khách hàng giúp người điều hành có thể nhanh chóng đưa nhân lực di chuyển đến vị trí gặp sự cố và khắc phục trong thời gian sớm nhất.

3. Quy hoạch phát triển trung tâm NLTT Ninh Thuận

Để có giải pháp tổng thể phù hợp để có thể giải phóng hết được lượng công suất có thể sản xuất theo kế hoạch của Ninh Thuận đến năm 2030, cần thiết lập Quy hoạch phát triển Trung tâm NLTT Ninh Thuận.

Hiện nay, đã có các quy hoạch liên quan trực tiếp đến TTNLTT Ninh Thuận như:

Về phía tỉnh Ninh Thuận:

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (tại Quyết định số 1222/QĐ-TTg ngày 22/7/2011);

- Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 – 2025, có xét đến năm 2035 đã được Bộ Công Thương phê duyệt (tại quyết định số 667/QĐ-BCT ngày 01/3/2018);

- Quy hoạch phát triển điện mặt trời tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011 – 2020, tầm nhìn đến 2030 đã trình Bộ Công Thương (tại tờ trình số 180/TTr-UBND ngày 16/10/2017);

- Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Bộ Công Thương phê duyệt (tại Quyết định số 2574/QĐ-BCT ngày 23/4/2013);

- Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Ninh Thuận (Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) tỉnh Ninh Thuận và Nghị quyết số 74/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Thuận điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối tỉnh Ninh Thuận);

Về phía quốc gia:

- Quy hoạch điều chỉnh phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 – 2020 có xét đến năm 2030 (tại quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/03/2016)

Ngoài ra còn có các quy hoạch bổ sung các dự án điện gió, điện mặt trời được Bộ Công Thương thẩm định và phê duyệt riêng lẻ, và các quy hoạch ngành, quy hoạch chi tiết có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành liên quan khác cả ở cấp tỉnh và cấp quốc gia.

Hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia VIII đang được lập. Ngoài ra còn có các quy hoạch ngành, quy hoạch chi tiết có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành liên quan khác cả ở cấp tỉnh và cấp quốc gia. Hầu hết các quy hoạch trên đều đến

giai đoạn lập mới, hoặc hiệu chỉnh hoặc lồng ghép, theo giai đoạn theo Luật Quy hoạch năm 2017.

Quy hoạch TTNLTT Ninh Thuận sẽ đặt mục tiêu xây dựng hạ tầng điện lực để có thể khai thác triệt để và hiệu quả nguồn NLTT tại Ninh Thuận theo quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 55/NQ-TW của Bộ Chính trị [3]. Đồng thời sẽ tích hợp phương án phát triển lưới truyền tải thu gom công suất các nguồn điện NLTT với nội dung về phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh. Tiến độ xây dựng và đưa vào vận hành các dự án phù hợp với yêu cầu huy động nguồn của điện lực quốc gia thông qua các phương thức huy động nguồn điện của điện lực quốc gia. Quy hoạch TTNLTT sẽ đồng bộ quá trình mở rộng/ nâng cấp cơ sở hạ tầng lưới điện truyền tải với các dự án phát điện, đồng thời tối ưu hóa lưới điện trên địa bàn tỉnh để giảm chi phí đầu tư và tiết kiệm đất. Nó sẽ xác định rõ ranh giới, phạm vi của TTNLTT để quy hoạch không gian và các thông số kỹ thuật bố trí các nhà máy điện và các tuyến đường dây tải điện. Nó cũng là căn cứ để đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù để tận dụng lợi suất quy mô, tạo ra một vùng NLTT cạnh tranh, thu hút các nhà đầu tư, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất.

CHƯƠNG III

GIẢI PHÁP ĐỒNG BỘ HÓA CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN TRONG CÁC QUY HOẠCH

Thời gian qua, Chính phủ và các bộ ngành đã có nhiều nỗ lực để xây dựng những quy hoạch phát triển NLTT với mục tiêu tăng tỷ lệ điện năng từ các nguồn NLTT trong cơ cấu hệ thống điện quốc gia và đã thu được một số kết quả tích cực. Tuy nhiên, các quy hoạch đang có cũng bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Có sự thiếu đồng bộ giữa các chiến lược, quy hoạch ngành liên quan đến phát triển TTNLTT Ninh Thuận gây mất cân bằng phát triển nguồn và lưới, chòng chéo về nhu cầu sử dụng đất ở các quy hoạch,... Những ngải pháp đồng bộ hoá các yếu tố liên quan phát triển NLTT tại Ninh Thuận trong các quy hoạch tổng thể và quy hoạch chuyên ngành tập trung vào các vấn đề pháp lý thực hiện các quy hoạch, rà soát sự đồng bộ các quy hoạch hiện có, sự phối hợp giữa các quy hoạch khi lập mới.

I. GIẢI PHÁP Ở PHẠM VI QUỐC GIA

Một số giải pháp chủ yếu liên quan đến phát triển NLTT tại Ninh Thuận ở quy mô quốc gia:

- Cần xem xét sửa đổi Luật điện lực để có cơ chế phù hợp khuyến khích các thành phần kinh tế tư nhân tham gia đầu tư lưới truyền tải với 2 hình thức: tư nhân đầu tư đường dây từ nhà máy điện đến điểm đấu nối và tư nhân đầu tư lưới truyền tải. Nhà đầu tư và ngành Điện sẽ thống nhất phạm vi đầu tư, quản lý vận hành theo quy định pháp luật và Nhà nước chỉ nên độc quyền về quản lý, vận hành, còn phần đầu tư cần cho phép xã hội hóa.

- Xem xét xây dựng Luật NLTT để có được khung pháp lý cơ sở đảm bảo vận hành thị trường điện tái tạo ổn định, bền vững.

- Cần xây dựng quy hoạch phát triển điện lực cấp quốc gia nói chung và quy hoạch điện tái tạo cấp quốc gia nói riêng và quá trình lập quy hoạch phải có sự đồng bộ các khâu phát điện, truyền tải và phân phối. Thực hiện được vấn đề này sẽ giúp triển được các dự án điện tái tạo đặc biệt ở các địa phương có mật độ nhà máy cao không bị thiếu đường dây truyền tải và có thể phát được hết công suất nhà máy lên lưới điện. Hơn nữa, khả năng kết nối, liên kết trao đổi điện tái tạo và các nguồn điện khác giữa các địa phương, vùng miền cũng sẽ được phát triển.

- Xem xét, nghiên cứu ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành cơ chế xử lý đối với các chủ đầu tư IPP thực hiện dự án chậm tiến độ hoặc không thực hiện dự án do lỗi của phía nhà đầu tư và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước các cấp nếu để xảy ra chậm tiến độ do lỗi của các cơ quan quản lý. Xem xét việc đưa nội dung cơ chế này vào Quy hoạch phát triển

điện lực quốc gia giai đoạn 2020 – 2030, có xét đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII).

- Sớm nghiên cứu, hướng dẫn cụ thể về cơ chế đầu tư và hoàn trả vốn đầu tư lưới điện truyền tải đối với các nhà đầu tư tư nhân (xã hội hóa đầu tư một số lưới truyền tải đầu nối).

- Sớm xây dựng hướng dẫn triển khai thực hiện các dự án điện đầu tư theo hình thức đối tác công tư để có thể thực hiện ngay sau khi Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực.

- Hướng dẫn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thống nhất việc đăng ký, bổ sung quy hoạch sử dụng đất 5 năm và kế hoạch sử dụng đất hàng năm của các địa phương; Chủ động, tích cực phối hợp chặt chẽ với các địa phương, chủ đầu tư để kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, GPMB.

- Giải quyết kịp thời các vướng mắc liên quan chuyển đổi đất rừng để đảm bảo tiến độ thực hiện đầu tư các dự án điện. Khẩn trương có hướng dẫn đầy đủ, thống nhất các hồ sơ thủ tục, trình tự về chuyển đổi đất rừng để các Chủ đầu tư và các Địa phương thực hiện.

- Xem xét, nghiên cứu các giải pháp hỗ trợ các nhà đầu tư trong thu xếp vốn, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án điện IPP.

- Ban hành các tiêu chí đấu thầu cạnh tranh cho riêng từng loại công nghệ điện tái tạo. Tuy nhiên, cần xem xét thống nhất các yêu cầu và các điều kiện hỗ trợ nhà đầu tư về mặt bằng đất sạch, đường dây truyền tải... để nhà đầu tư có cơ sở tính toán chính xác giá thấp nhất có thể tham gia đấu thầu. Cơ chế này là sự cạnh tranh làm giảm chi phí bù giá tối thiểu, danh sách các dự án điện tái tạo sẽ được lựa chọn từ thấp đến cao cho đến khi thỏa mãn mục tiêu phát triển đặt ra cho từng loại điện tái tạo. Chính phủ có thể kiểm soát số lượng dự án được lựa chọn và đảm bảo khả năng đầu tư cho nhà đầu tư lâu dài.

- Xem xét xây dựng giá FIT mới cho điện gió và điện mặt trời được ổn định và lâu dài hơn. Điều này sẽ giúp nhà đầu tư yên tâm hơn và cẩn thận lựa chọn công nghệ hiện đại với chất lượng tốt nhất cho dự án trong bối cảnh ảnh hưởng tiến độ cung cấp hàng hóa thiết bị từ dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn ra trên khắp thế giới. Điện mặt trời áp mái nhà nên được xây dựng giá FIT mới hấp dẫn hơn để có thể huy động rộng rãi nguồn lực đầu tư từ khu vực hộ dân và các văn phòng, tòa nhà có thể đầu tư hệ thống điện mặt trời nhằm giảm áp lực lưới truyền tải của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

- Cần xây dựng quy hoạch không gian biển cũng như cơ sở hạ tầng phù hợp để tạo điều kiện phát triển điện gió trên biển. Các khung pháp lý, quy định tiêu chuẩn kỹ thuật cũng cần được hoàn thiện sớm để có thể triển khai các dự án điện gió ngoài khơi.

II. GIẢI PHÁP Ở PHẠM VI TỈNH NINH THUẬN

Trong thời gian qua, tỉnh Ninh Thuận đã thu hút mạnh các nhà đầu tư trong lĩnh vực NLTT và hiện là địa phương dẫn đầu cả nước trong lĩnh vực này nhưng cũng còn một số rào cản nhất định trong việc phát triển NLTT ở địa phương. Một số giải pháp phát triển NLTT tại Ninh Thuận trong quy hoạch cấp tỉnh được đề xuất như sau:

- Nghiên cứu, ban hành một số cơ chế ưu đãi đặc thù để thúc đẩy phát triển TTNLTT Ninh Thuận nói riêng và một số trung tâm NLTT tại các vùng và các địa phương có lợi thế. Một số cơ chế kiến nghị xem xét gồm:

+ Giao các cơ quan, đơn vị chuyên môn sớm nghiên cứu, hướng dẫn cụ thể về cơ chế đầu tư và hoàn trả vốn đầu tư lưới điện truyền tải đối với các nhà đầu tư tư nhân (xã hội hóa đầu tư một số lưới truyền tải đấu nối) hoặc nghiên cứu, xác định ranh giới phạm vi hạ tầng lưới điện dùng chung và xây dựng cơ chế dùng chung phù hợp với cơ chế thị trường trong TTNLTT Ninh Thuận. Cơ chế để các nhà phát triển dự án nguồn điện có thể chia sẻ chi phí hạ tầng lưới điện bằng cách đệ trình, được phê duyệt và thiết lập khu vực hạ tầng lưới điện dùng chung để cùng sử dụng phục vụ phát điện vào lưới. Đề xuất này dựa trên nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu thực hiện Nghị quyết 55 và theo Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư¹, trong đó quy định cụ thể lưới điện là một trong các lĩnh vực đầu tư cho phép sự tham gia của khối tư nhân.

+ Xem xét, nghiên cứu ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành cơ chế rút gọn quy trình thủ tục đầu tư các công trình điện trong phạm vi TTNLTT Ninh Thuận;

+ Xem xét xây dựng hướng dẫn triển khai thực hiện các dự án điện đầu tư theo hình thức đối tác công tư để có thể thực hiện ngay sau khi Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực.

+ Nghiên cứu, ban hành các cơ chế về giảm thiểu rủi ro về đầu ra cho các nhà máy điện trong hợp đồng mua bán điện như xác định mức bao tiêu tối thiểu bắt buộc, rủi ro về đấu nối và các rủi ro khác để tạo điều kiện cho các nhà đầu tư tiếp cận được các nguồn vốn cả trong nước và ngoài nước.

- Kịp thời chấn chỉnh, nâng cao trách nhiệm trong công tác quản lý đất đai tại địa phương; thường xuyên cập nhật danh mục dự án điện và diện tích đất rừng cần chuyển đổi để đưa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Cần quy định cập nhật sử dụng các công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại đối với các dự án điện tái tạo xin bổ sung vào quy hoạch điện tái tạo và xin đầu tư trong địa bàn tỉnh.

- Các dự án NLTT và công trình đường dây và trạm biến áp để đấu nối với lưới điện quốc gia được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định

¹ Luật số 64/2020/QH14

đối với dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư. Cần đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng giao đất cho nhà đầu tư thực hiện dự án kịp tiến độ đã được phê duyệt.

- Cơ sở hạ tầng cần tiếp tục được nâng cấp tạo điều kiện thuận lợi trong việc vận chuyển các thiết bị siêu trường, siêu trọng.

- Cần sớm có văn bản hướng dẫn cụ thể việc thực hiện đầu tư các dự án điện mặt trời áp mái trong địa bàn tỉnh để có thể thu hút nguồn đầu tư từ các doanh nghiệp tư nhân và hộ dân cư, văn phòng...

- Áp dụng các ưu đãi theo quy định hiện hành cho doanh nghiệp về Thuế nhập khẩu và Thuế thu nhập doanh nghiệp. Cho phép nhà đầu tư được huy động vốn dưới các hình thức pháp luật cho phép từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế để học hỏi trao đổi kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ, tìm kiếm các nguồn tài trợ để phát triển điện tái tạo ở địa phương.

CHƯƠNG IV

GIẢI PHÁP GIẢM TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Các giải pháp giảm tác động môi trường tập trung vào các vấn đề kiểm soát ô nhiễm môi trường trong quá trình thiết kế, thi công, vận hành bảo dưỡng, xử lý chất thải của nhà máy điện gió và mặt trời. Một số vấn đề môi trường khác như ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường sinh thái, tiếng ồn, phát thải rác thải nguy hại, ... cũng được xem xét.

I. GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI

1. Các biện pháp giảm thiểu trong quá trình thiết kế

Các đường cáp điện được chôn ngầm trực tiếp trong đất, phải lót dưới cáp và phủ trên cáp một lớp cát hoặc đất mịn mềm dày ít nhất 100mm suốt dọc tuyến, phải đánh dấu và đậy cáp bằng một lớp băng thép hoặc tấm PVC cứng hoặc gạch đất sét nung xếp ngang (không dùng gạch silicat). Đặt cáp ở độ sâu vừa đủ để tránh cho cáp khỏi các phá hoại cơ học có thể xảy ra trong quá trình sử dụng, sau đó lấp đất đầm chặt.

2. Các biện pháp giảm thiểu trong quá trình thi công

- Phương án tổ chức thi công hợp lý, thi công nhiều ca, tăng năng suất, dứt điểm đối với từng hạng mục để giảm thời gian chiếm dụng đất tạm thời.
- Tận dụng khối lượng đất đào làm đất đắp.
- Trồng cỏ, kê móng tại các vị trí độ dốc lớn, dễ xói mòn, ...
- Kiểm tra máy móc thi công thường xuyên tránh để dầu nhớt tràn ra ngoài.
- Thu gom rác và xử lý nước thải trong các hoạt động sinh hoạt và xây dựng.
- Đảm bảo tất cả các máy móc có giấy phép hoạt động hợp lệ trong suốt thời gian thực hiện dự án.
- Khi thời tiết khô cần phun nước tưới tại những điểm xây dựng phát sinh nhiều bụi.
- Không cho phép các nhà thầu xây dựng mở rộng diện tích chặt phá cây cối ngoài hành lang an toàn đã được xác định.
- Dùng phương pháp thủ công để phát quang cây cỏ, không phát quang bằng máy móc và sử dụng thuốc diệt cỏ nhằm bảo vệ tối đa hệ sinh thái tự nhiên.
- Có chính sách bồi thường hỗ trợ tái định cư hợp lý.
- Rà phá bom mìn trước khi thi công.
- Khu vực công trường xây dựng sẽ được rào ngăn và đặt bảng báo không cho người không có nhiệm vụ vào công trường.

3. Các biện pháp giảm thiểu trong quá trình quản lý vận hành

Để đảm bảo an toàn trong vận hành cần thực hiện đúng quy trình kỹ thuật an toàn điện trong công tác vận hành, cụ thể:

- Nghiêm cấm những người lạ vào công trình, đối với những người vào tham quan, nghiên cứu phải do đơn vị trưởng, phó (hoặc kỹ thuật viên) hướng dẫn.

- Những công nhân vào trạm làm việc nhất thiết phải có từ bậc II an toàn, nhóm trưởng phải có bậc III an toàn trở lên.

- Vào trạm làm việc, tham quan đều phải tôn trọng nội quy trạm, những người vào lần đầu tiên phải được hướng dẫn tỉ mỉ.

- Vào trạm để làm công tác sửa chữa thiết bị hoặc điều chỉnh rơ le, đồng hồ... nhất thiết phải có hai người và chỉ được làm việc trong phạm vi cho phép.

- Đối với công việc sửa chữa lâu dài hoặc có vận chuyển thiết bị công kênh, phải lập phương án kỹ thuật và biện pháp an toàn cụ thể trước khi tiến hành công việc.

- Khi thiết bị trong trạm bị sự cố thì phải đứng cách xa thiết bị đó ít nhất 5m nếu đặt trong nhà, 10m nếu đặt ngoài trời.

- Chỉ được phép đến gần khi biết chắc chắn thiết bị hoàn toàn không có điện.

- Khi sắp có giông, sét phải ngừng mọi công tác đang làm trong trạm ngoài trời và trên các cầu dao vào của đường dây nối đầu vào trạm.

- Pin mặt trời có khối lượng rất lớn, vận hành bình thường không gây ô nhiễm, tuy nhiên trong suốt thời gian vận hành, thường phải thay thế các tấm pin bị hư hỏng, Chủ đầu tư công trình cần có phương án bố trí thu gom lưu cất và liên hệ các nguồn thu gom tái chế, và coi pin mặt trời hư hỏng là nguồn tài nguyên thay cho việc khai thác silic thô. Không đổ thải như nguồn rác thải xây dựng.

4. Tổng hợp đánh giá ảnh hưởng môi trường tự nhiên

Các giải pháp kỹ thuật đề xuất cần sử dụng loại vật liệu, kiểu loại thiết bị có tiêu chuẩn, chất lượng cao để ngăn chặn tác động xấu đến môi trường ngay từ khâu thiết kế, lập dự án, đặc biệt tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn điện.

Biện pháp thi công không sử dụng các giải thi công có tiềm năng gây nguy hại đến kết cấu công trình hiện có cũng như tác động đến điều kiện tự nhiên khu vực.

5. Tháo dỡ thiết bị hoàn trả mặt bằng sau hợp đồng

a. Nhà máy ngừng vận hành và tháo dỡ thiết bị

Các hoạt động tiêu biểu trong quá trình ngừng vận hành nhà máy năng lượng mặt trời và giai đoạn tháo dỡ thiết bị sau khi kết thúc dự án bao gồm loại bỏ nền móng, phá bê tông và nền móng, loại bỏ các đường truy cập không được duy trì cho mục đích sử dụng khác, san gạt bề mặt, và tái phủ xanh.

Tương tự như trong quá trình xây dựng, và sẽ bao gồm thiết bị (xe lu, máy ủi, và động cơ diesel) và giao thông xe cộ.

Phát quang đất, loại bỏ cấu trúc, san lấp, đắp, phục hồi các khu vực bị xáo trộn do xe tải và thiết bị giao thông.

Quá trình tháo dỡ thiết bị sau khi kết thúc dự án, các nguồn tài nguyên sinh thái ở vị trí dự án cuối cùng có thể trở lại với điều kiện trước dự án, tùy thuộc vào việc sử dụng cuối cùng được lựa chọn cho khu vực dự án.

Số lượng đáng kể của chất thải rắn và chất thải công nghiệp sẽ được tạo ra trong quá trình ngừng vận hành và tháo dỡ công trình. Phần lớn các vật liệu rắn (ví dụ, bê tông và tường gạch, sắt thép, gương kính, cáp điện, đường ống, máy bơm) có thể được tái chế và bán dưới dạng phế liệu hoặc sử dụng trong dự án xây dựng đường bộ, đường cải tạo, chất thải nguy hiểm còn lại sẽ được gửi đến các cơ sở nơi được phép xử lý.

Chất thải công nghiệp (dầu bôi trơn, chất lỏng thủy lực, chất lỏng truyền nhiệt, chất lỏng điện môi, chất làm nguội, dung môi, và chất làm sạch) sẽ được giải quyết tương tự như chất thải bảo dưỡng trong quá trình vận hành (đóng trong container, ký hiệu đặc trưng và dán nhãn hiệu, có thể lưu trữ một thời gian ngắn, và được cấp giấy phép vận chuyển bằng phương tiện phù hợp gửi đến các cơ sở nơi được phép xử lý.

Xử lý đặc biệt của tế bào quang điện năng lượng mặt trời hiệu suất cao có chứa kim loại độc hại sẽ được yêu cầu.

An toàn trong quá trình tháo dỡ nhà máy năng lượng mặt trời sẽ tương tự như dự án xây dựng với công việc vận chuyển đất, máy nghiền, thiết bị lớn, và phương tiện vận chuyển vật liệu quá cân và quá khổ. Ngoài ra, các vấn đề sức khỏe và an toàn bao gồm làm việc trong thời tiết khắc nghiệt tiềm năng và có thể liên quan tới các mối nguy hiểm tự nhiên, chẳng hạn như địa hình nhà máy không đồng đều và nguy hiểm, động vật, côn trùng.

Tác động trực tiếp sẽ bao gồm việc tạo ra việc làm mới cho người lao động trong các hoạt động ngừng vận hành, và thu nhập liên quan và nộp thuế. Tác động gián tiếp sẽ xảy ra từ sự phát triển kinh tế liên quan và sẽ bao gồm những thứ như công việc tại các doanh nghiệp hỗ trợ lực lượng lao động ngừng vận hành hoặc cung cấp tài liệu dự án, và thu nhập liên quan và các loại thuế.

b. Phương án chi phí tháo dỡ thiết bị sau khi kết thúc dự án

Công việc tháo dỡ thiết bị gần giống như quá trình thi công nhưng ở quá trình ngược lại.

Cơ sở PV sẽ bị ngắt khỏi lưới điện.

Các mô đun PV sẽ được ngắt kết nối, thu hồi và trả lại nhà cung cấp (nếu có hợp đồng).

Các dây cáp kết nối và phân phối điện đặt ngầm dưới mặt đất phải được loại bỏ ra khỏi nhà máy và tái chế bằng cơ sở tái chế được chấp thuận.

Tấm pin mặt trời có dầm bằng gỗ và giá đỡ bằng nhôm được tháo dỡ ra khỏi nhà máy và tái chế bởi nhà tái chế được chấp thuận.

Các khung thép và các trụ đỡ mô đun PV phải được loại bỏ ra khỏi nhà máy và tái chế bằng một nhà tái chế kim loại được chấp thuận.

Các thiết bị điện và điện tử, kể cả máy biến thế phải được loại bỏ ra khỏi chỗ và tái chế bằng một nhà tái chế đã được chấp thuận.

Các móng bê tông sẽ được gỡ bỏ và tái chế tại chỗ bởi một nhà tái chế bê tông.

Hàng rào sẽ được gỡ bỏ và sẽ được nhà tái chế đã được chấp thuận tái chế ở bên ngoài.

Các con đường được xây dựng cho khu vực dự án sẽ có thể vẫn để lại trong khu đất nếu chủ sở hữu đất lựa chọn để giữ chúng, hoặc bị loại bỏ.

Địa điểm dự án có thể được chuyển đổi sang mục đích sử dụng khác theo các quy định sử dụng đất hiện hành có hiệu lực tại thời điểm ngừng hoạt động. Không phục lại tình trạng ban đầu bao gồm cả việc tái trồng thực vật.

Khác biệt chủ yếu với quá trình thi công lắp đặt là:

- Không nhiều khối lượng đào, đắp, san lấp như khi thi công
- Không cần chi phí làm đường: đường trục chính và đường nội bộ. Có thể phải bóc dỡ một số đoạn đường nội bộ nhưng khối lượng ít.
- Chi phí công phá dỡ một số công trình phụ trợ nhỏ hơn nhiều chi phí công xây dựng.
- Chi phí tháo dỡ thiết bị không cần thợ bậc cao như khi thi công.
- Thời gian phá dỡ ngắn hơn thời gian thi công, chi phí nhân công ít hơn.
- Thời gian máy khi tháo dỡ ít hơn khi thi công....

Ngoài ra khi thanh lý phế liệu kim loại chủ đầu tư cũng thu được khoản tiền không nhỏ (phụ thuộc vật liệu sử dụng khi thiết kế thi công).

Một số thiết bị có thể được bán cho mục đích đại tu tái sử dụng: máy biến áp, Inverter, pin mặt trời. Dự án bao gồm nhiều vật liệu có thể tái chế, bao gồm: thủy tinh, vật liệu bán dẫn, thép, gỗ, nhôm, đồng và chất dẻo.

Dự án có thời gian sử dụng ước tính từ 20 năm trở lên, có thể lên tới 30 năm hoặc lâu hơn khi được thay thế thiết bị.

Chi phí tháo dỡ rất khác nhau với từng dự án, từng quốc gia, tham khảo một số dự án quốc tế cho thấy chi phí này khoảng từ 20.000-40.000 USD/MWp tính tại thời điểm hiện tại. Tuy nhiên các dự án tham khảo chưa được cập nhật hoàn toàn theo xu thế của thị trường và chi phí tháo dỡ có xu hướng giảm.

II. GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ

1. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

Các biện pháp phòng tránh và kiểm soát tiếng ồn chủ yếu liên quan đến tiêu chuẩn thiết kế kỹ thuật và xác định vị trí tua-bin. Với các tua-bin hiện đại, tiếng ồn cơ học thường thấp hơn đáng kể so với tiếng ồn khí động học, và việc cải tiến liên tục trong thiết kế đang làm giảm dần tiếng ồn khí động học. Các biện pháp quản lý tiếng ồn bổ sung được đề xuất có thể bao gồm:

- Vận hành tuabin ở chế độ giảm tiếng ồn.
- Xây dựng tường/rào cản tiếng ồn thích hợp xung quanh các tòa nhà có khả năng bị ảnh hưởng (do chiều cao của tua-bin nên chỉ có một lựa chọn ở địa hình cao).
- Cắt giảm vận hành tua-bin với tốc độ lớn hơn tốc độ gió, ở mức này tiếng ồn của tua-bin là không thể chấp nhận được trong những trường hợp cụ thể của dự án.

2. Giải pháp giảm thiểu tác động tầm nhìn

- Xem xét ý kiến của cộng đồng trong quá trình thiết kế và xác định vị trí công trình điện gió.
- Duy trì kích cỡ và thiết kế đồng nhất của các tua-bin (ví dụ: loại tuabin và tháp, chiều cao).
- Tuân thủ tiêu chuẩn quốc gia về sản xuất tua-bin, bao gồm các yêu cầu về hàng không/điều hướng và môi trường (nếu có).
- Giảm thiểu sự xuất hiện các kết cấu phụ thuộc trên hiện trường bằng cách giảm thiểu công trình hạ tầng tại hiện trường (bao gồm đường vào), chôn ngầm các đường điện, tránh chất đống vật liệu đào xới hoặc mảnh vỡ xây dựng, di dời các tua-bin không hoạt động.
- Cần thực hiện các biện pháp chống xói lở và tái sinh ngay lập tức các loài bản địa trên mặt bằng đã được giải phóng.

3. Giải pháp giảm thiểu tác động bất lợi tiềm ẩn đối với đa dạng sinh học

- Điều chỉnh số lượng, kích cỡ và cách bố trí tua-bin theo những rủi ro và tác động đối với từng khu vực, từng loài và từng mùa. Việc bố trí ít tháp cao hơn có thể làm giảm nguy cơ va đập cho hầu hết các loài chim và giảm khối lượng giải phóng thảm thực vật cho hoạt động xây dựng.
- Nếu công trình điện gió nằm gần các khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao, việc kiểm soát tua-bin đang hoạt động như cắt giảm năng suất theo kế hoạch và đóng cửa theo yêu cầu sẽ cần được xem xét như một phần của chiến lược giảm thiểu và phải là một yếu tố được xem xét khi xây dựng mô hình tài chính và nhạy cảm ở giai đoạn đầu dự án.
- Tránh các nguyên nhân do con người tạo ra trong môi trường có thể thu hút chim và dời đến công trình điện gió, ví dụ như vật chứa nước, khu vực đậu hoặc

làm tổ, khu vực kiếm ăn mới, và môi trường đậu/làm tổ. Bịt hoặc sửa mọi lỗ hổng trong tường hoặc tòa nhà sẽ giúp loại bỏ các địa điểm dơi có thể làm tổ.

- Xem xét điều chỉnh tốc độ gió khi cánh quạt bắt đầu quay nhằm làm giảm khả năng va đập. Tính khả thi của biện pháp này cần dựa vào dữ liệu về từng loài và địa điểm cụ thể. Tăng nhẹ tốc độ gió khi cánh quạt bắt đầu quay cũng có thể làm giảm đáng kể số chim chết trong khi chỉ làm giảm tối thiểu công suất phát điện và lợi nhuận tài chính.

- Loại bỏ vấn đề “quay tự do” (rotor quay tự do trong điều kiện gió thấp khi tua-bin không phát điện).

- Tránh các nguồn ánh sáng nhân tạo nếu có thể. Đèn màu trắng, thấp sáng liên tục đặc biệt thu hút con mồi (ví dụ: côn trùng) và từ đó thu hút kẻ thù của chúng. Nếu sử dụng đèn thì đèn nhấp nháy màu đỏ hoặc trắng là tốt nhất. Nên tránh đèn thấp sáng liên tục hoặc nhấp nháy chậm. Bộ hẹn giờ, cảm biến chuyển động hoặc đèn quay xuống giúp làm giảm ô nhiễm ánh sáng.

- Chôn các đường dây truyền tải tại địa điểm xây dựng.

- Lắp đặt các thiết bị chuyển hướng bay của chim trên đường dây truyền tải và dây văng từ cột khí tượng để giảm va đập cho chim khi công trình nằm trong hoặc gần khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao và/ hoặc nơi các loài chim có giá trị đa dạng sinh học cao có nguy cơ bị va đập.

- Sử dụng thiết kế cột điện “an toàn cho chim” nhằm giảm nguy cơ bị điện giật.

- Đánh giá hiện trạng công nghệ ngăn chặn chim và dơi và cân nhắc áp dụng bất cứ công nghệ nào được chứng minh là hiệu quả khi phù hợp.

Các biện pháp giảm thiểu liên quan đến đa dạng sinh học cho các công trình ngoài khơi (bao gồm giảm thiểu tiếng ồn) có thể bao gồm những nội dung sau:

- Nếu địa điểm công trình có các loài có giá trị đa dạng sinh học cao, lập kế hoạch triển khai các hoạt động xây dựng nhằm tránh những thời điểm nhạy cảm trong năm (ví dụ: mùa di cư và mùa sinh sản) và trùng với thời điểm khai thác cá trong năm.

- Áp dụng quy trình “khởi động mềm” cho các hoạt động đóng cọc nhằm giúp ngăn ngừa việc phơi nhiễm của sinh vật biển với tiếng ồn nguy hại dưới nước và rung chấn, tạo cho chúng cơ hội rời khỏi khu vực.

Cũng nên sử dụng màn chắn bùn khi đóng cọc.

- Sử dụng cọc khoan hoặc các phương tiện sửa chữa máy phát điện tua-bin gió khác nhằm làm giảm sự xáo trộn khi đóng cọc.

- Sử dụng bộ tua-bin một cực ở vùng nước nông hơn, việc này ít gây xáo trộn đáy biển hơn so với các loại bộ khác. Ở vùng nước sâu hơn, bộ thay thế kiểu như bộ jacket có thể phù hợp hơn.

- Sử dụng các thiết bị ngăn âm phát ra âm thanh không cho sinh vật biển vào khu vực trong quá trình xây dựng.

- Nếu dự kiến có các loài có giá trị đa dạng sinh học cao như động vật có vú biển hoặc rùa biển trong khu vực, cử người theo dõi trước khi bắt đầu xây dựng. Hoạt động xây dựng phải thực hiện cách xa ít nhất 500 mét.

- Sử dụng công nghệ cày thủy lực phản lực hoặc các công nghệ ít gây hại môi trường khác khi lắp đặt cáp.

- Khi có các loài nhạy cảm với điện hoặc từ tính trong khu vực dự án, cần áp dụng các biện pháp giảm thiểu bao gồm lựa chọn phù hợp các loại cáp, độ tách và độ sâu chôn lấp cho cáp.

4. Các biện pháp phòng tránh và kiểm soát tác động đáng kể của hiện tượng nhấp nháy

- Xác định vị trí tua-bin gió một cách hợp lý để tránh gặp phải hiện tượng nhấp nháy hoặc tuân thủ ngưỡng giới hạn quy định về khoảng thời gian xảy ra hiện tượng nhấp nháy.

- Có thể lập trình để tua-bin gió dừng lại khi nhấp nháy vượt quá ngưỡng giới hạn.

- Trước đây, phản chiếu ánh sáng từ cánh quạt hoặc tháp có thể xảy ra khi mặt trời phản chiếu lên cánh quạt hoặc tháp ở một hướng cụ thể, và vấn đề này từng được cho là có tác động tiềm ẩn đối với cộng đồng. Tuy nhiên, với điều kiện tua-bin gió được sơn lớp sơn mờ, không phản chiếu (như được thấy ở các tua-bin gió hiện đại), phản chiếu ánh sáng từ cánh quạt hoặc tháp không còn được coi là một vấn đề đáng kể nữa.

5. Các biện pháp phòng tránh và kiểm soát khác nhằm giải quyết các tác động về chất lượng nước

- Thực hiện quy trình lựa chọn địa điểm có cân nhắc khả năng tác động chéo giữa các hạng mục công trình của dự án với nghề cá thương mại và giải trí cũng như môi trường sống của các loài sinh vật biển.

- Lập kế hoạch xây dựng, lắp đặt và di dời các hạng mục công trình, có tính đến các giai đoạn vòng đời nhạy cảm.

- Kiểm soát việc sử dụng lưới chắn, màn chắn bùn và cửa ngăn trầm tích; thực hiện các hoạt động như vậy ở vùng nước chết (hoặc ở vùng thủy triều cuốn vật liệu ra khỏi vị trí nhạy cảm).

III. CÁC GIẢI PHÁP KHÁC

Liên quan đến các giải pháp bảo vệ môi trường nói chung, bảo vệ môi trường trong phát triển NLTT nói riêng, kiến nghị tỉnh xem xét thực hiện một số giải pháp sau:

- Cấp ủy đảng các cấp tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao tính chủ động trong công tác bảo vệ môi trường.
- Biên soạn tài liệu tuyên truyền với các loại hình phong phú, đa dạng và dễ hiểu.
- Kiểm tra và xử lý những tổ chức, doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.
- Xây dựng các chương trình nghiên cứu cụ thể về ảnh hưởng từng loại hình điện tái tạo trong thực tế đến môi trường.
- Nghiên cứu đánh giá tiềm năng ngành công nghiệp xử lý phế thải nhà máy điện tái tạo và đề xuất mô hình xử lý phù hợp.

CHƯƠNG V

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Ước tính tổng số lượng nhân lực cần cho việc phát triển nhà máy điện gió và nhà máy điện mặt trời tại Ninh Thuận vào khoảng 39954 người (bao gồm giai đoạn thi công và giai đoạn vận hành). Trình độ chuyên môn nhân lực cho các dự án điện gió, điện mặt trời rất đa dạng gồm kỹ sư, cao đẳng nghề và công nhân. Trong đó, nhân lực trình độ công nhân chủ yếu tập trung trong giai đoạn thi công. Các doanh nghiệp triển khai các dự án điện gió, điện mặt trời đang rất cần lao động có tay nghề cao để làm việc lâu dài trong các dự án, tập trung trong giai đoạn quản lý dự án và vận hành nhà máy điện, ưu tiên là lao động được đào tạo theo đúng chuyên ngành.

Các giải pháp phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển TTNLTT Ninh Thuận tập trung vào thu hút nguồn nhân lực, đào tạo, liên kết đào tạo, nâng cao chế độ đãi ngộ với người lao động.

I. THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC

Những yếu tố tác động cơ bản đến việc thu hút nguồn nhân lực gồm lương, thưởng, phúc lợi; tính chất công việc; điều kiện làm việc; môi trường làm việc; cơ hội đào tạo, thăng tiến; những yếu tố xuất phát từ môi trường sống (môi trường kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, khoa học công nghệ); những giá trị tinh thần khác...

1. Đẩy mạnh công tác quảng bá, tuyên truyền chính sách thu hút nguồn nhân lực

Việc quảng bá chính sách thu hút nguồn nhân lực cần tập trung mô tả công việc, vị trí làm việc, mức lương và các phúc lợi, cơ hội đào tạo, thăng tiến, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn.

Đa dạng hóa các kênh tuyên truyền, quảng bá đến các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, tổ chức các buổi giới thiệu cơ hội nghề nghiệp, khai thác hình thức quảng bá bằng các phương tiện truyền thông, gửi thư mời dự tuyển hoặc hợp tác đến những đối tượng tiềm năng, trực tiếp gặp gỡ, vận động những chuyên gia có uy tín về làm việc.

Nội dung tuyên truyền cần mở rộng quảng bá hình ảnh về môi trường sống tốt và điều kiện làm việc thuận lợi trong khu vực, về những đối tượng thu hút đã thành công trong sự nghiệp và có những đóng góp thiết thực vào sự nghiệp phát triển của tỉnh, các cơ hội nghề nghiệp cụ thể cũng như quy trình thực hiện tuyển dụng và phương thức liên lạc thuận tiện...

2. Nghiên cứu biện pháp tăng cường đãi ngộ cho người lao động

Động lực chính thu hút người lao động chính là mức lương và chế độ đãi ngộ. Nghiên cứu áp dụng việc trả lương, phân phối thu nhập theo năng lực và kết quả công tác, có chính sách phụ cấp và đãi ngộ đặc biệt (nhà ở, đào tạo,...) cho nhân lực có trình độ cao, tạo điều kiện cho các tài năng nâng cao thu nhập bằng trí tuệ và năng lực của mình, nghiên cứu chính sách đãi ngộ đặc biệt cho những tài năng xuất sắc, các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành.

Nghiên cứu đề xuất cơ chế thích hợp trong bố trí và sử dụng nguồn nhân lực trẻ, được đào tạo cơ bản, tạo điều kiện cho người lao động trẻ làm việc phù hợp với năng lực và nguyện vọng, có cơ hội được thăng tiến, đào tạo nâng cao trình độ.

Chế độ lương và phúc lợi được cần phù hợp với trình độ đào tạo, phù hợp với đặc điểm nghề nghiệp của từng ngành, tăng tương ứng với sự phát triển kinh tế và sự gia tăng giá cả v.v... Chính sách thù lao của tổ chức cần nghiên cứu tùy thuộc vào đặc điểm sản xuất kinh doanh, cơ cấu tổ chức, đáp ứng được các mục tiêu: hợp pháp, kích thích, thỏa đáng, công bằng. Người lao động luôn mong đợi những cố gắng và kết quả thực hiện công việc của họ sẽ được đánh giá và khen thưởng xứng đáng. Những mong đợi này sẽ hình thành và xác định mục tiêu, mức độ thực hiện công việc người lao động cần đạt được trong tương lai. Nếu các chính sách và hoạt động quản trị trong doanh nghiệp cho người lao động thấy rằng sự cố gắng, vất vả và mức độ thực hiện công việc tốt của họ sẽ không được đền bù xứng đáng, họ sẽ không cố gắng, thụ động.

Chế độ khen thưởng kịp thời, đúng lúc, đúng đối tượng. Các hình thức khuyến khích phi tài chính nhằm thỏa mãn nhu cầu tinh thần của người lao động như tuyên dương, khen ngợi, tổ chức thi đua, xây dựng bầu không khí gần gũi trong tập thể, tạo cơ hội giao lưu, học hỏi, nâng cao trách nhiệm trong công việc, cơ hội thăng tiến cũng tạo được động lực làm việc và xây dựng lòng trung thành của người lao động đối với doanh nghiệp.

3. Xây dựng môi trường làm việc thân thiện

Ngày nay người lao động không chỉ cân nhắc đến lợi ích vật chất khi quyết định lựa chọn một công việc mà còn quan tâm rất nhiều đến văn hóa nơi làm việc và đặc biệt là vấn đề cân bằng giữa cuộc sống và công việc. Mức thu nhập cao là yếu tố quan trọng nhưng môi trường làm việc vui vẻ, đồng nghiệp thân thiện, công ty năng động, sáng tạo, cơ hội huấn luyện đào tạo tốt cũng là những yếu tố quan trọng trong thu hút người lao động. Vì thế, có thể nói khi mức lương vẫn còn là điểm bất lợi chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả thì việc xây dựng văn hóa nơi làm việc chính là một biện pháp dễ thực hiện hơn.

Trong điều kiện hiện nay, nhiều công ty đã quan tâm đến vấn đề giao tiếp, trao đổi thông tin trong nội bộ doanh nghiệp. Các thông tin về hoạt động của

công ty được cập nhật thường xuyên trên các hệ thống thông tin của doanh nghiệp, người lao động có thể tìm hiểu các chế độ liên quan đến cá nhân cũng như thông tin về lương, phụ cấp, các quy trình làm việc, kế hoạch hoạt động, lịch công tác, công văn, tài liệu,... để người lao động biết rõ vị trí của mình, công việc mình phải làm, tình hình kinh doanh của công ty và các mục tiêu mà công ty đang cố gắng đạt được.

4. Khai thác các hình thức hợp đồng tư vấn, chuyên gia

Ngoài việc thu hút nhân lực trình độ cao làm việc dài hạn, cần thiết khuyến khích các hình thức hợp đồng tư vấn, làm việc ngắn hạn với các chuyên gia, nhà khoa học ở trong và ngoài nước, nhất là những nhà khoa học đang sinh sống và làm việc trên địa bàn tỉnh. Đây là hình thức khai thác khá tốt năng lực, trí tuệ của nguồn nhân lực trình độ cao có uy tín mà không phải bận tâm về vấn đề thu nhập, lương bổng.

II. ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC TẠI CHỖ

Cần quan tâm đầu tư thêm để phát triển lĩnh vực khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, cụ thể là thành lập các Viện/Trung tâm nghiên cứu chuyên ngành, xúc tiến triển khai nhanh dự án khu công nghệ cao, khu công nghiệp phụ trợ,... nhằm tạo môi trường làm việc thuận lợi cho các chuyên gia, nhà khoa học. Hỗ trợ các tổ chức trên thu hút các chuyên gia đầu ngành, các nhà khoa học có uy tín. Ưu tiên đầu tư tài chính, cơ sở vật chất, nhất là trong giai đoạn mới thành lập, tạo cơ chế đặc thù để các tổ chức này tăng quyền tự chủ.

Đối với các cơ sở đào tạo trong tỉnh: Tăng cường các nguồn lực cho giáo dục đào tạo nhân lực phục vụ phát triển TTNLTT thông qua nhiều hình thức tích cực khác nhau như xây dựng đội ngũ giáo viên, tạo động lực cho người dạy, người học; có chính sách sử dụng và đãi ngộ đúng giá trị nguồn nhân lực được đào tạo; tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục – đào tạo và tăng cường cơ sở vật chất các trường học, đổi mới công tác quản lý giáo dục; có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích sinh viên theo học ngành NLTT.

III. LIÊN KẾT ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC

Giải pháp cần thiết khác để phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực NLTT tại Ninh Thuận trong thời gian tới là liên kết đào tạo quốc tế và liên kết đào tạo trong nước.

Hiện nay, Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận và cơ quan hợp tác phát triển Đức đã ký kết biên bản ghi nhớ về chương trình “Đổi mới đào tạo nghề Việt Nam”. Bản ghi nhớ thể hiện mục tiêu của các bên trong việc thiết lập cơ sở hạ tầng

và xây dựng năng lực để Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận trở thành cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao về NLTT.

Các mục tiêu hợp tác bao gồm: Thành lập một trung tâm đào tạo về NLTT (năng lượng mặt trời và gió) được trang bị tốt, nằm trong Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận để đào tạo ban đầu và đào tạo nâng cao cho sinh viên và nhân sự từ doanh nghiệp; hỗ trợ Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận phát triển thành trường cao đẳng chất lượng cao, thực hiện các chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của Đức cho ngành nghề điện tử (trình độ trung cấp và cao đẳng).

Ngoài cơ quan hợp tác phát triển Đức, tỉnh cần tiếp tục đẩy mạnh liên kết với các tổ chức nước ngoài khác để xây dựng các chương trình hợp tác nghiên cứu đào tạo song phương với các đối tác quốc gia khác để tận dụng phát triển cơ hội đào tạo nguồn nhân lực và cơ hội đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo.

Bên cạnh việc tổ chức liên kết đào tạo với các đối tác quốc tế thì tỉnh cũng nên mở rộng hợp tác liên kết đào tạo với các trường Đại học, Viện nghiên cứu, doanh nghiệp trong lĩnh vực NLTT tại Việt Nam. Liên kết đào tạo trong nước là loại hình liên kết đào tạo giữa các trường. Tham gia các chương trình liên kết này, học viên có thể được học chương trình và nhận bằng do trường đại học có cơ sở liên kết đó cấp. Theo thống kê, số lượng các chương trình liên kết và cơ sở liên kết đang ngày càng gia tăng. Trường đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã mở các lớp liên kết đào tạo ở các tỉnh phía Bắc. Nhiều trường đại học, cao đẳng công lập ở Hà Nội cũng thường xuyên tham gia các chương trình đào tạo tại phía Nam... Các trung tâm giáo dục từ xa tỉnh, các trường cao đẳng cộng đồng, các trung tâm hướng nghiệp, trung tâm dạy nghề các tỉnh chính là những đối tác, vệ tinh cho các trường này.

Việc hỗ trợ các sinh viên tiếp cận với môi trường làm việc thực tế của doanh nghiệp thông qua cơ hội thực tập và đào tạo các kỹ năng làm việc cũng sẽ giúp sinh viên nắm bắt được công việc và định hướng nghề nghiệp tốt hơn trong thực tế.

CHƯƠNG VI

GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH

Phát triển NLTT ở Việt Nam gần đây đã có những bước tiến vượt bậc với những con số ấn tượng về công suất lắp đặt, điện năng phát, số lượng dự án với đa dạng các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Sự thay đổi này cho thấy sự quan tâm của Nhà nước, các bộ, ngành trong việc tổ chức nghiên cứu, xây dựng, triển khai dự án và tài trợ tài chính cho phát triển NLTT là rất quan trọng, quyết định tới hiệu quả phát triển NLTT. Nghị quyết, quyết định của Bộ Chính trị, Chính phủ về chiến lược và các giải pháp thúc đẩy phát triển NLTT đã ban hành; các chính sách ưu đãi cho các nhà đầu tư như ưu tiên cung cấp tín dụng, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất, sử dụng hợp đồng mua bán điện mẫu... ; các cơ chế khuyến khích cho điện mặt trời, điện gió, điện sản xuất từ chất thải rắn, điện sinh khối...; những cơ chế chính sách ưu tiên của tỉnh, ... là những giải pháp đồng bộ, cụ thể, đáp ứng các điều kiện thực tế của địa phương đối với thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển NLTT. Mặt khác, Chương trình Tín dụng xanh của Ngân hàng nhà nước cùng với sự tham gia tích cực của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước cùng nguồn vốn từ các nhà đầu tư đã góp phần không nhỏ thúc đẩy phát triển NLTT.

I. GIẢI PHÁP VỀ CHIẾN LƯỢC, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH

Nghị Quyết 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 về Chiến lược PTBV kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [4] nêu rõ chủ trương phát triển NLTT và các ngành kinh tế biển mới: Thúc đẩy đầu tư xây dựng, khai thác điện gió, điện mặt trời và các dạng NLTT khác. Phát triển ngành chế tạo thiết bị phục vụ ngành công nghiệp NLTT, tiến tới làm chủ một số công nghệ, thiết kế, chế tạo và sản xuất thiết bị; ưu tiên đầu tư phát triển NLTT trên các đảo phục vụ sản xuất, sinh hoạt, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Quan tâm phát triển một số ngành kinh tế dựa vào khai thác tài nguyên đa dạng sinh học biển như dược liệu biển, nuôi trồng và chế biến rong, tảo, cỏ biển...

Nghị Quyết 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 về Định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [3]. Đây là nghị quyết đã tạo động lực và niềm tin cho các nhà đầu tư tham gia phát triển năng lượng. Cụ thể:

Về định hướng phát triển NLTT: Xây dựng các cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích và thúc đẩy phát triển mạnh mẽ các nguồn NLTT nhằm thay thế tối đa các nguồn năng lượng hoá thạch. Ưu tiên sử dụng năng lượng gió và mặt trời cho phát điện; khuyến khích đầu tư xây dựng các nhà máy điện sử dụng rác thải đô thị, sinh khối và chất thải rắn đi đôi với công tác bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế tuần hoàn. Hình thành và phát triển một số trung tâm NLTT tại các vùng và

các địa phương có lợi thế. Sớm nghiên cứu, đánh giá tổng thể về tiềm năng và xây dựng định hướng phát triển năng lượng địa nhiệt, sóng biển, thủy triều, hải lưu; triển khai một số mô hình ứng dụng, tiến hành khai thác thử nghiệm để đánh giá hiệu quả. Thực hiện nghiên cứu công nghệ, xây dựng một số đề án thử nghiệm sản xuất và khuyến khích sử dụng năng lượng hydro phù hợp với xu thế chung của thế giới. Đối với điện gió và điện mặt trời: Ưu tiên phát triển phù hợp với khả năng bảo đảm an toàn hệ thống với giá thành điện năng hợp lý. Khuyến khích phát triển điện mặt trời áp mái và trên mặt nước. Xây dựng các chính sách hỗ trợ và cơ chế đột phá cho phát triển điện gió ngoài khơi gắn với triển khai thực hiện Chiến lược biển Việt Nam.

Về khuyến khích các nguồn lực tham gia phát triển NLTT: Tạo lập môi trường thuận lợi, minh bạch; công khai quy hoạch, danh mục các dự án đầu tư, xoá bỏ mọi rào cản để thu hút, khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, phát triển các dự án năng lượng trong và ngoài nước, chú trọng những dự án phát điện và các hoạt động bán buôn, bán lẻ điện theo cơ chế thị trường. Tiếp tục khuyến khích, thu hút đầu tư nước ngoài có quy mô, chất lượng và hiệu quả cho ngành năng lượng. Đẩy nhanh cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước thuộc ngành điện; xây dựng cơ chế đầu tư thông thoáng, cải cách thủ tục hành chính để bảo đảm tiến độ các công trình điện.

Về cơ chế chính sách khuyến khích NLTT: Rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện các chính sách về đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, sử dụng mặt nước, chống đầu cơ, trục lợi, lợi ích nhóm trong lĩnh vực năng lượng. Đổi mới chính sách tài chính theo hướng khuyến khích, thu hút mạnh các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước; khuyến khích các dự án đầu tư năng lượng theo hình thức đối tác công tư (PPP). Thực hiện chính sách tín dụng linh hoạt, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp năng lượng tiếp cận các nguồn vốn, đặc biệt là các doanh nghiệp có dự án năng lượng xanh. Hoàn thiện chính sách thuế khuyến khích sản xuất, sử dụng năng lượng sạch, tái tạo. Xây dựng cơ sở pháp lý để có thể hình thành và vận hành hiệu quả các quỹ về phát triển năng lượng bền vững, thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo hướng xã hội hoá, bảo đảm độc lập về tài chính, không trùng lặp với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước và hạn chế việc làm tăng chi phí hoạt động, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện cơ chế và thực hiện chính sách về tiêu chuẩn tỉ lệ NLTT trong cơ cấu đầu tư và cung cấp năng lượng.

Nghị Quyết 26/NQ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược PTBV kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [5] định hướng về NLTT và các ngành kinh tế biển mới: Ưu tiên đầu tư phát triển NLTT trên các đảo phục vụ sản xuất, sinh hoạt, bảo đảm quốc phòng, an ninh; Xây dựng cơ chế, chính sách

khuyến khích các cá nhân, tổ chức kinh tế trong và ngoài nước phối hợp đầu tư khai thác nguồn năng lượng biển mới và tái tạo trên cơ sở đôi bên cùng có lợi; Thúc đẩy đầu tư xây dựng, khai thác điện gió, điện mặt trời và các dạng NLTT khác trên các vùng biển và hải đảo.

Cơ chế hỗ trợ phát triển điện gió của Chính phủ:

Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về Cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam [6] và Quyết định 39/2018/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2018 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về Cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam [7] đã quy định cụ thể về chính sách khuyến khích thu hút các nhà đầu tư:

Bên mua điện có trách nhiệm mua toàn bộ điện năng được sản xuất từ các nhà máy điện gió nối lưới thuộc địa bàn do mình quản lý; Nhà đầu tư được huy động vốn dưới các hình thức pháp luật cho phép từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư thực hiện các dự án điện gió;

Các dự án điện gió được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành về tín dụng đầu tư của Nhà nước; dự án điện gió được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án, hàng hóa nhập khẩu là nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để phục vụ sản xuất của dự án theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu và các quy định của pháp luật hiện hành về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; việc miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án điện gió được thực hiện như đối với dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư quy định tại Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Ưu đãi về hạ tầng đất đai: Các dự án điện gió và công trình đường dây và trạm biến áp để đấu nối với lưới điện quốc gia được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật hiện hành áp dụng đối với dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.

Hỗ trợ giá điện đối với dự án điện gió nối lưới: Đối với các dự án điện gió trong đất liền: Giá mua điện tại điểm giao nhận điện là 1.928 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, tương đương 8,5 Uscents/kWh. Đối với các dự án điện gió trên biển: Giá mua điện tại điểm giao nhận điện là 2.223 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, tương đương 9,8 UScent/kWh.

Ưu đãi, hỗ trợ đối với các dự án điện gió không nối lưới: Dự án điện gió không nối lưới được hưởng ưu đãi, hỗ trợ về vốn đầu tư, thuế, phí, hạ tầng đất đai như với điện gió nối lưới.

Cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời của Chính phủ:

Quyết định 11/2017/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2017 về Cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam [8] và Quyết định 13/2020/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2020 Về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam [9] quy định chi tiết cơ chế chính sách thu hút nhà đầu tư:

Trách nhiệm mua điện từ các dự án điện mặt trời: Bên mua điện có trách nhiệm mua toàn bộ điện năng được sản xuất từ các dự án điện mặt trời; ưu tiên khai thác toàn bộ công suất, điện năng phát của các dự án điện mặt trời đưa vào vận hành thương mại.

Ưu đãi về vốn đầu tư và thuế:

Huy động vốn đầu tư: Tổ chức, cá nhân tham gia phát triển các dự án điện mặt trời được huy động vốn hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư thực hiện các dự án điện mặt trời theo quy định của pháp luật hiện hành. Dự án điện mặt trời được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định cho dự án; thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ sản xuất của dự án là nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được. Việc miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án điện mặt trời được thực hiện như đối với dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế.

Ưu đãi về đất đai: Các dự án điện mặt trời, công trình đường dây và trạm biến áp để đấu nối với lưới điện được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước theo quy định của pháp luật hiện hành áp dụng cho dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

Giá điện của các dự án điện mặt trời: Đối với tỉnh Ninh Thuận, giá mua điện từ các dự án điện mặt trời nối lưới đã có trong quy hoạch phát triển điện lực các cấp và có ngày vận hành thương mại trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 với tổng công suất tích lũy không quá 2.000 MW là 2.086 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, tương đương với 9,35 UScents/kWh, theo tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ngày 10 tháng 4 năm 2017 là 22.316 đồng/USD), được áp dụng 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại.

Đối với dự án trên mái nhà: Các dự án trên mái nhà được thực hiện cơ chế bù trừ điện năng (net-metering) sử dụng hệ thống công tơ hai chiều. Trong một chu kỳ thanh toán, lượng điện phát ra từ các dự án trên mái nhà lớn hơn lượng điện tiêu thụ sẽ được chuyển sang chu kỳ thanh toán kế tiếp.

Huy động nguồn lực tài chính thông qua phương thức hợp đồng đối tác công tư:

Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư 64/2020/QH14 ngày ngày 18 tháng 6 năm 2020 [6.8] do Quốc hội ban hành cũng mở ra một hướng mới thu hút nhà đầu tư. Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (gọi tắt là PPP) là hình thức đầu tư được thực hiện trên cơ sở hợp đồng dự án giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án để xây dựng, cải tạo, vận hành, kinh doanh, quản lý công trình hạ tầng, cung cấp dịch vụ công, bao gồm các loại hợp đồng sau đây:

- Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Build - Operate - Transfer, sau đây gọi là hợp đồng BOT);

- Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh (Build - Transfer - Operate, sau đây gọi là hợp đồng BTO);

- Hợp đồng Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh (Build - Own - Operate, sau đây gọi là hợp đồng BOO);

- Hợp đồng Kinh doanh - Quản lý (Operate - Manage, sau đây gọi là hợp đồng O&M);

- Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Thuê dịch vụ (Build - Transfer - Lease, sau đây gọi là hợp đồng BTL);

- Hợp đồng Xây dựng - Thuê dịch vụ - Chuyển giao (Build - Lease - Transfer, sau đây gọi là hợp đồng BLT);

- Hợp đồng hỗn hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 45 của Luật này.

Để thu hút nguồn vốn vào phát triển NLTT thông qua PPP, trong thời gian tới, cần quan tâm xem xét một số nội dung sau:

- Hoàn thiện khuôn khổ cơ sở pháp lý. Cần rà soát lại các văn bản pháp lý hiện hành và đề xuất những điều chỉnh cần thiết hoặc xây dựng một bộ văn bản pháp quy riêng và mới cho PPP (trong đó có điều chỉnh những văn bản pháp quy hiện hành) nhằm tháo gỡ những vướng mắc, tồn tại, tạo tạo điều kiện huy động vốn đầu tư từ khu vực tư nhân, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài.

- Công bố thông tin rộng rãi về các dự án, lựa chọn nhà đầu tư, ký kết hợp đồng. Tạo lập cơ chế chia sẻ rủi ro của Chính phủ đối với nhà đầu tư đảm bảo đảm bảo thu hút được nhà đầu tư tham gia dự án.

- Hoàn thiện cơ chế tài chính cho PPP. Theo đó, về phía vốn nhà nước, có thể nghiên cứu bố trí nguồn vốn ngân sách tập trung ở Trung ương dành riêng cho các dự án PPP được lựa chọn theo từng thời kỳ, phù hợp với kế hoạch đầu tư công và kế hoạch tài chính trung và dài hạn. Về phía tư nhân, các nhà đầu tư cần được cho phép có nhiều lựa chọn khác nhau để huy động vốn đầu tư bên cạnh vay vốn ngân hàng, như tiếp cận vay vốn ODA và các nguồn vốn ưu đãi khác.

Cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp:

Hệ thống cơ chế chính sách của Chính phủ, Ngân hàng nhà nước đã và đang tập trung hỗ trợ rất tốt cho các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nghị định 39/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định 34/2018/NĐ-CP về Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định 38/2018/NĐ-CP về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; Nghị quyết số 35/NQ-CP Ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; Hệ thống cơ chế chính sách của Ngân hàng nhà nước về tiền tệ, tín dụng và lãi suất. Trong đó doanh nghiệp nhỏ và vừa là nhóm đối tượng ưu tiên trong tập trung vốn để sản xuất kinh doanh, hỗ trợ lãi suất vay (áp dụng trần lãi suất cho vay ngắn hạn bằng tiền đồng).

Các cơ chế, chính sách đặc thù của Chính phủ và tỉnh Ninh Thuận:

Chủ trương khuyến khích, hỗ trợ mọi nguồn lực đầu tư phát triển NLTT tại Ninh Thuận cũng đã được Chính phủ và tỉnh Ninh Thuận ban hành thông qua các Nghị quyết, Quyết định:

Nghị quyết 115-NQ/CP ngày 31/8/2018 về việc Thực hiện một số cơ chế chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018-2023.

Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 15/11/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ “về việc thực hiện một số cơ chế chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018-2023”.

Quyết định 501/QĐ-TTg ngày 10/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ v/v Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến 2050.

Quyết định 897/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 26/NQ-CP ngày 5/3/2020 của Chính phủ.

Quyết định 897/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 26/NQ-CP ngày 5/3/2020 của Chính phủ.

Theo đó, Ninh Thuận được hưởng chính sách giá điện theo Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ đến hết năm 2020 đối với các dự án điện năng lượng mặt trời và hạ tầng đầu nối công suất thiết kế 2.000MW đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận triển khai. Áp dụng tỷ lệ cho vay lại với mức 10% đối với một số dự án đầu tư mới sử dụng vốn ODA quan trọng, cấp bách của tỉnh thuộc các chương trình, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, phúc lợi xã hội hoặc các lĩnh vực khác không có khả năng thu hồi vốn.

Tỉnh đã chủ động rà soát, xác lập danh mục các dự án điện mặt trời đảm bảo điều kiện, yêu cầu và đề xuất phương án xây dựng hạ tầng đầu nối đáp ứng nhu cầu giải tỏa công suất thiết kế 2.000MW đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận triển khai, để được thụ hưởng chính sách giá điện theo Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ đến hết năm 2020. Đã chỉ đạo các đơn vị liên quan tham mưu đề xuất áp dụng tỷ lệ cho vay lại với mức 10% đối với các dự án ODA quan trọng, cấp bách đang hoàn tất thủ tục để triển khai thực hiện trong giai đoạn 2018 - 2023 thuộc các chương trình, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, phúc lợi xã hội hoặc các lĩnh vực khác không có khả năng thu hồi vốn theo chủ trương của Chính phủ.

Nhằm thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực NLTT, tỉnh Ninh Thuận đã chủ trương vận dụng tối đa mức hỗ trợ cao nhất theo khung quy định của Chính phủ cho các nhà đầu tư được hưởng các ưu đãi về giảm giá thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, đầu tư cơ sở hạ tầng. Theo đó, các dự án đầu tư NLTT vào tỉnh sẽ được miễn tiền thuê đất, được áp dụng thuế suất thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt quá trình thực hiện dự án và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Đồng thời, dự án được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp.

Như vậy, huy động nguồn lực tài chính để phát triển NLTT đã trở thành chủ trương, chính sách cụ thể, đồng bộ từ trung ương đến địa phương nhằm khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi để mọi thành phần kinh tế có thể tham gia. Đặc biệt, trong thời gian gần đây, từ khi có Nghị quyết 55 của Bộ Chính trị về Định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, hàng loạt chính sách, giải pháp hỗ trợ nhà đầu tư như ưu đãi về đất đai, thuế, phí, giá điện đã được Chính phủ ban hành để thúc đẩy phát triển NLTT. Về phía Ninh Thuận, tỉnh đã vận dụng tối đa mức hỗ trợ cao nhất theo khung quy định của Chính phủ cho các nhà đầu tư được hưởng các ưu đãi về giảm giá thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, đầu tư cơ sở hạ tầng. Các dự án đầu tư NLTT vào tỉnh sẽ được miễn tiền thuê đất, được áp dụng thuế suất thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt quá trình thực hiện dự án và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Đồng thời, dự án được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp.

II. GIẢI PHÁP NÂNG CAO KHẢ NĂNG THU XÉP VỐN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Một trong những thách thức lớn nhất đối với phát triển NLTT là khả năng thu xếp vốn của chủ đầu tư do còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận với nguồn tài

chính phù hợp. Vấn đề này có một phần liên quan đến năng lực quản lý và tài chính của các doanh nghiệp.

Doanh nghiệp vừa và nhỏ phần lớn đều có quy mô nhỏ, trong đó khá nhiều doanh nghiệp năng lực cạnh tranh trong nước và ngoài nước còn yếu, công nghệ lạc hậu, thiếu kinh nghiệm quản lý, nguồn nhân lực thiếu kỹ năng và kinh nghiệm, sức chịu đựng rủi ro thấp, khả năng chống đỡ kém trước biến động của kinh tế vĩ mô, các doanh nghiệp chưa có sự liên kết với nhau và liên kết với các doanh nghiệp lớn để tạo nên chuỗi giá trị cạnh tranh tầm khu vực.

Đa số các doanh nghiệp nhỏ và vừa có cách thức quản lý, quản trị mang tính tư nhân gia đình, chưa có tầm nhìn, chiến lược kinh doanh dài hạn. Năng lực về quản trị hạn chế cũng là nguyên nhân dẫn đến gặp khó khăn trong việc tìm kiếm, xây dựng phương án kinh doanh, cơ hội đầu tư khả thi, thiếu hiểu biết về các quy định khi tiếp cận các nguồn vốn vay.

Nhiều doanh nghiệp có giá trị tài sản thấp, dòng tiền không dồi dào, lịch sử quan hệ tín dụng và xếp hạng tín dụng với ngân hàng chưa cao. Do vậy, bên cạnh việc thẩm định các phương án kinh doanh, các ngân hàng sẽ có xu hướng yêu cầu tài sản bảo đảm trong khi do năng lực tài chính hạn chế, các doanh nghiệp lại không đủ tài sản bảo đảm để thế chấp cho ngân hàng.

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ phần lớn chưa coi trọng xây dựng hệ thống thông tin số liệu kế toán, tài chính kế toán theo quy định hiện hành, báo cáo tài chính phần lớn không có kiểm toán, tính chính xác còn hạn chế.

Trong quá trình thẩm định vay vốn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngân hàng gặp nhiều khó khăn do đặc thù nhiều doanh nghiệp có thời gian thành lập hoặc vòng đời kinh doanh ngắn, nên thiếu tính ổn định trong hoạt động kinh doanh cũng như chưa đủ minh bạch về thông tin cung cấp cho ngân hàng, khiến ngân hàng gặp khó khăn trong việc thẩm định hiệu quả của phương án vay vốn, đánh giá uy tín của khách hàng trong quan hệ tín dụng để đưa ra quyết định cho vay. Các doanh nghiệp này cũng gặp khó khăn trong việc đáp ứng các điều kiện liên quan đến tài sản bảo đảm theo quy định chung của hệ thống ngân hàng.

Để nâng cao khả năng tiếp cận với các nguồn vốn, đặc biệt là nguồn vốn từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước, các doanh nghiệp vừa và nhỏ cần quan tâm nâng cao hơn nữa trình độ quản trị doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản trị và thông tin tài chính, cụ thể:

- Tăng cường đầu tư và ứng dụng khoa học công nghệ trong việc lập sổ sách kế toán, khai thuế và hải quan điện tử, giao dịch ngân hàng qua internet nhằm giảm chi phí giao dịch, kết nối và chia sẻ thông tin tài chính với các tổ chức tín dụng để dần minh bạch hóa thông tin tài chính, tạo lòng tin trên thị trường.

- Nâng cao chất lượng, trình độ quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro và quản lý tài chính.

- Tích cực tham gia các hiệp hội doanh nghiệp để tiếp cận thông tin về các chính sách, chương trình hỗ trợ đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ của Chính phủ, Nhà nước cũng như các tổ chức tín dụng.

Như vậy, nâng cao năng lực thu xếp vốn của chủ đầu tư cũng là một giải pháp quan trọng để thúc đẩy phát triển NLTT. Các nhà đầu tư cần nâng cao hơn nữa trình độ quản trị và năng lực tài chính. Tăng cường đầu tư và ứng dụng khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường minh bạch thông tin tài chính, liên tục cập nhật các chủ trương chính sách liên quan về quản lý và chính sách tín dụng để tiếp cận hiệu quả mọi nguồn lực phát triển doanh nghiệp.

III. GIẢI PHÁP TIẾP CẬN NGUỒN VỐN NGÂN HÀNG

Cung cấp nguồn vốn cho phát triển NLTT đã được Ngân hàng nhà nước, các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước quan tâm từ rất sớm và đã có những chính sách, kế hoạch hành động cụ thể.

Ngân hàng nhà nước với Quyết định số 1552/QĐ-NHNN ngày 6/8/2015 ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh đến năm 2020 [10], Quyết định số 1604/QĐ-NHNN ngày 7/8/2018 phê duyệt Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam với mục tiêu nhằm tăng cường nhận thức và trách nhiệm xã hội của hệ thống ngân hàng đối với việc bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu, từng bước xanh hóa hoạt động ngân hàng, hướng dòng vốn tín dụng vào việc tài trợ dự án thân thiện với môi trường, thúc đẩy các ngành sản xuất, dịch vụ và tiêu dùng xanh, năng lượng sạch và NLTT, góp phần tích cực thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững [11].

Hàng loạt ngân hàng cũng đã mở những gói tín dụng đối với các dự án NLTT. Các ngân hàng hàng đầu Việt Nam như Vietcombank, Vietinbank, Agribank, BIDV đã có những gói tín dụng xanh cho các dự án NLTT. Ví dụ:

Chính sách tín dụng đối với các dự án NLTT của Vietcombank: Các dự án thuộc lĩnh vực NLTT có thể tiếp cận vốn vay lên đến 70% tổng mức đầu tư của Vietinbank với điều kiện dự án phải hoàn thành đúng tiến độ, hòa lưới điện quốc gia.

Chính sách tín dụng đối với các dự án NLTT của HDBank: Đối với chủ đầu tư, tỷ lệ cho vay đến 70% tổng mức đầu tư, thời hạn 12 năm, tài sản đảm bảo là tài sản và nguồn hình thành từ vốn vay. Với nhà thầu, cho vay tới 85% giá trị hợp đồng, đa dạng tài sản đảm bảo.

SHB có gói cho vay đối với các dự án NLTT công suất không quá lớn, cùng sự hỗ trợ của World Bank, ngân hàng này giảm trừ trực tiếp vào lãi suất vay còn 1,5%/năm với hạn mức tối đa 80% trong 15 năm cho các dự án có công suất không quá 30 MW.

Năm 2019, HSBC đưa ra gói tín dụng xanh của HSBC (cho vay tín chấp, lãi suất vay từ 11,99 - 12,99%/năm, trong vòng 60 tháng).

Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt cho cá nhân vay 100% vốn đầu tư, tối đa 200 triệu đồng lắp đặt các thiết bị ĐMT, với thời gian vay 5 năm.

VietinBank cũng công bố tài trợ 1.000 tỷ đồng, (62,5% tổng vốn đầu tư) cho dự án ĐMT TTC 01 tại Tây Ninh.

Đầu năm 2019, ngân hàng Nam Á cùng Quỹ Hợp tác khí hậu toàn cầu (GCPF) triển khai chương trình Tín dụng xanh. Lãi suất cho vay doanh nghiệp và cá nhân khoảng 7%/năm ngắn hạn và 7,5% đối với khoản vay trung và dài hạn. Các khoản vay trong chương trình này bao gồm cả các dự án NLTT, năng lượng sạch và các dự án sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường.

Chính sách của một số ngân hàng với ĐMTMN:

Sacombank đang có chính sách ưu đãi đối với các dự án NLTT với lãi suất hấp dẫn, trong đó tập trung chủ yếu vào khách hàng cá nhân triển khai ĐMT áp mái. Ngân hàng cũng đang nghiên cứu cơ chế cho vay ưu đãi đối với DN sản xuất thương mại - dịch vụ có nhu cầu lắp đặt hệ thống ĐMT áp mái.

HDBank cho các doanh nghiệp, cá nhân đầu tư lắp đặt các thiết bị ĐMT áp mái vay 70% vốn đầu tư, lên 10 tỉ đồng trong 5 năm. Khi cho vay, ngân hàng sẽ thẩm định theo quy trình và chỉ ưu tiên các dự án đầu nối vào lưới điện quốc gia. Đối tượng cho vay của HDBank là các cá nhân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp siêu nhỏ với số tiền cho vay từ 50-200 triệu đồng, tài sản đảm bảo là chính hệ thống ĐMT được vay trong 2 năm với tỷ lệ 70% tổng đầu tư, nếu tài sản thế chấp là bất động sản sẽ được vay 75% trong vòng 10 năm.

VietinBank từ tháng 8/2020 triển khai cấp tín dụng nhằm hỗ trợ cho các dự án điện mặt trời mái nhà với quy mô lên tới 12.000 tỷ đồng, lãi suất ưu đãi từ 8,1%/năm dành cho doanh nghiệp ký hợp đồng mua bán điện với EVN hoặc đơn vị được EVN ủy quyền. Áp dụng cơ chế nhận tài sản bảo đảm linh hoạt theo từng khách hàng. Nhờ đó, doanh nghiệp có thể sử dụng tài sản đảm bảo là thiết bị của chính dự án với mức cấp tín dụng là 70% giá trị định giá.

Lãi suất cho vay VND trong các lĩnh vực ưu tiên của các ngân hàng hiện đang ở mức 6-9%/năm đối với khoản vay ngắn hạn, và 8-10%/năm đối với khoản vay dài hạn trong khi lãi suất cho vay kinh doanh thông thường là 7-10%/năm đối với khoản vay ngắn hạn và 9-12%/năm đối với khoản vay dài hạn. Với mức chênh lệch giữa lãi suất vay ngắn hạn và dài hạn lại nhỏ như vậy, các ngân hàng sẽ hạn chế cho vay dài hạn, dẫn tới tình trạng thiếu vốn dài hạn. Đầu tư NLTT cần lượng vốn lớn trong thời gian ngắn nhưng thời gian thu hồi vốn lại dài nên các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng cần xem xét nâng cao tỷ lệ cho vay dài hạn để tháo gỡ khó khăn cho các nhà đầu tư NLTT.

Ngoài ra, để góp phần tích cực hơn nữa vào việc huy động nguồn lực tài chính phát triển NLTT, cần thiết xem xét cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng hơn nữa, một số vấn đề có thể kể đến là:

- Cải tiến mô hình giao dịch, lấy khách hàng làm trung tâm: Các ngân hàng, các tổ chức tín dụng tiếp tục thực hiện cải tiến, đổi mới quy trình cho vay theo hướng đơn giản hóa thủ tục, giảm bớt phiền hà cho khách hàng vay vốn, nhưng vẫn đảm bảo an toàn vốn vay. Cung cấp thông tin phù hợp với thực tế và có tư vấn, hướng dẫn chi tiết để các doanh nghiệp có thể dễ dàng nắm bắt và thực hiện. Áp dụng hệ thống đăng ký vay trực tuyến và ứng dụng internet, tạo điều kiện cho khách hàng chủ động đăng ký, giảm thiểu thời gian giao dịch. Nâng cao khả năng thẩm định để rút ngắn thời gian giải quyết cho vay, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng.

- Thực hiện công khai trên trang tin điện tử của đơn vị về thủ tục cho vay và các thủ tục khác, cập nhật kịp thời thông tin hoạt động, ngừng giao dịch, nâng cấp hệ thống. Thiết lập và vận hành có hiệu quả hệ thống quản lý rủi ro, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ và tự giám sát chất lượng dịch vụ. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế nội bộ về chăm sóc khách hàng để có thể xử lý kịp thời, thỏa đáng các phản ánh, khiếu nại của khách hàng.

- Thực hiện tốt Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp theo Nghị quyết số 35/NQ-CP Ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp. Kết nối để mở rộng và phát triển dịch vụ ngân hàng, để hỗ trợ doanh nghiệp phát triển không chỉ về vốn mà còn dịch vụ ngân hàng và phản ánh chính sách; củng cố quan hệ ngân hàng - doanh nghiệp để đồng hành phát triển, đó là sự kết nối bền vững, không chỉ trong giai đoạn khó khăn mà còn là bài học kinh nghiệm quý báu trong công tác quản lý, triển khai tổ chức thực hiện cơ chế chính sách.

- Tăng cường tìm kiếm và tiếp cận các nguồn vốn giá rẻ từ các chương trình, dự án ưu đãi của các tổ chức trong và ngoài nước để tài trợ cho các lĩnh vực kinh doanh đặc thù của các doanh nghiệp nhỏ và vừa được Chính phủ, Nhà nước chú trọng phát triển.

CHƯƠNG VII

GIẢI PHÁP THÁO GỠ RÀO CẢN VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH VÀ LIÊN KẾT PHỐI HỢP ĐỒNG BỘ GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các chính sách hỗ trợ NLTT nói chung và hỗ trợ năng lượng gió, năng lượng mặt trời nói riêng tại Việt Nam và Ninh Thuận trong thời gian qua đã tạo tiền đề để NLTT phát triển trong thời gian qua, đặc biệt là điện gió và điện mặt trời đã có bước đột phá rõ rệt. Với những cơ chế, chính sách hỗ trợ, Chính quyền ở Ninh Thuận đã có thể kêu gọi, thu hút nhiều nhà đầu tư để phát triển tiềm năng, lợi thế của địa phương, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát triển các nguồn NLTT tại Ninh Thuận trong thời gian qua cũng đang đối mặt với một số bất cập và thách thức về cơ chế chính sách, thiếu đồng bộ giữa các quy hoạch liên quan.

I. GIẢI PHÁP VỀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH

Cơ chế, chính sách chung:

- Rà soát các quy định pháp luật liên quan đến công tác đầu tư, xây dựng, quy hoạch, quản lý đất đai, đấu thầu... từ đó đề xuất sửa đổi, bổ sung những vấn đề còn chồng chéo, chưa thống nhất giữa các Luật với nhau và giữa các văn bản hướng dẫn thi hành các Luật này. Đồng thời, kịp thời ban hành các văn bản quy phạm pháp luật chi tiết hướng dẫn các doanh nghiệp, chủ đầu tư thực hiện các dự án.

Đầu năm 2020, Chính phủ đã ban hành Quyết định 209/QĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2020 ban hành Kế hoạch thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các Bộ, Cơ quan ngang Bộ. Qua rà soát cho thấy, nội dung các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không phù hợp thực tiễn được nêu cụ thể, trong đó tập trung vào 10 lĩnh vực có tác động trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh: Quy định về điều kiện gia nhập thị trường, tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp; quy định về phê duyệt, triển khai, tổ chức thực hiện, chấm dứt dự án đầu tư; quy định về tài chính; thuế; quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước; quy định về đất đai, tài nguyên, môi trường, xây dựng và kinh doanh bất động sản; quy định pháp luật về lao động, việc làm và an sinh xã hội; quy định về hợp đồng, giải quyết tranh chấp phát sinh trong kinh doanh, phá sản doanh nghiệp; quy định về kiểm tra chuyên ngành; quy định về hỗ trợ tư pháp và tiếp cận pháp luật của doanh nghiệp; quy định pháp luật đảm bảo đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; quy định về phân công, phân cấp, phân quyền, ủy quyền trong quản lý Nhà nước về kinh tế.

- Nghiên cứu triển khai xây dựng Luật NLTT để đảm bảo những nền tảng pháp lý quan trọng trong phát triển NLTT một cách bền vững tại Việt Nam, đồng

thời tiếp tục tạo dựng môi trường công khai, minh bạch để phục vụ cho thị trường điện cạnh tranh.

- Hoàn thiện khung pháp lý cho phép các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào hạ tầng truyền tải.

- Xây dựng cơ chế phí và giá hợp lý cho hạ tầng năng lượng dùng chung để thúc đẩy xã hội hóa đầu tư các dự án điện.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích nguồn NLTT tham gia thị trường điện.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ cho các dự án có tỷ lệ nội địa hóa cao nhằm thúc đẩy nội địa hóa thiết bị, tăng cường cung ứng thiết bị từ trong nước, tạo điều kiện giảm giá thành sản xuất điện.

- Trợ giá FIT linh hoạt đối với những dự án NLTT quy mô nhỏ, cấp điện vào lưới điện hạ áp và trung áp.

- Xây dựng cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện NLTT với khách hàng sử dụng điện.

- Xây dựng các văn bản pháp quy ràng buộc trách nhiệm của các chủ đầu tư các công trình điện để đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình.

- Xây dựng cơ chế gắn trách nhiệm của các chủ đầu tư công trình điện với việc bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải trong xây dựng, vận hành và kết thúc đời sống dự án.

- Xây dựng chế tài đối với các chủ đầu tư chậm tiến độ các công trình điện.

Huy động vốn:

- Ban hành các văn bản giải thích và làm rõ một số quy định trong các Luật chuyên ngành nhằm tạo hành lang pháp lý rõ ràng hơn, thu hút tiềm năng trong đầu tư vào những lĩnh vực khác nhau của hệ thống năng lượng quốc gia, đặc biệt là vào hệ thống nguồn điện và lưới truyền tải.

- Nghiên cứu, xây dựng hướng dẫn triển khai thực hiện các dự án điện đầu tư theo hình thức đối tác công tư để có thể thực hiện ngay sau khi Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực.

- Khuyến khích các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong và ngoài nhà nước lắp đặt điện mặt trời mái nhà, hỗ trợ các hộ gia đình một phần kinh phí ban đầu nhằm khuyến khích các hộ gia đình lắp đặt điện mặt trời mái nhà.

- Khuyến khích ứng dụng các mô hình NLTT tại chỗ để cung cấp điện cho khu vực vùng sâu, vùng xa.

- Xây dựng các quy chế tài chính về môi trường ngành điện, tính đúng, tính đủ chi phí môi trường trong đầu tư và giá thành điện.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào lĩnh vực phát điện, truyền tải, bán buôn, bán lẻ theo cơ chế thị trường.

- Có cơ chế khuyến khích các ngân hàng và các tổ chức tín dụng kéo dài thời gian cho vay để phù hợp với nhu cầu vốn vay và giảm bớt khó khăn cho các nhà đầu tư.

Giải phóng mặt bằng:

- Rà soát, cải cách, ban hành bổ sung những hướng dẫn liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (đơn giá đền bù, xác định nguồn gốc đất, chuyên đổi mục đích sử dụng, đất lâm nghiệp), vướng mắc thỏa thuận vị trí dự án (quỹ đất, chông lán quy hoạch).

- Rà soát, cải cách thủ tục hành chính liên quan đến vấn đề đền bù giải phóng mặt bằng để đáp ứng tiến độ công trình.

- Giao trách nhiệm cho các địa phương có công trình điện trên địa bàn có trách nhiệm trong giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư thực hiện dự án đúng tiến độ.

- Giải quyết những vấn đề về quyết định đầu tư, giải phóng mặt bằng công trình điện trải dài trên địa bàn nhiều tỉnh.

Cơ sở hạ tầng:

- Ban hành quy định làm rõ phạm vi đầu tư giữa Nhà nước và tư nhân trong lĩnh vực năng lượng để tháo gỡ nút thắt quan trọng trong hạ tầng năng lượng và trong lĩnh vực năng lượng nói chung.

- Nghiên cứu, bổ sung quy định, yêu cầu kỹ thuật lưới điện nông thôn đáp ứng việc đấu nối nhà máy điện NLTT và điện mặt trời mái nhà.

- Khuyến khích, hỗ trợ các nhà đầu tư tư nhân tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông phục vụ phát triển NLTT.

Quy chuẩn kỹ thuật:

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các tiêu chuẩn, quy trình, quy định về đảm bảo chất lượng, tính đồng bộ về thiết bị, ghép nối, an toàn, ổn định, tin cậy của các thiết bị, công trình NLTT, kể cả điện mặt trời mái nhà.

Dịch vụ và công nghiệp hỗ trợ:

- Hoàn thiện cơ chế dịch vụ phụ trợ trong thị trường điện để đảm bảo tính linh hoạt trong hệ thống tích hợp quy mô lớn nguồn điện gió và mặt trời: Cơ chế khuyến khích đầu tư các nguồn điện linh hoạt, khuyến khích các nhà máy điện nâng cao khả năng vận hành linh hoạt.

- Có cơ chế khuyến khích, hỗ trợ nội địa hóa thiết bị ngành điện và phát triển ngành cơ khí điện.

- Khuyến khích đầu tư vào nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các thiết bị, phụ tùng của ngành điện. Gắn cơ chế hỗ trợ đầu tư các dự án điện với khả năng đưa chuỗi cung ứng và sản xuất thiết bị điện về Việt Nam.

- Có cơ chế, lộ trình đổi mới, hiện đại hóa các nhà máy cơ khí điện hiện có, mở rộng liên doanh, xây dựng các nhà máy mới, tạo ra các khu vực chế tạo thiết bị điện, các cơ sở dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, vận hành.

Nhân lực kỹ thuật:

- Xây dựng lộ trình đào tạo nhân lực kỹ thuật phục vụ phát triển NLTT, nâng cao năng lực quản lý phát triển nguồn NLTT tại các cấp.

- Đào tạo và thu hút nguồn nhân lực có đủ trình độ xây dựng, quản lý, vận hành nhà máy điện trong hệ thống tích hợp NLTT quy mô lớn.

- Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở đào tạo tham gia đào tạo nhân lực ngành NLTT, có chính sách khuyến khích, hỗ trợ sinh viên theo học ngành NLTT.

- Khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển NLTT trong các tổ chức nghiên cứu khoa học kỹ thuật, đặc biệt các công nghệ NLTT đặc thù cho điều kiện của vùng, miền nhưng chưa được nghiên cứu sâu.

II. GIẢI PHÁP LIÊN KẾT PHỐI HỢP ĐỒNG BỘ GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan gồm nhà hoạch định chính sách, cơ quan quản lý các cấp, các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp. Một số giải pháp tháo gỡ rào cản về sự phối hợp đồng bộ giữa các bên liên quan liên quan trong phát triển NLTT ở Ninh Thuận có thể xem xét như sau:

- Xác định và giải quyết nhanh các khu vực chồng lấn giữa các dự án điện gió và dự án khai thác Titan trong công tác lập quy hoạch điện gió. Địa phương nên xem xét xây dựng kế hoạch chuyển đổi đất trong các dự án khai thác titan mà không hoạt động trước khi các dự án điện tái tạo xin chủ trương đầu tư.

- Tiếp tục thực hiện kiểm tra rà soát chặt chẽ các công trình điện tái tạo đã xin chủ trương đầu tư nhưng tiến độ thực hiện triển khai dự án trong thực tế chậm hơn so với yêu cầu của tỉnh. Các dự án điện tái tạo có tiến độ thực hiện không đảm bảo thì cần thu hồi và tìm các nhà đầu tư khác thay thế.

- Bộ Công thương nên xem xét đề xuất giá bán điện gió và giá bán điện mặt trời ổn định trong thời gian dài, với giá bán điện tái tạo ngắn như hiện nay, rất khó để các nhà đầu tư hoàn thành dự án với chất lượng tốt, đặc biệt trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 vẫn đang khiến quá trình mua bán, vận chuyển các thiết bị chính trong nhà máy điện tái tạo chậm trễ.

- Nghiên cứu cho phép doanh nghiệp thực hiện đầu tư đường dây truyền tải để tự giải tỏa công suất nhà máy điện tái tạo khi mà các đường dây truyền tải hiện hữu đã bị quá tải theo hình thức doanh nghiệp đầu tư xây dựng và bàn giao lại công trình cho Tập đoàn điện lực Việt Nam quản lý vận hành.

- Xem xét thống nhất các bên liên quan trong vấn đề bàn giao diện tích mặt biển cho chủ đầu tư. Bộ Công thương chủ trì kết hợp cùng các Bộ ngành liên quan khác đưa ra tiêu chí bắt buộc các dự án điện gió trên biển cần phải thực hiện để có thể triển khai được dự án trên biển.

- Sở Công thương sớm đưa ra hướng dẫn cụ thể về việc phát triển các các kiểu điện mặt trời áp mái được hưởng giá điện ưu đãi ở Ninh Thuận để có thể đẩy mạnh việc phát triển điện mặt trời áp mái nhiều hơn trong thời gian tới, đặc biệt là điện mặt trời kết hợp với sản xuất nông nghiệp.

- Hỗ trợ huy động vốn. Các ngân hàng, tổ chức tín dụng cần thiết đẩy mạnh hỗ trợ và tư vấn cho khách hàng về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tài chính - tiền tệ - ngân hàng, quan trọng hơn là giúp khách hàng có được danh mục đầu tư, lựa chọn các loại hình dịch vụ mà ngân hàng cung cấp, qua đó giúp cho ngân hàng củng cố thêm mối quan hệ giữa ngân hàng và khách hàng. Nghiên cứu mức lãi suất phù hợp đảm bảo yếu tố hấp dẫn khách hàng, giữ chân khách hàng truyền thống, tìm kiếm thêm khách hàng mới. Mở rộng mối quan hệ với các tổ chức tín dụng, các nhân hàng thương mại, các cá nhân, các tổ chức xã hội...

- Hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Chủ động phối hợp chặt chẽ với hội đồng bồi thường, chính quyền các địa phương, tổ chức liên quan vận động, tuyên truyền, giải thích để nhân dân chấp hành chủ trương, chính sách của Nhà nước, tạo điều kiện để đơn vị thi công đúng tiến độ. Thực tế đã chứng minh, các cấp đảng ủy và chính quyền huyện, xã tích cực vào cuộc, phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư thì nhân dân trong vùng dự án đồng thuận rất cao, là nhân tố quan trọng nhất để giải quyết những khó khăn, phức tạp trong công tác đền bù GPMB.

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng. Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng (đường giao thông, cấp điện, nước thi công,...). Cơ sở hạ tầng phát triển sẽ thúc đẩy việc phát triển dự án, giảm chi phí vận chuyển vật tư thiết bị, giảm chi phí đầu tư cho dự án.

- Phát triển dịch vụ và công nghiệp hỗ trợ. Hỗ trợ về tài chính, đất đai, chính sách để phát triển hệ thống doanh nghiệp dịch vụ cung cấp thiết bị thay thế, sửa chữa, vận hành và bảo dưỡng cho các công trình NLTT.

- Đào tạo, thu hút nhân lực kỹ thuật. Có chính sách phù hợp để thu hút nhân lực kỹ thuật làm việc tại tỉnh, đào tạo và liên kết đào tạo để tăng cường tính chủ động trong cung cấp nguồn nhân lực tại chỗ.

CHƯƠNG VIII

GIẢI PHÁP VỀ TRUYỀN THÔNG TĂNG CƯỜNG NHẬN THỨC VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giải pháp tăng cường nhận thức và hành động của các bên liên quan phục vụ phát triển NLTT chủ yếu là những giải pháp đối với nhà hoạch định chính sách, nhà quản lý, nhà đầu tư và doanh nghiệp để hỗ trợ, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi trong các hoạt động liên quan đến phát triển TTNLTT Ninh Thuận.

I. GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI NHÀ HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả của các hoạt động hoạch định chính sách ở nước ta trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo, cần đặt trọng tâm vào các vấn đề sau:

- Tiếp tục nâng cao nhận thức để trên cơ sở đó mở rộng sự tham dự một cách có hiệu quả của mọi cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và nhất là của cá nhân người lãnh đạo, quản lý vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách. Cần thiết bắt đầu một quy trình hoạch định chính sách mới với sự tham gia cả tất cả các bên liên quan, bao gồm: Chính phủ, doanh nghiệp, người tiêu dùng, người nước ngoài, các nhà tài trợ, các nhà khoa học, chuyên gia. Các bên tham gia có thể hỗ trợ vạch ra chiến lược, nhận biết các nhu cầu thực sự của dân, của doanh nghiệp để làm cơ sở hoạch định chính sách.

- Đổi mới quy trình hoạch định chính sách công theo hướng dân chủ, huy động sự tham gia đắc lực của toàn xã hội, nhất là của đội ngũ chuyên gia vào xây dựng chính sách. Tích cực lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến từ các đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách. Việc lấy ý kiến của người dân sẽ có cơ sở thực tế hơn để ban hành những chính sách. Sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện cơ chế thẩm định và phê duyệt chính sách, nhất là với những chính sách lớn, quan trọng, có tác động trực tiếp và lâu dài tới lợi ích chung của toàn xã hội.

- Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, Ngành trong hoạch định chính sách, tránh mâu thuẫn nhau. Thông thường, các hoạt động trong đời sống xã hội của người dân và doanh nghiệp có liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau, chịu sự quản lý của nhiều cơ quan đơn vị hành chính nhà nước. Việc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị này trong ban hành chính sách sẽ thuận lợi trong thi hành, tránh được mâu thuẫn không cần thiết giữa các nội dung quản lý của các Bộ, ngành.

- Xây dựng đội ngũ làm công tác hoạch định chính sách có chất lượng cao, có tầm nhìn bao quát về các vấn đề. Đội ngũ cán bộ làm công tác hoạch định chính sách có hiểu biết tốt về lĩnh vực của mình, có phương pháp làm việc khoa học,

trung thực, đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết là yếu tố cốt lõi để có chính sách tốt, hợp lòng dân và hiệu quả thực thi cao.

- Các cơ quan ban hành chính sách cần thiết tổ chức phổ biến, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức của cộng đồng, động viên sự tham gia của nhân dân góp ý ban hành chính sách và thực hiện chính sách. Tuyên truyền để nhân dân hiểu rõ các khó khăn, thách thức trong phát triển điện lực nói chung và NLTT nói riêng, từ đó tạo sự đồng thuận nhằm xây dựng và triển khai các giải pháp mang tính đồng bộ và chiến lược, đảm bảo cung cấp ổn định điện tái tạo cho phát triển kinh tế - xã hội.

II. GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI NHÀ QUẢN LÝ

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách đến các tầng lớp nhân dân, đảm bảo nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”; thực hiện tuyên truyền phổ biến chính sách phù hợp với từng đối tượng, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, đặc biệt chú trọng tuyên truyền, giải thích đối với các đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách, quan tâm việc tiếp nhận ý kiến phản hồi.

- Quan tâm đến nguyện vọng, lợi ích của người dân trong thực thi chính sách. Khi đưa chính sách vào thực thi, các cơ quan chức năng cần đo lường các khả năng có thể xảy ra và đánh giá tác động của chính sách. Nếu xét thấy chính sách có thể gây bất lợi cho một nhóm nhỏ nhưng đem lại lợi ích lớn cho cộng đồng thì cần đề nghị Nhà nước có các chế tài đủ mạnh để đưa chính sách vào cuộc sống.

- Đẩy mạnh đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác thực thi chính sách. Chú trọng bồi dưỡng đạo đức công vụ cho cán bộ, công chức thực thi nhiệm vụ. Tiến hành trao quyền và quy trách nhiệm đối với các cán bộ, công chức tham gia thực thi chính sách. Thường xuyên kiểm tra, giám sát và lắng ý kiến nhân dân về hoạt động thực thi chính sách ở địa phương. Khen thưởng kịp thời cán bộ, công chức có công, xử phạt nghiêm minh các cán bộ, công chức vi phạm trong quá trình thực thi chính sách. Bảo đảm phân chia nhiệm vụ công bằng, phù hợp với năng lực và tư duy chính sách của từng cán bộ, công chức. Thu hút sự tham gia của nhân dân và doanh nghiệp, thực hiện cán bộ và nhân dân cùng làm.

- Chuẩn bị các nguồn lực, cả nhân lực và vật lực khi thực thi chính sách. Khuyến khích thu hút các nguồn lực từ nhân dân và doanh nghiệp nhằm hạn chế gánh nặng cho ngân sách nhà nước. Việc sử dụng các nguồn lực cần bảo đảm minh bạch, tránh thất thoát. Trong điều kiện nguồn lực có hạn, chi phí thực thi lớn, cần ưu tiên lựa chọn những mục tiêu cấp thiết, lên kế hoạch tìm giải pháp thu hút nguồn lực cho các mục tiêu lâu dài.

- Đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách về phát triển NLTT cho các cơ sở, ngành và địa phương nhằm cung cấp thông tin khách quan, xác thực,

khoa học và phản biện về bối cảnh, thực tiễn hiện trạng và triển vọng của ngành NLTT, thành tựu đạt được và những tồn tại, khó khăn, thách thức.

III. GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ VÀ DOANH NGHIỆP

Giải pháp tăng cường nhận thức và hành động của nhà đầu tư và doanh nghiệp quan trọng nhất là nâng cao nhận thức về trách nhiệm xã hội. Một số giải pháp chủ yếu có thể kể đến là:

- Tăng cường thông tin truyền thông, cung cấp thông tin đầy đủ hơn đến người tiêu dùng về trách nhiệm xã hội thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các kênh truyền thông cá nhân hay truyền thông xã hội. Người tiêu dùng cần hiểu rõ một doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm xã hội là mang lại những giá trị tích cực cho cộng đồng trong đó có lợi ích của người tiêu dùng.

- Doanh nghiệp cần có kế hoạch đào tạo và phổ biến hiểu biết về trách nhiệm xã hội cho người lao động và đội ngũ quản lý thông qua các khóa học. Việc đào tạo có thể thực hiện thông qua các trải nghiệm thực tế như doanh nghiệp tích cực tham gia công tác bảo vệ môi trường, thực hiện các chương trình tuyên truyền về bảo vệ môi trường, làm cho các chương trình này trở thành hoạt động thường niên của doanh nghiệp.

- Mỗi doanh nghiệp cũng cần nêu cao tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, với xã hội, cam kết cho hoạt động của mình và thực hiện đúng các cam kết đó. Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phải tuân thủ pháp luật để đảm bảo rằng những sản phẩm do doanh nghiệp tạo ra là an toàn, đảm bảo sự phát triển của doanh nghiệp, không có những tác động tiêu cực đối với xã hội và môi trường.

- Thực hiện trách nhiệm xã hội trong việc nộp thuế của doanh nghiệp. Việc nộp thuế vừa thể hiện sự đóng góp cho xã hội, vừa củng cố khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới. Các doanh nghiệp quan tâm đến trách nhiệm xã hội cũng như thực hiện tốt nghĩa vụ thuế luôn là những doanh nghiệp phát triển bền vững và thành công, tạo được vị thế trên thương trường, được người tiêu dùng tin tưởng và đánh giá cao. Quá trình hội nhập quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ, cùng với những điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp ngày càng phát triển thì việc cạnh tranh trên thị trường lại ngày càng khốc liệt. Do đó, nâng cao nhận thức của nhà đầu tư và doanh nghiệp về trách nhiệm xã hội trong việc nộp thuế sẽ góp phần thúc đẩy doanh nghiệp kinh doanh bền vững, cạnh tranh lành mạnh và không ngừng đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Tuyên truyền rộng rãi để người tiêu dùng hiểu rõ việc mua hàng của họ cũng có đóng góp cho cộng đồng xã hội nếu như họ ủng hộ sản phẩm của doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, đặc biệt là pháp luật thuế, bảo vệ môi trường, chống hàng giả hàng nhái, góp phần nâng cao nhận thức của người tiêu dùng về hành vi tiêu dùng có trách nhiệm.

CHƯƠNG IX

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÁC DỊCH VỤ PHỤ TRỢ

Trong phạm vi các dịch vụ phụ trợ cho phát triển TTNLTT Ninh Thuận, các nhóm dịch vụ liên quan, hỗ trợ trực tiếp và gián tiếp đến các hoạt động của trung tâm này có thể kể đến là:

Dịch vụ chuyên môn, khoa học công nghệ: Phân tích kỹ thuật, khảo sát kỹ thuật, đo lường, kiểm định, tư vấn các giải pháp kỹ thuật liên quan đến đầu tư xây dựng công trình NLTT.

Dịch vụ tài chính: Dịch vụ kế toán, kiểm toán, bảo hiểm, tư vấn các giải pháp tài chính đầu tư và vận hành công trình NLTT.

Các dịch vụ liên quan khác như dịch vụ quản lý, hành chính, hỗ trợ văn phòng, y tế, vận tải hàng hóa máy móc, bốc xếp hàng hóa, kho bãi, lưu trú, ăn uống, thông tin, truyền thông...

Các tổ chức tư vấn dịch vụ chuyên môn, khoa học công nghệ hầu hết đăng ký trụ sở tại các thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, ... Tại đây có nhiều tổ chức, đơn vị có quy mô lớn, đa dạng ngành nghề, đội ngũ cán bộ có trình độ cao, có năng lực tư vấn.

Tại Ninh Thuận, lực lượng đơn vị tư vấn chuyên môn kỹ thuật, khoa học công nghệ còn ít. Thống kê từ danh mục doanh nghiệp thành lập mới các năm từ 2015 đến 2018 cho thấy trong 4 năm này chỉ có khoảng 50 doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực có liên quan đến tư vấn chuyên môn khoa học công nghệ xây dựng công trình, trong đó có rất ít đơn vị chuyên tư vấn về đầu tư xây dựng công trình năng lượng.

Mặt khác, còn nhiều vấn đề về khả năng và chất lượng tư vấn như: Đội ngũ cán bộ tư vấn chưa đồng đều, nhiều đơn vị tư vấn mới hình thành, chưa có kinh nghiệm trong hoạt động tư vấn, chưa xác định được chiến lược phát triển dài hạn, năng lực tư vấn còn nhiều hạn chế, nhất là năng lực quản lý, điều hành dự án lớn, có công nghệ tiên tiến, hiện đại...

Theo thông tin từ Cục Thống kê Ninh Thuận về tình hình phát triển doanh nghiệp 9 tháng đầu năm 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, Tính đến ngày 15/9/2020, trên phạm vi toàn tỉnh đã có 521 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký 3.809 tỷ đồng, tăng 33,2% số lượng doanh nghiệp và tăng 13,5% vốn so cùng kỳ.. Lĩnh vực dịch vụ tư vấn, thiết kế, số doanh nghiệp đăng ký mới tăng 7,8% so cùng kỳ. Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp đang hoạt động và đăng ký mới gần đây chuyên về tư vấn thiết kế đầu tư xây dựng công trình năng lượng (trong đó có cả giải pháp kỹ thuật và tài chính) còn ít, chưa đáp ứng được nhu cầu hiện tại do các công trình NLTT đang có kế hoạch triển khai với số lượng và quy mô lớn. Hầu hết các nhà đầu tư đều tìm đến các tổ chức tư vấn ở các thành phố lớn như Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh.

Ngành logistics có nhiều cơ hội tăng trưởng nhưng thách thức cũng không hề nhỏ. Những thách thức lớn nhất của ngành vận tải và logistics Việt Nam hiện nay chính là cơ sở hạ tầng như hệ thống cảng biển, kho bãi, kết nối... còn hạn chế, bất cập; quy mô vốn, trình độ quản lý, trình độ chuyên môn còn hạn chế; các loại thuế, phí cầu đường và phụ phí cao.

Trong bối cảnh phát triển TTNLTT Ninh Thuận hiện nay, một số giải pháp tăng cường các dịch vụ phụ trợ cần kể đến là:

I. CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Cải cách thủ tục hành chính nhằm hỗ trợ, thu hút các nhà đầu tư tham gia phát triển kinh tế đã được UBND tỉnh đặt ra từ khá sớm. Ngay từ những năm 2010, tỉnh Ninh Thuận đã ban hành Quyết định 207/2010/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2010 thành lập Văn phòng phát triển kinh tế trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận [12]. Theo đó, Văn phòng này có chức năng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh vận động, thu hút nguồn vốn đầu tư các thành phần kinh tế (đầu tư trong nước và nước ngoài), các nguồn vốn tài trợ chính thức (ODA), viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO); làm đầu mối tiếp xúc, hướng dẫn, tiếp nhận và xử lý hồ sơ dự án đầu tư và các thủ tục liên quan đến thành lập doanh nghiệp, xây dựng, đất đai, môi trường và các thủ tục cấp phép liên quan khác để triển khai dự án theo quy trình “một cửa liên thông”; hỗ trợ các nhà đầu tư, nhà tài trợ trong quá trình triển khai dự án đầu tư, tài trợ trên địa bàn tỉnh.

Một số cải cách thủ tục hành chính trong đăng lý thành lập và hoạt động các tổ chức dịch vụ liên quan đến phát triển TTNLTT có thể kể đến là:

Quyết định 1357/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 2/7/2014 v/v công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Quyết định 1889/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 26/11/2019 v/v Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, tổ chức khoa học và công nghệ công lập, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận. Quyết định nêu rõ danh mục và căn cứ pháp lý giải quyết các thủ tục thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, tổ chức khoa học công nghệ công lập, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục này nêu rõ chức danh vị trí người giải quyết; nội dung công việc và thời gian giải quyết.

Quyết định 612/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 17/4/2018 v/v công bố Danh mục thủ tục hành chính thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ.

Quyết định 1881/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 26/11/2019 v/v phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ. Quyết định nêu rõ danh mục các thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ; Lĩnh vực Năng lượng Nguyên tử, An toàn bức xạ hạt nhân; Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ. Quyết định này cũng quy định thời gian giải quyết, địa điểm thực hiện, phí và lệ phí, căn cứ pháp lý để giải quyết các thủ tục hành chính này. Quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục này nêu rõ chức danh vị trí người giải quyết; nội dung công việc và thời gian giải quyết.

II. KHUYẾN KHÍCH THÀNH LẬP MỚI DOANH NGHIỆP DỊCH VỤ PHỤ TRỢ

Các doanh nghiệp dịch vụ chuyên môn, khoa học công nghệ, dịch vụ tài chính và logistics là những doanh nghiệp cung cấp những dịch vụ thiết yếu, góp phần quan trọng vào sự phát triển của TTNLTT Ninh Thuận. Ngoài ra, các dịch vụ quản lý, hành chính, hỗ trợ văn phòng, y tế, lưu trú, ăn uống, thông tin, truyền thông... cũng là các dịch vụ cần thiết cần kể đến.

Để khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia chuỗi các dịch vụ phụ trợ này, cần thiết có những giải pháp cụ thể về tuyên truyền, hướng dẫn những quy định pháp luật liên quan về điều kiện thành lập doanh nghiệp, cải tiến thủ tục hành chính trong cấp phép và quản lý doanh nghiệp dịch vụ.

Cơ quan quản lý đã có những chuyển đổi phương thức quản lý phù hợp với điều kiện hiện nay thay vì quản lý bằng các thủ tục hành chính. Đã chuyển trọng tâm sang hỗ trợ, khuyến khích hoạt động của doanh nghiệp; đồng thời chú trọng việc thanh, kiểm tra điều kiện kinh doanh, xử lý các hành vi vi phạm. Quy trình gia nhập thị trường nói chung, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện đăng ký kinh doanh nói riêng, về cơ bản đã được cải cách, đơn giản hóa và rút ngắn hơn nhiều.

Luật Doanh nghiệp năm 2005 có hiệu lực cùng với các văn bản hướng dẫn thi hành đã đánh dấu một bước cải tiến mạnh mẽ trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, xóa bỏ cơ bản các rào cản đăng ký gia nhập thị trường đối với doanh nghiệp. Việc thực hiện cơ chế liên thông giữa cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế và công an đã giúp giảm đáng kể thời gian thực hiện ba thủ tục cơ bản của quá trình gia nhập thị trường.

Bên cạnh đó, cùng với việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, hiệu suất, hiệu quả công tác của cán bộ đăng ký kinh doanh đã tăng lên đáng kể khi thời gian xử lý hồ sơ ngày càng được cắt giảm, cơ chế một cửa và những cải cách khác đã tạo thuận tiện và giảm thời gian đăng ký doanh nghiệp.

Để tăng cường hơn nữa hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp, cơ quan quản lý cần thiết hỗ trợ cá nhân và doanh nghiệp có nguyện vọng trong việc đáp ứng các điều

kiện đăng ký thành lập doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp trong lĩnh vực tư vấn đầu tư xây dựng công trình theo Nghị định 42/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05 tháng 04 năm 2017 [13] về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. Trong đó có các điều kiện tiên quyết để thành lập doanh nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng: chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng; chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng; chứng chỉ hành nghề quản lý dự án; chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng; chứng chỉ năng lực của tổ chức giám sát thi công xây dựng; chứng chỉ năng lực của tổ chức kiểm định xây dựng. Giải pháp có thể là liên kết, hợp tác với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về cấp chứng chỉ năng lực, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng mở các lớp đào tạo tại địa phương.

III. HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP DỊCH VỤ PHỤ TRỢ

Tỉnh Ninh Thuận đã ban hành một số chế độ hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ, trong đó có các đơn vị dịch vụ phụ trợ liên quan đến phát triển TTNLTT trên địa bàn tỉnh.

Quyết định 08/2015/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 20 tháng 7 năm 2015 và Quyết định số 67/2015/QĐ-UBND ngày ngày 18 tháng 9 năm 2015 về quy định chế độ hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 – 2020 đã quy định về chế độ hỗ trợ đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ; các tổ chức khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh có tham gia các hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, bảo hộ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp, phát triển thị trường công nghệ, hoạt động năng suất, chất lượng; các hợp tác xã, làng nghề, hội, hiệp hội và cá nhân có tham gia hoạt động khoa học công nghệ.

Nội dung hoạt động khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ; hoạt động bảo hộ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm: sáng chế/giải pháp hữu ích; kiểu dáng công nghiệp; nhãn hiệu thông thường; mã số mã vạch sản phẩm; nhãn hiệu tập thể; nhãn hiệu chứng nhận; chỉ dẫn địa lý; tham gia Chợ công nghệ (Techmart); hoạt động đổi mới và áp dụng công nghệ quản trị doanh nghiệp thông qua áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến; giải thưởng chất lượng quốc gia.

Quyết định 133/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 11 tháng 4 năm 2016 [14] ban hành Chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 - 2020. Chương trình có mục tiêu: Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ trong các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân có tham gia hoạt động khoa học và công

nghệ nhằm nâng cao trình độ công nghệ; Từng bước nâng cao, gia tăng các hoạt động bảo hộ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp, các sáng chế/giải pháp hữu ích; kiểu dáng công nghiệp; nhãn hiệu thông thường; mã số mã vạch sản phẩm; nhãn hiệu tập thể; nhãn hiệu chứng nhận; chỉ dẫn địa lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Hỗ trợ xúc tiến tham gia thị trường khoa học và công nghệ, đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm kết nối nhu cầu công nghệ trong tổ chức, doanh nghiệp nhằm thúc đẩy phát triển thị trường công nghệ trên địa bàn tỉnh; Tăng cường hoạt động đổi mới và áp dụng công nghệ quản trị doanh nghiệp thông qua áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến; giải thưởng chất lượng Quốc gia.

Đối tượng áp dụng của chương trình: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; các tổ chức khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh (hoạt động theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ) có tham gia các hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, bảo hộ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp, phát triển thị trường công nghệ, hoạt động năng suất, chất lượng; Hợp tác xã, làng nghề, hội, hiệp hội và cá nhân có tham gia hoạt động khoa học công nghệ.

Kế hoạch số 538/KH-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 27/02/2020 [15] về triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục triển khai thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Theo đó, mục tiêu tổng quát của Kế hoạch là:

- Tiếp tục tập trung cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, thông qua triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết đã đề ra, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về mặt nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về tinh thần phục vụ và nâng cao trách nhiệm, tính năng động, sáng tạo của các cơ quan Nhà nước trong thực thi công vụ;

- Tổ chức thực hiện đạt kết quả các nhiệm vụ nhằm góp phần cải thiện điểm số và thứ hạng các bộ chỉ số về môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới (WB), năng lực cạnh tranh toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), năng lực đổi mới sáng tạo của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), phát triển Chính phủ điện tử của Liên hợp quốc (UN), Hiệu quả logistics của WB, năng lực cạnh tranh du lịch của WEF, phân đấu môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh nước ta đạt mục tiêu trong nhóm 4 nước đứng đầu ASEAN.

- Tiếp tục xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, thân thiện, thông thoáng và minh bạch; vận động, khuyến khích, tạo điều kiện hỗ trợ thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Kế hoạch 1668/KH-STC của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận ngày 9/6/2020 v/v Nâng cao chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh của Sở Tài chính năm 2020. Theo đó, chỉ số “Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp” yêu cầu: Các phòng thuộc Sở theo chức năng nhiệm vụ phụ trách, tạo điều kiện thuận lợi, hướng dẫn, hỗ trợ Doanh nghiệp; thường xuyên nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của các Doanh nghiệp, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của các Doanh nghiệp; thẩm định năng lực tài chính của các Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo đề nghị của Văn phòng phát triển kinh tế (EDO); hỗ trợ Doanh nghiệp nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc.

Kế hoạch 333/KH-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 11 tháng 02 năm 2020 [16] v/v hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2020. Kế hoạch được ban hành với mục đích: Đảm bảo tính chủ động, thống nhất quản lý, chỉ đạo điều hành triển khai, phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với doanh nghiệp; Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nhanh chóng với thông tin pháp luật, đáp ứng cơ bản về bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho người quản lý doanh nghiệp và kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ pháp chế doanh nghiệp; hình thành và mở rộng mạng lưới tư vấn pháp luật gồm: Luật sư, Luật gia, Tư vấn viên pháp luật; Nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ pháp chế của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khai thác hiệu quả nguồn văn bản quy phạm pháp luật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật tỉnh Ninh Thuận; Xác định rõ trách nhiệm và nâng cao năng lực của các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc tham gia tổ chức, thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Những nhóm nội dung chủ yếu cần thực hiện: Xây dựng và khai thác các cơ sở dữ liệu pháp luật phục vụ hoạt động của doanh nghiệp; Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý; Xây dựng tài liệu giới thiệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật; Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp; Giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp.

Về lĩnh vực logistics: Quyết định 394/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 09 tháng 11 năm 2018 [17] về việc ban hành Kế hoạch phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025. Theo đó, kế hoạch được xây dựng với quan điểm tập trung đầu tư và phát triển hạ tầng logistics nhằm phát huy tối đa lợi thế vị trí địa lý chiến lược của tỉnh trên tuyến hành lang kinh tế trong khu vực để phấn đấu xây dựng tỉnh trở thành một đầu mối quan trọng trong hệ thống dịch vụ logistics của khu vực Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên. Bên cạnh đó, phát triển dịch vụ logistics trở thành ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, gắn với phát triển sản xuất hàng hóa, xuất nhập khẩu và thương mại nội địa, phát triển hạ tầng giao thông vận tải và công nghệ thông tin. Phát triển thị trường dịch

vụ logistics lành mạnh, tạo cơ hội bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế tham gia. Hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp logistics về số lượng, chất lượng, quy mô, trình độ nhân lực đủ năng lực cạnh tranh ở thị trường trong nước và khu vực.

Mục tiêu đến năm 2025, thu hút đầu tư vào phát triển hạ tầng logistics trên địa bàn tỉnh, tập trung xây dựng tại khu vực Tp. Phan Rang – Tháp Chàm, khu kinh tế phía Nam, các khu công nghiệp, Cảng biển tổng hợp Cà Ná nhằm nâng cao hiệu quả kết nối giữa tỉnh với các vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam bộ và các tỉnh khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên. Hình thành các doanh nghiệp dịch vụ logistics đầu tàu, có đủ sức cạnh tranh trong và ngoài nước, đồng thời hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp dịch vụ logistics theo phương châm hiện đại, chuyên nghiệp. Ứng dụng công nghệ mới trong logistics, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, chuyên nghiệp về logistics, góp phần thúc đẩy thuận lợi hóa thương mại, tái cấu trúc hoạt động sản xuất, thương mại của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, hoàn thiện các cơ chế quản lý nhà nước ở địa phương, bao gồm: các chính sách hỗ trợ phát triển dịch vụ logistics, chính sách đầu tư, cải cách hành chính, cơ chế phối hợp quản lý của các sở, ban, ngành trong chuỗi dịch vụ logistics... đảm bảo phù hợp với trình độ phát triển của dịch vụ logistics trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Ngoài ra, để đẩy mạnh phát triển hệ thống dịch vụ phụ trợ cho phát triển TTNLTT Ninh Thuận, trong thời gian tới cần tập trung triển khai các giải pháp sau:

- Hỗ trợ doanh nghiệp dịch vụ phụ trợ đổi mới và nâng cao chất lượng dịch vụ, thúc đẩy, kích cầu thị trường. Xây dựng lộ trình đổi mới chất lượng dịch vụ, hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới và nâng cao chất lượng dịch vụ, gắn chất lượng dịch vụ với nhu cầu thực tế.

- Tổ chức đào tạo về quản lý doanh nghiệp, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ quản lý doanh nghiệp.

- Tổ chức đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ trong các tổ chức dịch vụ tư vấn khoa học công nghệ, hỗ trợ đào tạo và đăng ký cấp chứng chỉ năng lực, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

- Tăng cường thu hút các lực lượng tham gia nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Khuyến khích các sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã và các nhà đầu tư các công trình năng lượng trên địa bàn tỉnh tham gia đặt hàng và trực tiếp triển khai thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và giải quyết các vấn đề liên quan đến phát triển năng lượng thuộc ngành, lĩnh vực và địa bàn mình quản lý.

CHƯƠNG X

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG NIỀM TIN CÁC BÊN THAM GIA

Giải pháp tăng cường niềm tin thông qua các cam kết và sự liên kết đồng bộ giữa các bên tham gia trong phát triển TTNLTT Ninh Thuận đề cập đến sự tin tưởng của doanh nghiệp, nhà đầu tư đối với các cơ chế, chính sách, giải pháp, kế hoạch hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; niềm tin giữa nhà đầu tư với nhà cung cấp và hỗ trợ tài chính, nhà cung cấp dịch vụ, vật tư thiết bị...

Các nhóm giải pháp gồm:

- Cải cách thủ tục hành chính: Xây dựng và củng cố niềm tin của doanh nghiệp, nhà đầu tư đối với nhà hoạch định chính sách về thủ tục hành chính hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư phát triển NLTT.

- Đổi mới cơ chế chính sách: Xây dựng và củng cố niềm tin của doanh nghiệp, nhà đầu tư đối với nhà hoạch định chính sách thông qua cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển NLTT.

- Thu xếp tài chính: Xây dựng và củng cố niềm tin của doanh nghiệp, nhà đầu tư với nhà cung cấp và hỗ trợ tài chính trong phát triển NLTT.

- Cung cấp dịch vụ, vật tư thiết bị: Niềm tin của doanh nghiệp, nhà đầu tư và nhà cung cấp dịch vụ, vật tư thiết bị trong phát triển NLTT.

I. CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Thời gian qua, hoạt động cải cách thủ tục hành chính của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước đã đạt được những kết quả rất tốt, tạo niềm tin cho người dân và doanh nghiệp. Một loạt các thủ tục hành chính được cải thiện như cơ chế một cửa, một cửa liên thông, công khai hóa, minh bạch hóa các quy định về thủ tục hành chính. Các thủ tục hành chính được rà soát, sửa đổi, bãi bỏ theo hướng đơn giản hóa, thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp.

Nghị quyết 30c/NQ-CP của Chính phủ ngày 08 tháng 11 năm 2011 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 [18] với trọng tâm nhiệm vụ là cải cách thể chế; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, chú trọng cải cách chính sách tiền lương nhằm tạo động lực thực sự để cán bộ, công chức, viên chức thực thi công vụ có chất lượng và hiệu quả cao; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công.

Nghị định số 36/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/4/2012 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ [19]. Chính phủ đã ban hành 25 nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 25 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Thông qua

đó, mô hình bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực tiếp tục khẳng định tính phù hợp trong bối cảnh đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của cơ quan hành chính.

Tiếp theo đó, Quyết định 225/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04 tháng 02 năm 2016 phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 với mục tiêu tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP của Chính phủ, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn II (2016 - 2020).

Cải cách hành chính hiện nay đang tập trung vào những nội dung chính như đổi mới lề lối làm việc, cắt giảm thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục, hạn chế gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp, tạo sự hài lòng cho người dân, hướng đến nền hành chính phục vụ. Một số nhóm giải pháp chính nhằm nâng cao hiệu quả của cải cách hành chính có thể kể đến là:

- Nâng cao nhận thức của các chủ thể trong xã hội về tầm quan trọng của cải cách thủ tục hành chính, hướng tới xây dựng nền hành chính hiện đại. Nâng cao nhận thức về cải cách thủ tục hành chính cho toàn thể cán bộ, công chức và nhân dân để tạo hiệu ứng chung trong toàn xã hội cùng chung tay tham gia thực hiện. Tiếp tục phát huy việc chuyển nhận thức từ cơ chế nền hành chính “mệnh lệnh”, “xin – cho” sang nền hành chính “phục vụ”; coi người dân và doanh nghiệp thực sự là “đối tác”, “khách hàng” trong cung cấp dịch vụ công.

- Đẩy mạnh xây dựng và vận hành chính phủ điện tử, góp phần cải cách thủ tục hành chính và các dịch vụ công. Nội dung các thủ tục hành chính, các thông tin, mẫu biểu hồ sơ liên quan cần được đưa lên mạng internet để người dân, doanh nghiệp có thể tra cứu, tải xuống chuẩn bị trước khi thực hiện các thủ tục hành chính.

- Nâng cao hiệu quả thực thi công vụ cho đội ngũ công chức tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính. Đề cao trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật trong tiếp nhận, xử lý nhanh chóng, kịp thời các thủ tục hành chính của công chức nhà nước.

- Ban hành và thực hiện hiệu quả cơ chế kiểm tra, thanh tra việc thực thi công vụ của đội ngũ công chức tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính. Xử lý nghiêm người vi phạm và khen thưởng kịp thời những người thi hành xuất sắc nhiệm vụ nhằm tiếp tục tạo bước chuyển biến căn bản trong quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp, giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau trong giải quyết và thực hiện các thủ tục hành chính.

- Tăng cường giao lưu, học tập kinh nghiệm giữa các tỉnh, thành phố. Việc trao đổi kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau giữa các tỉnh, thành phố trong nước về cải cách thủ tục hành chính có ý nghĩa quan trọng trong tiến trình xây dựng nền hành chính hiện đại, phục vụ nhân dân. Qua đó tìm ra các sáng kiến, các giải pháp hiệu

quả nhằm tiếp tục hoàn thiện thể chế trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước và cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính rườm rà để tiết kiệm thời gian, công sức của cá nhân, tổ chức sẽ góp phần đẩy nhanh tiến trình phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.

Với Ninh Thuận, thời gian gần đây tỉnh đã rất quan tâm đến những vấn đề khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong thực tiễn của doanh nghiệp, tiếp thu và chỉ đạo các cấp, ngành, địa phương kịp thời điều chỉnh, xử lý bất cập trước nhiều rào cản xuất phát từ chính sách gây khó cho người dân và doanh nghiệp trong phát triển kinh tế xã hội nói chung và phát triển NLTT nói riêng.

Cùng với những cải cách hành chính như cải cách về thể chế, cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cải cách tài chính công và hiện đại hóa hành chính, việc cải cách thủ tục hành chính được thực hiện thông qua nhiều văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy Ninh Thuận như: Chỉ thị số 34-CT/TU ngày 06/7/2012 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đẩy mạnh cải cách hành chính; Chỉ thị số 57-CT/TU ngày 03/9/2014 về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 59-CT/TU ngày 07/10/2014 tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

UBND tỉnh Ninh Thuận cũng đã ban hành nhiều văn bản nhằm chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh như Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 về Chương trình, Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020 của tỉnh Ninh Thuận; Chỉ thị số 33/CT-UBND ngày 12/11/2012 về việc đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 12/7/2013 về việc đẩy mạnh Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn tỉnh và các văn bản chỉ đạo về tuyên truyền cải cách hành chính, phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh...

Kết quả nổi bật của những giải pháp cải cách hành chính là đã bám sát tinh thần và nội dung của các văn bản về cải cách hành chính do các cơ quan ở Trung ương ban hành, đồng thời phù hợp với thực tiễn kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Thuận. Có thể nhận thấy những cải cách của Ninh Thuận về thủ tục hành chính đã tạo ra những chuyển biến tích cực về nhận thức cũng như hành động của các cán bộ, công chức làm việc trực tiếp trong lĩnh vực đầu tư và tạo ra những bước tiến đáng kể của công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư tại tỉnh Ninh Thuận trên một số mặt như sau:

- Thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa. Các thủ tục hành chính được thực hiện theo cơ chế “một cửa” và “một cửa liên thông” đã rút ngắn thời gian giải quyết, giảm thiểu chi phí đi lại cho các nhà đầu tư; đồng

thời tạo sự thuận lợi cho các cơ quan nhà nước kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các thủ tục hành chính của cán bộ, công chức, viên chức.

- Công khai các thủ tục hành chính. Việc công khai thủ tục hành chính được thực hiện dưới các hình thức niêm yết công khai tại trụ sở, trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh. Thông qua việc công khai các thủ tục hành chính đã tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư tra cứu, theo dõi và thực hiện các thủ tục hành chính.

- Triển khai thực hiện hiệu quả các thủ tục hành chính. Các nhà đầu tư khi thành lập doanh nghiệp hoặc triển khai các dự án đầu tư được tiếp xúc với một đầu mối là Văn phòng Phát triển kinh tế Ninh Thuận (EDO Ninh Thuận) để hoàn tất các thủ tục liên quan như thành lập doanh nghiệp. Chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thủ tục liên quan đến đất đai, xây dựng, đền bù, môi trường, giải phóng mặt bằng và các thủ tục khác để có thể triển khai thực hiện dự án đều được tiếp nhận tại Văn phòng này. EDO có trách nhiệm hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tham mưu xử lý hoặc làm việc với các Sở ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện để giải quyết hồ sơ, thủ tục theo thẩm quyền và trả kết quả cho nhà đầu tư theo thời gian quy định. Các thủ tục liên quan đến đầu tư cũng như những vấn đề khó khăn, vướng mắc của các nhà đầu tư trong quá trình triển khai dự án đầu tư sẽ được xử lý kịp thời thông qua cơ chế họp giao ban định kỳ hàng tuần của Ban chỉ đạo EDO, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm trưởng ban, với sự tham gia của lãnh đạo các Sở, ngành, EDO, UBND các huyện, thành phố trong tỉnh.

Trong bối cảnh thực tiễn hiện nay, liên quan đến phát triển TTNLTT Ninh Thuận, một số giải pháp cơ bản về cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư trong thời gian tới cần thiết được thúc đẩy và đổi mới nhằm nâng cao hiệu quả của việc thu hút đầu tư vào tỉnh Ninh Thuận là:

- Rà soát, ban hành các quy định có liên quan đến trình tự thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư 2014 và Luật Doanh nghiệp năm 2014, tạo thuận lợi nhất cho nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, đồng thời đảm bảo tính chặt chẽ, công khai, minh bạch, bình đẳng trong thu hút đầu tư. Quy định cụ thể các yêu cầu về năng lực tài chính, kinh nghiệm của nhà đầu tư, ký quỹ từ khâu đăng ký đầu tư. Ban hành quy định về cơ chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính theo mô hình “một cửa liên thông” tại Văn phòng Phát triển kinh tế, cắt giảm tối đa các thủ tục theo tinh thần Nghị quyết số 19/2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ [20].

- Xem xét và thực hiện rà soát các quy hoạch trong tỉnh nhằm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất giữa các quy hoạch, nhất là quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của tỉnh, làm cơ sở để kêu gọi đầu tư.

- Tăng cường công tác giám sát, hỗ trợ nhà đầu tư giải quyết các khó khăn vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án. Có giải pháp xử lý hiệu quả đối với các dự án chậm tiến độ, nhà đầu tư không có khả năng triển khai theo quy định Luật Đầu tư năm 2014 và Luật Đất đai năm 2013.

- Thiết lập hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý kiến nghị và kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến trên website để người dân và doanh nghiệp phản ánh về chính sách, thủ tục hành chính và việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính.

- Tăng cường sự phối hợp giữa EDO, Sở Kế hoạch và Đầu tư với các sở, ngành liên quan trong thực hiện thủ tục hành chính cho nhà đầu tư. Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để các dự án mới đi vào hoạt động sản xuất ổn định và phát huy hiệu quả.

II. HOÀN THIỆN VÀ ĐỔI MỚI CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH

Một trong những khó khăn lớn mà các doanh nghiệp, nhà đầu tư NLTT đang phải đối mặt là sự thay đổi về chính sách. Trước khi triển khai dự án, doanh nghiệp, nhà đầu tư đã tính toán kỹ chi phí đầu tư, giá bán, thời gian thu lợi dựa trên cơ sở giá Bộ Công thương quy định ở thời điểm hiện tại. Việc thay đổi chính sách giá, thời gian áp dụng chính sách giá gây bất lợi cho nhà đầu tư và doanh nghiệp.

Trên thực tế, thời gian qua Chính phủ đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích phát triển nguồn NLTT như:

Quyết định số 1855/QĐ-TTg ngày 27/12/2007- Phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050.

Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 Quyết định về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam.

Thông tư số 32/2012/TT-BCT ngày 12/11/2012 quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió.

Thông tư số 06/2013/TT-BCT ngày 08/03/2013 quy định về nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch phát triển điện gió.

Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 Phê duyệt Chiến lược phát triển NLTT quốc gia đến năm 2030 tầm nhìn 2050.

Quyết định 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016 Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030.

Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam.

Quyết định 39/2018/QĐ-TTg ngày 10/9/2018 sửa đổi, bổ sung Quyết định 37/2011/QĐ-TTg về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam.

Mới đây nhất là Quyết định 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam. Theo đó, giá mua điện từ các dự án điện mặt trời nổi lưới vận hành thương mại trước ngày 1/1/2021 với tổng công suất tích lũy không quá 2 ngàn MWp là gần 2,1 ngàn đồng và được áp dụng 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại. Giá mua điện được điều chỉnh theo biến động của tỷ giá đồng/USD [9].

Chủ trương, định hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước về phát triển năng lượng, trong đó có NLTT đã hết sức rõ ràng. Chính phủ cũng đã đưa ra các cơ chế, chính sách khuyến khích phù hợp với thực tiễn phát triển cho từng giai đoạn và theo hướng công bằng, minh bạch, tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế tham gia phát triển nhằm khai thác hết lợi thế, tiềm năng nguồn NLTT tại Việt Nam phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Một số giải pháp cơ bản về đổi mới cơ chế chính sách liên quan đến phát triển NLTT cần xem xét trong giai đoạn hiện nay là:

- rà soát, sửa đổi hạn chế sự chồng chéo, mâu thuẫn trong các quy định liên quan tới công tác đầu tư, thu hút các thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia phát triển các dự án ngành năng lượng, đặc biệt là trong lĩnh vực điện lực tại một số Luật như: Luật Điện lực, Luật Dầu khí, Luật Khoáng sản... tạo hành lang pháp lý thông thoáng, nhất quán và tháo gỡ những nút thắt còn tồn tại từ lâu nay, tạo niềm tin và động lực cho các nhà đầu tư tham gia phát triển NLTT.

- Bộ Công Thương phối hợp với các bộ, ngành, nghiên cứu triển khai xây dựng Luật NLTT để đảm bảo những nền tảng pháp lý quan trọng để phát triển NLTT một cách bền vững tại Việt Nam, đồng thời tiếp tục tạo dựng môi trường công khai, minh bạch và cạnh tranh để phục vụ cho thị trường điện cạnh tranh như yêu cầu của Chính phủ.

- Bộ Công Thương báo cáo Chính phủ xem xét, kiến nghị ban hành Nghị quyết giải thích và làm rõ một số quy định trong các Luật chuyên ngành nhằm tạo hành lang pháp lý rõ ràng hơn, thu hút tiềm năng trong đầu tư vào những lĩnh vực khác nhau của hệ thống năng lượng quốc gia, đặc biệt là vào hệ thống nguồn điện.

- rà soát, hoàn thiện các chính sách thúc đẩy chuyển đổi sử dụng các nguồn năng lượng hóa thạch sang năng lượng xanh, trong đó có NLTT, hỗ trợ chuyển đổi công nghệ NLTT, bổ sung các quy chuẩn kỹ thuật để kiểm soát tốt các nguồn ô nhiễm.

- Nghiên cứu, xây dựng hướng dẫn triển khai thực hiện các dự án điện đầu tư theo hình thức đối tác công tư để có thể thực hiện ngay sau khi Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực.

- rà soát, cải cách, ban hành bổ sung những hướng dẫn liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (đơn giá đền bù, xác định nguồn gốc đất, chuyển đổi mục đích sử dụng, đất lâm nghiệp), vướng mắc thỏa thuận vị trí dự án (quỹ đất, chôn lấp quy hoạch).

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các tiêu chuẩn, quy trình, quy định về đảm bảo chất lượng, tính đồng bộ về thiết bị, ghép nối, an toàn, ổn định, tin cậy của các thiết bị, công trình NLTT, kể cả điện mặt trời mái nhà.

Với Ninh Thuận, trong lĩnh vực phát triển NLTT, thời gian gần đây tỉnh đã có nhiều chủ trương, chính sách thiết thực hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư:

Quyết định 402/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 15/11/2018 v/v ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018 - 2023 [21]. Về cơ chế, chính sách thu hút đầu tư : Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát, xác lập danh mục các dự án điện mặt trời đảm bảo điều kiện, yêu cầu và đề xuất phương án xây dựng hạ tầng đầu nối đáp ứng nhu cầu giải tỏa công suất thiết kế 2.000MW đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận triển khai, để được thụ hưởng chính sách giá điện theo Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ đến hết năm 2020. Thời gian hoàn thành báo cáo trong quý IV năm 2018.

Quyết định 204/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 03 tháng 07 năm 2018 v/v Phê duyệt Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2018 tỉnh Ninh Thuận với mục tiêu: xúc tiến đầu tư trực tiếp nhằm mời gọi trực tiếp các doanh nghiệp, nhà đầu tư chiến lược, thương hiệu trong và ngoài nước tập trung vào một số dự án trọng tâm, trọng điểm thuộc các lĩnh vực là thế mạnh của tỉnh: năng lượng, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp, chế biến... làm đòn bẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đây cũng là cơ hội để tỉnh tăng cường hoạt động đối ngoại và vận động tài trợ các nguồn vốn hợp tác phát triển chính thức (ODA), nguồn vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO); tăng cường xúc tiến quảng bá hình ảnh, xúc tiến du lịch vào tỉnh Ninh Thuận.

Liên quan đến hỗ trợ giải phóng mặt bằng phục vụ NLTT, tỉnh đã có Công văn hỏa tốc số 425/UBND-KTTH ngày 19/2/2020 gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc “Khẩn trương tham mưu điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng trên địa bàn tỉnh để triển khai các dự án cấp bách”. Theo đó, UBND tỉnh Ninh Thuận giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp các Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Thuận Nam cùng các cơ quan liên quan khẩn trương rà soát, xác định cụ thể diện tích rừng và đất lâm nghiệp cần phải thực hiện chuyển đổi, kịp thời thực hiện đúng theo Công văn số 70/TTg-CN ngày 9-1, của Thủ tướng Chính phủ về việc, bổ sung dự án nhà máy điện mặt trời, quy mô công suất 450MW tại xã Phước Minh, huyện Thuận Nam vào quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, giai đoạn 2011-2020, có xét đến năm 2030 điều chỉnh (quy hoạch điện VII điều chỉnh) và yêu cầu triển khai đầu tư dự án điện mặt trời nêu trên, kết hợp đầu tư trạm biến áp 500kV Thuận Nam và các

đường dây 500kV, 220kV đấu nối vào hệ thống điện quốc gia, đưa vào vận hành đồng bộ trong năm 2020.

Tại hội nghị xúc tiến đầu tư Ninh Thuận tháng 8/2018 tổ chức tại Tp.HCM, lãnh đạo tỉnh Ninh Thuận cam kết dành những ưu đãi hấp dẫn nhất của tỉnh cho các nhà đầu tư. Cam kết được hiện thực hóa bằng hàng loạt chính sách: giảm giá thuê đất, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế nhập khẩu, thủ tục đầu tư nhanh chóng và thông thoáng.

Gần đây, tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị liên quan rà soát quy hoạch liên quan để làm rõ diện tích đất sử dụng cho năng lượng. Theo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cho biết, căn cứ Nghị quyết số 113 của Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Ninh Thuận, thì tổng diện tích đất năng lượng quy hoạch đến năm 2020 của tỉnh là 4.383 ha. Trong đó, có diện tích hiện trạng đang quy hoạch là 155,94 ha, diện tích quy hoạch tăng thêm được tính toán dựa vào các dự án khả thi được triển khai là 4.227 ha.

Trong thời gian tới, một số vấn đề chủ yếu liên quan đến cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển NLTT tại Ninh Thuận cần triển khai là:

- Tỉnh chủ động sắp xếp lại thứ tự ưu tiên, lựa chọn các nhiệm vụ trọng tâm để chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện, nhất là đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực hiện các khâu đột phá, trụ cột về phát triển NLTT, kinh tế biển, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao và các dự án động lực thay thế, các khu đô thị mới...

- Để giải tỏa công suất các dự án NLTT trên địa bàn, các sở, ban ngành hỗ trợ nhà đầu tư hoàn tất các thủ tục có liên quan về giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để đẩy mạnh xây dựng hệ thống lưới đấu nối vào hệ thống điện quốc gia.

- Theo dõi, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai, thi công các dự án NLTT trên địa bàn.

- Tập trung xử lý vướng mắc về lao động, tăng cường các hoạt động kết nối cung-cầu, giải quyết việc làm cho người lao động, đảm bảo nhu cầu nhân lực cho các doanh nghiệp, các dự án điện gió, điện mặt trời trên địa bàn tỉnh hoạt động để đảm bảo tiến độ dự án triển khai.

III. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG NIỀM TIN GIỮA NHÀ ĐẦU TƯ, NGÂN HÀNG, CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Để giải quyết bài toán về vốn, tạo niềm tin cho doanh nghiệp, nhà đầu tư đối với ngân hàng, các tổ chức tín dụng, cần tập trung thực hiện một số giải pháp chủ yếu:

- Tiếp tục thực hiện và vận dụng linh hoạt Hệ thống cơ chế chính sách của Chính phủ. Ngân hàng nhà nước đã và đang tập trung hỗ trợ rất tốt cho các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nghị định 39/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định 34/2018/NĐ-CP về Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định 38/2018/NĐ-CP về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; Nghị quyết số 35/NQ-CP Ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; Hệ thống cơ chế chính sách của Ngân hàng nhà nước về tiền tệ, tín dụng và lãi suất. Trong đó doanh nghiệp nhỏ và vừa là nhóm đối tượng ưu tiên trong tập trung vốn để sản xuất kinh doanh, hỗ trợ lãi suất vay (áp dụng trần lãi suất cho vay ngắn hạn bằng tiền đồng).

- Có cơ chế chia sẻ thông tin của các bên liên quan, bao gồm cả các cơ quan thuế, đăng ký doanh nghiệp, thông tin tín dụng ngân hàng..., giúp các ngân hàng và nhà đầu tư chia sẻ, minh bạch thông tin; phục vụ việc đánh giá, xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp, nhà đầu tư tốt hơn.

- Thực hiện hỗ trợ tín dụng có chọn lọc, có trọng tâm, trọng điểm, phối hợp với các chương trình hỗ trợ khác như nâng cao năng lực, đào tạo, ưu đãi thuế, tài chính và các chương trình cải thiện môi trường kinh doanh.

- Triển khai hiệu quả hơn nữa ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp cận các nguồn tài chính, tín dụng. Tích cực triển khai các giải pháp công nghệ mới nhằm giảm chi phí, nâng cao hiệu quả và tính minh bạch của chương trình. Nghiên cứu và tạo điều kiện cho sự phát triển của những loại hình định chế tài chính trung gian mới như: Ngân hàng đầu tư, Quỹ đầu tư mạo hiểm, Quỹ đầu tư doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Tiếp tục phát huy hơn nữa vai trò huy động vốn của thị trường chứng khoán trong việc cung ứng vốn trung dài hạn cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư. Đẩy mạnh quá trình phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

- Các doanh nghiệp, nhà đầu tư cần khắc phục tình trạng kém minh bạch thông tin để xây dựng niềm tin với không chỉ các tổ chức tín dụng mà còn với các nhà đầu tư tài chính, các quỹ đầu tư chứng khoán và các định chế tài chính trung gian khác. Khi các nhà đầu tư trên thị trường tài chính có đầy đủ thông tin phục vụ cho việc quản trị rủi ro, họ sẽ mạnh dạn đầu tư vào các chứng khoán do doanh nghiệp phát hành, qua đó tạo vốn cho các doanh nghiệp, từng bước đa dạng hoá được các nguồn vốn phục vụ cho quá trình phát triển của mình.

Đối với tỉnh Ninh Thuận:

- Tỉnh hướng dẫn các tổ chức tín dụng chủ động cân đối nguồn vốn, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh; áp dụng lãi suất cho vay hợp lý; đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian xét duyệt hồ sơ vay vốn; tạo thuận lợi, nâng cao khả năng tiếp cận vốn vay của khách hàng.

- Triển khai kịp thời gói hỗ trợ tín dụng theo Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 4/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19. Tập trung hỗ trợ cung ứng lao động cho các doanh nghiệp. Xử lý vướng mắc về lao động, tăng cường các hoạt động kết nối cung-cầu, giải quyết việc làm cho người lao động, đảm bảo nhu cầu nhân lực cho các doanh nghiệp, các dự án điện gió, điện mặt trời trên địa bàn tỉnh hoạt động để đảm bảo tiến độ dự án triển khai.

IV. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG NIỀM TIN CÁC BÊN TRONG CUNG ỨNG VẬT TƯ THIẾT BỊ

Niềm tin giữa các bên trong cung cấp dịch vụ, vật tư thiết bị phục vụ phát triển NLTT là niềm tin trong cung cấp và trao đổi hàng hóa, dịch vụ liên quan. Vấn đề này liên quan trực tiếp đến nâng cao đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của cá nhân và doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

Về phía cơ quan quản lý:

- Hoàn thiện khung luật pháp nhằm tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho đạo đức kinh doanh. Hiện nay, có tình trạng chưa đủ quy định về pháp lý đối với những vi phạm trong đạo đức kinh doanh, thủ tục pháp lý chưa được quy chuẩn rõ ràng nên khó xử lý khi phát hiện vi phạm, chế tài chưa đủ mạnh để răn đe và ngăn chặn các biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh, từ đó dẫn đến tình trạng “nhờn luật”, có tình vi phạm nhưng các cơ quan chức năng gặp nhiều khó khăn trong xử lý.

- Tăng cường phổ biến và giáo dục về đạo đức kinh doanh cho các chủ thể kinh doanh, từng cá nhân doanh nghiệp, doanh nhân để họ có nhận thức đúng và đầy đủ về các quy định luật pháp, trách nhiệm cũng như đạo đức kinh doanh. Bên cạnh đó cũng cần giáo dục nâng cao nhận thức của người tiêu dùng và toàn xã hội về những quy định của pháp luật và vấn đề đạo đức kinh doanh để người tiêu dùng và khách hàng có thể giám sát việc tuân thủ luật pháp và những chuẩn mực về đạo đức kinh doanh của doanh nghiệp, doanh nhân.

- Cần có những biện pháp khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân nâng cao đạo đức kinh doanh.

- Nâng cao vai trò của các cơ quan bộ, ban, ngành, địa phương, tổ chức xã hội (như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở Trung ương và các cấp, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam), các hội và hiệp hội (như Hội Bảo vệ quyền người tiêu dùng, Hiệp hội Phát triển Văn hóa Doanh nghiệp Việt Nam, Hội Doanh nghiệp Nhỏ và Vừa), Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các khu công nghiệp, các hội và hiệp hội ngành nghề...

- Tăng cường công tác thông tin, truyền thông rộng rãi về vấn đề đạo đức kinh doanh, khuyến khích báo chí vào cuộc nhằm phát hiện và đưa ra công luận những cá nhân và tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật và đạo đức kinh doanh, đồng thời nêu những tấm gương điển hình tốt về những cá nhân và tổ chức doanh nghiệp, doanh nhân có thành tích xuất sắc trong việc xây dựng và thực hiện đạo đức kinh doanh.

- Để đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp trở thành động lực và niềm tin cho doanh nghiệp không chỉ bằng tuyên truyền, vận động mà còn cần một hành lang pháp lý đủ mạnh và có tính răn đe cao. Do vậy, có thể thấy vai trò then chốt của hệ thống luật pháp, các tiêu chuẩn về đạo đức kinh doanh được quy định thành tiêu chuẩn pháp luật để thực hiện trách nhiệm xã hội của cá nhân và doanh nghiệp, nhằm kiểm soát các hành vi làm giàu vô đạo đức, gây nguy hại cho cộng đồng. Cần thiết nghiên cứu các giải pháp hiệu quả để thúc đẩy kinh doanh lành mạnh, có chế tài cụ thể đối với các hành vi cố tình làm trái quy định vì lợi ích không chính đáng.

- Nâng cao vai trò giám sát của xã hội nhằm phát huy các mặt tích cực, hạn chế các hành vi tư lợi, lạm dụng chức quyền, tiếp tay của cán bộ công quyền. Trên thực tế, tình trạng thiếu đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội còn có sự tiếp tay của không ít cán bộ công quyền thông qua các hành vi tham ô, vòi vĩnh. Do vậy, phía cơ quan quản lý, cần có những chế tài và quy định chặt chẽ để hạn chế tình trạng này.

Về phía cá nhân và doanh nghiệp:

- Xác định mục tiêu kinh doanh là đạt tới sự thống nhất giữa lợi ích doanh nghiệp và lợi ích cộng đồng. Lợi ích cộng đồng ở đây phải được tính đến cả về trước mắt và lâu dài. Vì vậy, việc hoạch định chiến lược kinh doanh và mở rộng kinh doanh của doanh nghiệp phải đảm bảo lợi ích chung của cộng đồng trên cả phương diện lợi ích vật chất lẫn lợi ích tinh thần, cả về chất lượng sản phẩm lẫn vấn đề đảm bảo môi trường sinh thái cho cộng đồng. Việc tuân thủ nguyên tắc này cũng có nghĩa là người kinh doanh không vi phạm đạo đức kinh doanh.

- Trong kinh doanh phải luôn giữ chữ tín. Chữ tín phải được thể hiện không chỉ ở nhãn hiệu hàng hóa, mà quan trọng hơn là ở thương hiệu của doanh nghiệp, của sản phẩm. Thực hiện nguyên tắc này chính là đảm bảo sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp trong kinh doanh. Trên cơ sở đó, nhà doanh nghiệp sẽ hiểu được vai trò quan trọng của việc thực hiện đạo đức kinh doanh trong chiến lược kinh doanh lâu dài của mình.

- Kinh doanh phải tuân thủ theo pháp luật, phải phù hợp cả với các quy định và các văn bản dưới luật được nhà nước và xã hội quy định. Trong kinh doanh phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ đối với xã hội.

- Nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp, của người tiêu dùng và toàn xã hội về vấn đề đạo đức kinh doanh, đặc biệt sự nhận thức và trách nhiệm của doanh nghiệp, doanh nhân là những chủ thể hoạt động kinh doanh; gắn chặt và đề cao tinh thần trách nhiệm của doanh nghiệp, doanh nhân đối với đối tác, khách hàng, người tiêu dùng và toàn xã hội (về chất lượng sản phẩm, trách nhiệm hậu mãi, trách nhiệm bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội).

- Đối với thị trường và người tiêu dùng, doanh nghiệp phải bảo đảm chữ tín, bảo đảm chất lượng sản phẩm, dịch vụ, thực hiện đúng các tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm, dịch vụ, thực hiện các cam kết dịch vụ sau khi bán như đã bảo đảm với khách hàng, không quảng cáo quá sự thật. Pháp luật không thể quy định và tiết chế tất cả các hoạt động của doanh nghiệp. Chính doanh nghiệp phải bảo đảm thương hiệu của mình bằng cách duy trì chất lượng, tính ổn định của chất lượng sản phẩm, dịch vụ không vượt ra khỏi các quy định của pháp luật. Trong kinh doanh, doanh nghiệp có quan hệ không chỉ với khách hàng, mà còn quan hệ với các nhà đầu tư ngân hàng, nhà cung ứng các sản phẩm, dịch vụ trợ giúp,... Trong tất cả các mối quan hệ đó, doanh nghiệp không chỉ thực hiện đúng các cam kết theo Luật Dân sự, Luật Hợp đồng, mà còn phải nêu cao đạo đức kinh doanh, hoạt động phù hợp với pháp luật, bảo đảm và tôn trọng lợi ích chính đáng và hợp pháp của khách hàng và đối tác.

- Đối với người lao động, doanh nghiệp cần chăm lo cuộc sống vật chất và tinh thần cho người lao động, bảo đảm cho người lao động không chỉ tái sản xuất sức lao động, mà còn được nâng cao trình độ chuyên môn, chăm lo sức khỏe. Người lao động, phải tôn trọng các cam kết trong hợp đồng lao động, làm việc tại doanh nghiệp phù hợp với những cam kết khi được bồi dưỡng, nâng cao trình độ.

Nhìn chung, để thực hiện đạo đức kinh doanh đối cá nhân và doanh nghiệp hiện nay, cần có sự giáo dục các doanh nghiệp và cho cả cộng đồng ý thức rõ về vai trò của đạo đức kinh doanh trong hoạt động kinh doanh. Việc theo đuổi mục tiêu lợi nhuận và phát triển kinh tế không có nghĩa là doanh nghiệp được phép bỏ qua các quy chuẩn, giá trị, những chuẩn mực tôn trọng con người. Một doanh nghiệp thành đạt không chỉ hoạt động tuân thủ pháp luật, mà còn phải tuân theo các chuẩn mực đạo đức chung của xã hội và của đạo đức kinh doanh. Xây dựng một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và các văn bản dưới luật rõ ràng là cần thiết nhưng chưa đủ, mà phải đưa ra được những quy tắc, những chuẩn mực đạo đức kinh doanh đủ sức đề hướng dẫn những hành vi kinh doanh của các doanh nghiệp. Các chuẩn mực đạo đức kinh doanh không chỉ có các doanh nghiệp cần nắm được và tuân thủ, mà còn phải giáo dục cho cả cộng đồng hiểu được những chuẩn mực này để có dư luận kịp thời ngăn chặn những hành động vi phạm đạo đức kinh doanh.

CHƯƠNG XI

GIẢI PHÁP THÁO GỠ RÀO CẢN THIỂU HỤT THÔNG TIN, CƠ SỞ HẠ TẦNG CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Giải pháp tháo gỡ rào cản về thiếu hụt thông tin, dữ liệu và cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ trình diễn, phát triển các công nghệ hỗ trợ, tăng tỷ lệ nội địa hoá để giảm giá thành dự án, kiểm chứng công nghệ và thiết bị, thu hút đầu tư trong và ngoài nước nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ nội địa, đào tạo phát triển nguồn nhân lực và chuyển giao công nghệ liên quan đến phát triển TTNLTT Ninh Thuận sẽ tập trung vào các vấn đề thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình xây dựng, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình năng lượng ở địa phương thông qua phát triển công nghiệp hỗ trợ.

Các nhóm giải pháp tập trung vào các vấn đề: Hoàn thiện cơ chế, chính sách; đảm bảo và huy động hiệu quả nguồn lực phát triển công nghiệp hỗ trợ; giải pháp về tài chính, tín dụng; phát triển chuỗi giá trị trong nước; phát triển và bảo vệ thị trường; nâng cao năng lực doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ; thông tin truyền thông, thống kê và cơ sở dữ liệu. Đây cũng là các nhóm giải pháp nêu trong Nghị quyết 115/NQ-CP của Chính phủ ngày 06 tháng 8 năm 2020 về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ [22].

Công nghiệp hỗ trợ là các ngành công nghiệp sản xuất vật liệu, phụ tùng linh kiện, phụ kiện, bán thành phẩm để cung cấp cho ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp các sản phẩm hoàn chỉnh là tư liệu sản xuất hoặc sản phẩm tiêu dùng.

Các giải pháp đều cần thiết hướng tới việc làm sao cho các doanh nghiệp phụ trợ Việt Nam chủ động hơn trong hợp tác, hỗ trợ, tận dụng thế mạnh, kỹ năng của nhau để đưa ra được các sản phẩm có chất lượng, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và tăng liên kết với các nhà đầu tư nước ngoài có trình độ kỹ thuật cao, có kinh nghiệm trong sản xuất linh kiện, chi tiết, phụ tùng... để tham gia vào chuỗi cung cấp sản phẩm của họ.

I. HOÀN THIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

Xây dựng, hoàn thiện và triển khai hiệu quả, đồng bộ các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển (được Nhà nước ưu đãi và hỗ trợ theo quy định tại Luật Đầu tư) đảm bảo điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp hỗ trợ, đồng thời xây dựng và triển khai các chính sách hiệu quả cho các ngành công nghiệp vật liệu và phát triển thị trường cho các ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh, tạo nền tảng cơ bản cho công nghiệp hóa theo hướng hiện đại và bền vững.

Cơ chế, chính sách ban hành cần tiếp tục phổ biến, nâng cao nhận thức về phát triển công nghiệp hỗ trợ là khâu đột phá để nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp, đóng góp quan trọng vào phát triển bền vững trong dài hạn. Các cơ chế chính sách cần tập trung vào phát huy có chọn lọc các tiềm năng, lợi thế so sánh của Việt Nam, phát huy tối đa năng lực đầu tư của các thành phần kinh tế (đặc biệt là các công ty, tập đoàn đa quốc gia), định hướng theo một số nhóm ngành để phát huy tối đa hiệu quả cạnh tranh. Cần thiết xây dựng lộ trình phát triển công nghiệp hỗ trợ ở tầm chiến lược quốc gia, lộ trình tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Cần xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách đủ mạnh để hỗ trợ cho các doanh nghiệp, tạo thị trường cho công nghiệp hỗ trợ bằng cách phát triển các ngành công nghiệp hạ nguồn (các ngành sản xuất, lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh), cũng như thu hút các tập đoàn đa quốc gia đầu tư các dự án quy mô lớn tại Việt Nam. Từng bước mở rộng ra thị trường nước ngoài, phát triển các ngành công nghiệp vật liệu để giúp tự chủ được nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giảm sự phụ thuộc vào việc nhập khẩu; nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, quản trị sản xuất, quản trị doanh nghiệp, đào tạo và chuyển giao công nghệ...). Hỗ trợ tín dụng, tiếp cận vốn vay dễ dàng; tháo gỡ các vướng mắc về thuế.

Xem xét sửa đổi, bổ sung các luật về thuế như thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất trong nước, không đánh thuế đối với phần giá trị tạo ra trong nước; VAT, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng điều chỉnh phương thức khấu trừ thuế VAT đối với máy móc, thiết bị nhập khẩu phục vụ sản xuất; điều chỉnh thuế nhập khẩu phụ tùng, linh kiện và quy định miễn thuế nhập khẩu đối với hoạt động xuất khẩu.

II. ĐẢM BẢO HUY ĐỘNG HIỆU QUẢ CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Bố trí, đảm bảo và huy động nguồn lực hiệu quả để triển khai thực hiện chính sách đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển. Nâng cao vai trò và khuyến khích các địa phương đầu tư các nguồn lực để triển khai các chính sách, chương trình và hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển trên cơ sở căn cứ các quy định của pháp luật và bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương đó.

Nguồn lực về nhân lực. Những năm gần đây, chúng ta đã thực hiện một cách quyết liệt việc đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển từ mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên, vốn đầu tư và lao động hướng mạnh sang mô hình tăng trưởng sử dụng tổng hợp, có hiệu quả các

nguồn lực của nền kinh tế, nhất là coi trọng nguồn nhân lực chất lượng cao, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo. Nhiều giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế đã được triển khai thực hiện trên thực tế. Với chủ trương coi trọng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao kết hợp với lợi thế lực lượng lao động dồi dào, giá rẻ sẽ thúc đẩy phát triển công nghiệp nói chung, công nghiệp hỗ trợ nói riêng.

Khuyến khích các đối tác đầu tư nước ngoài phối hợp chặt chẽ trong công tác đào tạo nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp hỗ trợ. Đưa vào chương trình đào tạo hàng năm kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho công nghiệp hỗ trợ. Tăng liên kết giữa cơ sở đào tạo và cơ sở sản xuất, thu hút các chuyên gia nước ngoài tham gia đào tạo các ngành nghề như điện tử tin học, tự động hoá, cơ khí chính xác, các công nghệ hỗ trợ, sản xuất vật liệu mới. Đào tạo đội ngũ các nhà quản lý doanh nghiệp, các chuyên gia bậc cao, những chuyên viên kỹ thuật giỏi...

Áp dụng những biện pháp khuyến khích đào tạo và học tập về ngành công nghiệp hỗ trợ như đưa ra những chính sách khen thưởng, chứng chỉ cho các cá nhân có quá trình học tập tốt, có tay nghề cao. Đặc biệt, Chính phủ nên có các chương trình hỗ trợ đào tạo dành cho các doanh nghiệp Việt Nam, tập trung chú trọng vào các doanh nghiệp có mong muốn trở thành nhà thầu phụ hoặc sản xuất sản phẩm phụ trợ cho các doanh nghiệp khác. Các chương trình đào tạo cũng cần tập trung vào kỹ năng còn thiếu và yếu của các doanh nghiệp nội địa sản xuất sản phẩm phụ trợ như: Kỹ năng vận hành máy móc thiết bị, quản lý chất lượng sản phẩm...

Nguồn lực từ đất đai. Hiện vẫn còn tình trạng mâu thuẫn, chòng chẹo, không thống nhất, không đồng bộ giữa pháp luật về đất đai và các pháp luật khác có liên quan, như Luật Đầu tư, Doanh nghiệp, Đấu thầu, Xây dựng, Nhà ở..., gây khó khăn cho tổ chức thực hiện và làm giảm hiệu lực, hiệu quả của các quy định của pháp luật, dẫn tới chưa khai thác có hiệu quả nguồn lực đất đai cho phát triển kinh tế - xã hội. Việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai theo phân cấp của các địa phương chưa đầy đủ, kịp thời, chất lượng thấp, ban hành chưa đúng thẩm quyền, ban hành còn chậm so với thời điểm Luật Đất đai có hiệu lực thi hành; có nội dung một số địa phương vẫn chưa ban hành. Việc thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng tại một số địa phương còn chậm, nhất là các dự án thực hiện thu hồi đất, bồi thường trong giai đoạn thay đổi cơ chế, chính sách. Một số dự án lớn, thực hiện kéo dài đã nhiều năm nhưng chưa hoàn thành, vừa ảnh hưởng đến tiến độ của dự án đầu tư, ảnh hưởng đến đời sống của người dân, vừa tác động không tốt đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Đề tăng cường, nâng cao hiệu quả nguồn lực đất đai cho phát triển kinh tế nói chung, công nghiệp hỗ trợ nói riêng, cần tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật đất đai, nâng cao chất lượng, tiến độ xây dựng, tính khả thi của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bảo đảm công khai, minh bạch trong giao đất, cho thuê đất,

chuyển mục đích sử dụng đất, xác định giá đất, bồi thường hỗ trợ và tái định cư, tăng cường đấu giá quyền sử dụng đất; khắc phục tình trạng không thống nhất giữa các quy định của pháp luật về đất đai và các pháp luật khác có liên quan. Cũng như các ngành công nghiệp khác, ngành công nghiệp hỗ trợ rất cần mặt bằng để phát triển, vì thế nên dành quỹ đất hợp lý cho các khu công nghiệp hỗ trợ, trong đó có đầy đủ các dịch vụ hỗ trợ như nơi trưng bày, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ kiểm định chất lượng, dịch vụ tài chính...

Nguồn lực về khoa học công nghệ: Xem xét thành lập “Trung tâm hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa”. Trung tâm này sẽ có chức năng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp như dịch vụ tư vấn về đổi mới công nghệ, cải tiến trang thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng cơ sở dữ liệu về chuyên gia tư vấn kỹ thuật, công nghệ, đáp ứng ứng dụng và hợp tác nghiên cứu ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, giúp các doanh nghiệp tiếp cận công nghệ mới... Những trung tâm hỗ trợ kỹ thuật này sẽ thúc đẩy các doanh nghiệp nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ và quản trị kinh doanh, vươn ngang tầm các doanh nghiệp lớn, đủ khả năng trở thành nhà sản xuất phụ trợ cho các doanh nghiệp sáng tạo là những tập đoàn, công ty đa quốc gia.

Nguồn lực về tài chính: Xem xét thành lập một tổ chức tín dụng chuyên đảm bảo vốn cho doanh nghiệp phụ trợ và có cam kết rõ ràng trong việc hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp này khi có nhu cầu tiến hành hoạt động đổi mới kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ mới. Cần có ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc miễn, giảm thuế nhập khẩu trang thiết bị, máy móc cho các doanh nghiệp hỗ trợ.

Nguồn lực đầu tư nước ngoài: Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài vào phát triển công nghiệp hỗ trợ. Thu hút đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và đặc biệt chú trọng thu hút các quy trình sản xuất với công nghệ tiên tiến để từng bước tiếp cận và làm chủ công nghệ, nâng cao khả năng xuất khẩu của công nghiệp hỗ trợ, đồng thời nâng cao tỷ lệ nội địa hóa.

III. GIẢI PHÁP VỀ TÀI CHÍNH, TÍN DỤNG

Tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi về lãi suất đối với doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển khi vay vốn ngắn hạn tại tổ chức tín dụng; Nhà nước thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay trung và dài hạn của các doanh nghiệp để thực hiện dự án sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển bằng nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.

Hoàn thiện và đơn giản hóa các chính sách, thủ tục về thuế để tạo điều kiện phát triển thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển. Điều chỉnh cơ chế và thời gian hoàn thuế giá trị gia

tăng tạo điều kiện thuận lợi về vốn cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến chế tạo ưu tiên phát triển.

Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chế xuất bán hàng và tham gia chuỗi cung ứng nội địa.

Hướng dẫn các địa phương xây dựng chương trình cho vay ưu đãi các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển phù hợp quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Nghiên cứu điều chỉnh các chính sách tín dụng đối với lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ đảm bảo tính hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có thể tiếp cận với các nguồn vốn vay ưu đãi.

Khuyến khích các tổ chức tín dụng cân đối, xây dựng chương trình tín dụng phù hợp với doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa; kết hợp thẩm định cho vay đối với khách hàng kèm theo tư vấn các giải pháp tài chính phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

Nghiên cứu xây dựng các cơ chế khuyến khích tài chính hấp dẫn hơn cho đầu tư vào công nghiệp hỗ trợ đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Xây dựng các chương trình hỗ trợ cụ thể với các ngành hàng, các tổ chức tham gia trong các chương trình tài chính cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ. Xây dựng chi tiết thủ tục phê duyệt, cách thức phối hợp giữa các ban ngành thực hiện. Đưa danh mục các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được ưu đãi vào văn bản pháp luật có liên quan để thực thi.

Đảm bảo môi trường kinh doanh thuận lợi và kinh tế vĩ mô ổn định (các loại chi phí gia nhập thị trường thấp, bao gồm chi phí tín dụng ở mức phù hợp) để tạo ra tinh thần sản xuất trong xã hội, khuyến khích hướng nguồn vốn đầu tư xã hội vào khu vực sản xuất. Có các giải pháp hỗ trợ thiết thực để một số doanh nghiệp có tiềm năng trong các ngành công nghiệp ưu tiên phát triển ngang tầm khu vực và thế giới để dẫn dắt nền công nghiệp. Điều chỉnh chính sách thu hút FDI theo hướng các ưu đãi cho các doanh nghiệp FDI gắn liền với yêu cầu nâng cao tỷ lệ giá trị gia tăng.

IV. PHÁT TRIỂN CHUỖI GIÁ TRỊ TRONG NƯỚC

Tạo cơ hội hình thành và phát triển chuỗi giá trị trong nước thông qua thu hút đầu tư hiệu quả và thúc đẩy kết nối kinh doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp Việt Nam với các doanh nghiệp đa quốc gia, các công ty sản xuất, lắp ráp trong nước và nước ngoài; xây dựng các khu công nghiệp hỗ trợ tập trung để tạo cụm liên kết ngành; phát triển các ngành công nghiệp vật liệu nhằm tăng cường tính tự chủ về nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giảm sự phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu, nâng cao giá trị gia tăng nội địa, sức cạnh tranh của sản phẩm và vị trí của doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu. Đồng thời, thúc đẩy sự phát

triển của các ngành sản xuất, lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh, hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm các doanh nghiệp Việt Nam trong các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển trở thành các Tập đoàn có tầm cỡ khu vực, tạo hiệu ứng lan tỏa và dẫn dắt các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ phát triển theo tinh thần Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Tận dụng năng lực sẵn có và phát huy nội lực. Các doanh nghiệp có vốn nhà nước đã có chủ trương cổ phần hoá cần nhanh chóng thực hiện. Quá trình cổ phần hóa bị chậm trễ sẽ không tận dụng được thời gian nhanh chóng hội nhập và phát triển.

Các doanh nghiệp Việt Nam trong ngành công nghiệp hỗ trợ cần mở rộng liên doanh, liên kết, nhanh chóng tiếp thu và làm chủ các công nghệ tiên tiến, đặc biệt là các mô hình tổ chức sản xuất hiện đại. Với sự hỗ trợ có hiệu quả của Nhà nước thông qua các chính sách phù hợp, nếu có mô hình tổ chức sản xuất tốt, các doanh nghiệp này hoàn toàn có thể vươn lên vượt qua giới hạn của dung lượng thị trường để đạt tới một quy mô sản lượng lớn gấp nhiều lần. Mô hình tổ chức sản xuất tập trung vào phát triển sản xuất theo chiều ngang - phát huy năng lực công nghệ, sản xuất linh phụ kiện có những thuộc tính kỹ thuật gần nhau cho nhiều ngành công nghiệp chế tác; chuyên môn hóa theo chiều dọc - nhằm nâng cao cả giá trị và giá trị tăng thêm trong các sản phẩm; mở rộng hình thức nhận thầu phụ - thông qua việc liên kết với nhà cung cấp nước ngoài để vừa tiêu thụ được sản phẩm vừa học hỏi về công nghệ và các kỹ năng khác, từ đó vươn lên cung cấp trực tiếp linh phụ kiện cho các nhà lắp ráp nước ngoài.

V. PHÁT TRIỂN VÀ BẢO VỆ THỊ TRƯỜNG

Thúc đẩy phát triển thị trường nội địa và thị trường ngoài nước để tạo điều kiện phát triển công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển. Cụ thể, bảo đảm quy mô thị trường nội địa thông qua các giải pháp phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả kinh tế; xây dựng và thực thi hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật trong ngành công nghiệp phù hợp để bảo vệ sản xuất và người tiêu dùng trong nước; tăng cường công tác kiểm tra chất lượng hàng công nghiệp nhập khẩu và sử dụng các hàng rào kỹ thuật để bảo vệ hợp lý thị trường nội địa phù hợp với các cam kết và thông lệ quốc tế. Đồng thời, tìm kiếm, mở rộng các thị trường ngoài nước trên cơ sở tận dụng các hiệp định FTA đã ký kết; triển khai các biện pháp hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển tham gia hiệu quả các hiệp định thương mại tự do; tích cực tháo gỡ các rào cản, chống các hành vi độc quyền, cạnh tranh không lành mạnh; phát triển các loại hình và phương thức kinh doanh thương mại hiện đại.

Đẩy mạnh việc tiếp xúc, trao đổi, hỗ trợ các nhà đầu tư mới trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ nói riêng và ngành công nghiệp nói chung. Đồng thời, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn ngành và tiêu chuẩn cơ sở làm căn cứ cho việc định hướng phát triển công nghiệp hỗ trợ quốc gia. Trong các dự án đầu tư phát triển và trong hợp tác sản xuất kinh doanh cần đặc biệt coi trọng yếu tố chuyển giao công nghệ mới, coi đây là một trong những yếu tố để quyết định dự án đầu tư.

Cần có chính sách, giải pháp quyết liệt và nhất quán tập trung hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm một số doanh nghiệp Việt Nam trong các ngành công nghiệp hạ nguồn trọng điểm như ô tô, điện - điện tử, dệt may, da - giày trở thành các tập đoàn có tầm cỡ khu vực, tạo hiệu ứng lan tỏa và dẫn dắt các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước phát triển theo tinh thần Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Xây dựng và thực thi hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật trong ngành công nghiệp hỗ trợ phù hợp để bảo vệ sản xuất và người tiêu dùng trong nước, tăng cường công tác kiểm tra chất lượng hàng nhập khẩu và sử dụng hàng rào kỹ thuật để bảo vệ thị trường nội địa phù hợp với cam kết và thông lệ quốc tế.

Xây dựng chính sách về thuế nhập khẩu đối với linh kiện, phụ tùng nhập khẩu linh hoạt, phù hợp để giúp doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh. Tập trung xây dựng chính sách đột phá, tạo lập môi trường khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp nói chung, công nghiệp hỗ trợ nói riêng.

VI. NÂNG CAO NĂNG LỰC DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Xây dựng và vận hành hiệu quả các Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng và địa phương từ vốn đầu tư trung hạn của Trung ương và địa phương trên cơ sở nhu cầu, mục tiêu phát triển và nguồn lực sẵn có nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển đổi mới sáng tạo, nghiên cứu phát triển (R&D), chuyển giao công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh, tạo cơ hội tham gia sâu vào chuỗi sản xuất toàn cầu. Hình thành các cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi về tài chính, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất nhằm nâng cao năng lực của các trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng. Các trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng có vai trò kết nối các trung tâm tại địa phương, hình thành hệ sinh thái chung về công nghệ và sản xuất công nghiệp.

Bên cạnh đó, cần tập trung nâng cao năng lực khoa học công nghệ cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển nhằm tạo sự bứt

phá về hạ tầng công nghệ, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ; tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế trong nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, mua bán, chuyển giao các sản phẩm khoa học, công nghệ; đẩy mạnh thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu khoa học, công nghệ; tăng cường cơ chế hợp tác công tư trong việc triển khai các dự án đổi mới công nghệ, nghiên cứu và phát triển. Đồng thời, phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo thông qua các chương trình, kế hoạch quốc gia về nâng cao tay nghề, thúc đẩy liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động, phát triển hệ thống quản lý và đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp, triển khai mô hình quản lý theo hướng hiện đại, tinh gọn, chuyên nghiệp, áp dụng theo các tiêu chuẩn quốc tế và ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, phát triển hệ thống đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, đặc biệt đối với các kỹ năng nghề quan trọng trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

Bộ Công Thương đang triển khai thành lập 3 Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp tại 3 vùng kinh tế trọng điểm khu vực miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Các trung tâm này sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ sản xuất thử nghiệm, nâng cao năng suất chất lượng, tạo giá trị gia tăng cũng như tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.

Chính phủ cũng đã có nhiều chính sách hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp trong lĩnh vực này như: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí đối với hoạt động nghiên cứu, làm chủ, phát triển và tạo ra công nghệ; tối đa 50% kinh phí đối với hoạt động hoàn thiện công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia; tối đa 100% kinh phí đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng nâng cao nguồn nhân lực đối với đơn vị trực tiếp tham gia dự án; hỗ trợ hoạt động thương mại hóa sản phẩm và phát triển thị trường, hoạt động xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật; hỗ trợ về tín dụng, ưu đãi một số loại thuế; hỗ trợ tối đa 30% kinh phí mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, thiết bị đo kiểm, phân tích; các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng và tín dụng ...

Các chính sách nói trên đã tạo không ít cơ hội để các doanh nghiệp có thể tận dụng mọi nguồn lực của mình và phát triển các sản phẩm hàng hóa thương hiệu Việt Nam bằng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, có khả năng cạnh tranh về tính mới, chất lượng và giá thành sản phẩm, nhằm nâng cao năng lực đổi mới, làm chủ công nghệ. Nhờ vậy, doanh thu của doanh nghiệp tăng lên đáng kể, đồng thời giúp sản phẩm của Việt Nam cạnh tranh được với các phụ tùng nhập khẩu.

VII. THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG, THỐNG KÊ VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thống kê, cơ sở dữ liệu công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển nhằm thúc đẩy kết nối giữa nhà cung cấp Việt Nam và các tập đoàn đa quốc gia, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và xây dựng chính sách về công nghiệp hỗ trợ; nâng cao chất lượng công tác thống kê, bảo đảm thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng về công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển nhằm thu hút sự quan tâm, thay đổi, và nâng cao nhận thức, trách nhiệm thực hiện của lãnh đạo các cấp, các ngành, các địa phương và toàn xã hội về phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp hỗ trợ.

Xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và tăng cường các trang thông tin về tình hình, chính sách đầu tư và xúc tiến đầu tư bằng các thứ tiếng nước ngoài, đặc biệt là tiếng của những nước là các nhà đầu tư chiến lược hoặc các nhà đầu tư có tiềm năng.

Trong Nghị quyết 115/NQ-CP của Chính phủ ngày 06 tháng 8 năm 2020 cũng đã nêu nhiệm vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông [22]: Chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, xuất bản và hệ thống thông tin cơ sở tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển; chỉ đạo các đài phát thanh, truyền hình tăng cường thời lượng phát sóng các chương trình sản xuất về lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp ưu tiên phát triển, bảo đảm đạt tỷ lệ tối thiểu 10% tổng thời lượng phát sóng của các nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và địa phương nhằm phổ biến, quảng bá về công tác xây dựng và thực thi chính sách cũng như các hoạt động của doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp ưu tiên phát triển; đặt hàng các cơ quan báo chí có tính chất định hướng thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ. Đề xuất, kiến nghị những chính sách, cơ chế tạo sự đột phá về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp để đẩy mạnh thực hiện Chính phủ điện tử, góp phần cải cách thủ tục hành chính, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp ưu tiên phát triển bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất, tích hợp, hướng tới tập trung các cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; công khai minh bạch trong quá trình tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách và các giải pháp phát triển các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin và viễn thông, công nghiệp điện tử, trong đó ưu tiên

phát triển doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ để sản xuất các sản phẩm công nghệ 5G, công nghệ IoT, AI, Robotic, ...

VIII. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ NINH THUẬN

Nghị quyết 115/NQ-CP của Chính phủ ngày 06 tháng 8 năm 2020 cũng đã nêu nhiệm vụ Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương [22]:

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp hỗ trợ ở các cấp, các ngành. Khuyến khích doanh nghiệp trên địa bàn mở rộng liên kết, hợp tác trong hoạt động sản xuất, kinh doanh với các đối tác trong nước và nước ngoài có quy mô lớn, trước mắt tập trung vào các nhà đầu tư nước ngoài, nhằm tạo nguồn lực lớn về vốn đầu tư, đồng thời tận dụng các cơ hội chuyển giao, đổi mới công nghệ, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành hoặc bổ sung, sửa đổi các chính sách thu hút đầu tư trong nước và trực tiếp từ nước ngoài (FDI) có gắn với điều kiện nâng cao giá trị gia tăng tạo ra trong nước có tính đến liên kết không gian lãnh thổ.

- Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ lợi thế về phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển có trách nhiệm:

+ Xây dựng và ban hành Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ của địa phương;

+ Bố trí ngân sách hàng năm để triển khai Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ của địa phương;

+ Hoàn thiện tổ chức, nâng cao năng lực bộ máy của Sở Công Thương và các đơn vị liên quan triển khai các hoạt động phát triển công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn.

- Xây dựng Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp địa phương trên cơ sở nâng cấp, xây dựng mới cơ sở vật chất hoặc bổ sung chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp lại các đơn vị hiện có từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác trên cơ sở nhu cầu phát triển công nghiệp và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

- Hỗ trợ chi phí đầu tư hạ tầng, chi phí xử lý môi trường cho các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

- Xây dựng, triển khai chương trình tín dụng ưu đãi được cấp bù lãi suất đối với các khoản vay trung và dài hạn của các doanh nghiệp để thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển theo đặc thù, đặc điểm của

tùng địa phương; hỗ trợ cấp bù chênh lệch lãi suất từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Quy hoạch, đầu tư và hỗ trợ đầu tư một số khu, cụm công nghiệp do địa phương quản lý về công nghiệp hỗ trợ trong đó có xây dựng nhà xưởng cho thuê, cho thuê mua tài chính đổi mới trang thiết bị sản xuất theo mô hình cụm liên kết ngành, sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ và các nguyên phụ liệu quan trọng ngành dệt may, da giày như sợi, dệt, nhuộm, da, vật liệu mới và vật liệu kim loại trong cơ khí chế tạo.

- Ủy ban nhân dân các thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng bố trí đủ quỹ đất (tối thiểu 3 hecta) để Bộ Công Thương xây dựng các Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng đảm bảo đúng quy mô theo đề án thành lập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với Ninh Thuận, gần đây tỉnh cũng đã ban hành nhiều cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn.

Quyết định 2634/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 19 tháng 12 năm 2013 Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Công nghiệp tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020. Theo đó, công nghiệp cơ khí, chế tạo máy và sản xuất kim loại: thu hút đầu tư nhà máy sản xuất các thiết bị lắp ráp phục vụ cho phát triển ngành năng lượng (điện gió, điện mặt trời,...) [23].

Kế hoạch 1678/KH-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 22/4/2019 triển khai thực hiện Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Trong đó tập trung một số ngành ưu tiên như nông nghiệp, thông tin và truyền thông, xây dựng, giao thông vận tải, y tế, tài nguyên môi trường [24].

Quyết định 62/2018/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy định về hình thức và mức hỗ trợ Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025. Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025, bao gồm các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phục vụ nhu cầu các ngành: dệt may; da giày; điện tử; sản xuất lắp ráp ô tô; cơ khí chế tạo và công nghiệp công nghệ cao [25].

Quy định nêu rõ các nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ và trách nhiệm quản lý kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ. Hình thức hỗ trợ đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư, tỉnh thực hiện hỗ trợ sau đầu tư. Chính sách hỗ trợ nghiên cứu và phát triển công nghệ sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc danh mục ưu tiên, doanh nghiệp được xem xét hỗ trợ theo tiến độ dự án. Sau khi khởi công dự án, nhà đầu tư được tạm ứng 30% mức kinh phí hỗ trợ và được thanh toán tiếp 40% mức kinh phí hỗ trợ theo tiến độ thực hiện hạng mục dự án. Sau khi dự án đã hoàn thành đầu tư và được nghiệm thu, thực hiện giải ngân 30% mức kinh phí hỗ trợ còn lại.

Doanh nghiệp phải có văn bản cam kết nếu không thực hiện dự án theo đúng mục đích, tiến độ sẽ hoàn trả kinh phí hỗ trợ đã được nhận.

Các lĩnh vực được hỗ trợ gồm: Kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng trong và ngoài nước; hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất; hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyên giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất thử nghiệm linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu; hỗ trợ xây dựng và vận hành trang thông tin về công nghiệp hỗ trợ.

Đồng thời, quy định còn đề ra các quy định hướng dẫn việc đề xuất, xác nhận ưu đãi và đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ đề án. Quy định về tiêu chí thẩm định hồ sơ đề án, Hội đồng thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ hàng năm. Các bước thực hiện đề án, gồm ký kết hợp đồng, triển khai thực hiện, quyết toán kinh phí, điều chỉnh và chấm dứt thực hiện đề án.

Liên quan đến phát triển TTNLTT Ninh Thuận, một số giải pháp cụ thể cần kể đến là:

- Hỗ trợ lãi vay để đầu tư nhà xưởng, công nghệ sản xuất đối với các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ cung cấp vật tư, thiết bị cho xây dựng, vận hành và bảo dưỡng điện gió và mặt trời.

- Thúc đẩy chương trình kết nối cung cầu sản phẩm giữa các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ năng lượng với doanh nghiệp, công ty FDI, nhà đầu tư nước ngoài... trong liên kết sản phẩm, hỗ trợ nhân lực khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn.

- Tăng cường vai trò của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Thuận hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn, công nghệ mới, đổi mới dây chuyền công nghệ, thay thế công nghệ lạc hậu bằng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, tăng cường công nghệ mới tiết kiệm năng lượng, sản xuất sạch hơn. Tư vấn hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ thông tin về đầu tư, mở rộng sản xuất ngành nghề phù hợp quy hoạch, chiến lược phát triển của địa phương. Hỗ trợ cho các doanh nghiệp rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thành lập mới, cải thiện môi trường đầu tư, đăng ký kinh doanh, tiếp cận vốn, đất đai, thủ tục cấp phép xây dựng, thuế để tiết kiệm thời gian, chi phí. Giúp doanh nghiệp hoàn thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm thông qua các chương trình xúc tiến thương mại, ký kết và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước.

CHƯƠNG XII

KẾT LUẬN

Phát triển NLTT trong những năm qua đã đưa Ninh Thuận từ vùng đất cằn cỗi trên đà trở thành trung tâm công nghiệp năng lượng sạch, tạo nền tảng cho các lĩnh vực kinh tế khác của tỉnh phát triển. Để đạt được thành quả như vậy, trước hết là sự quan tâm, ủng hộ của Chính phủ thông qua Nghị quyết 115, mở ra cơ hội để Ninh Thuận tiến hành các bước phát triển thành trung tâm năng lượng sạch của cả nước; Bộ Công Thương đã có những chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời để ngành điện tập trung đầu tư cho hệ thống truyền tải điện; tầm nhìn và sự chủ động của địa phương trong đồng bộ từ quy hoạch đất đai đến quy hoạch điện gió, điện mặt trời và các điều kiện hỗ trợ khác ... giúp cho nhà đầu tư tham gia phát triển NLTT tại địa phương. Bên cạnh những giải pháp đã và đang được triển khai, một số giải pháp cần thiết khác cũng cần được nghiên cứu, áp dụng để sớm hoàn thành mục tiêu đưa Ninh Thuận trở thành TTNLTT của cả nước. Một số nhóm giải pháp cơ bản trong phát triển trung tâm NLTT quốc gia tại Ninh Thuận là: hạ tầng kỹ thuật, cơ chế chính sách và thu hút, phát triển các nguồn lực phục vụ phát triển NLTT và các vấn đề liên quan khác.

1. Giải pháp phát triển hạ tầng kỹ thuật

1.1. Lưới điện truyền tải

Giải pháp giải tỏa công suất lưới 220kV:

- + Xây dựng Trạm cắt 220kV vào năm 2025 tại khu vực huyện Thuận Nam.
- + Xây dựng đường dây 220kV mạch kép dây dẫn ACSR3x400 dài khoảng 5km từ Trạm cắt 220kV Thuận Nam đấu nối vào phía 220kV TBA 500kV Thuận Nam.
- + Xây dựng mới TBA 220kV Thuận Nam nối liên kết với TBA 110kV Thuận Nam hiện hữu với quy mô 2x250MVA vào năm 2025.
- + Xây dựng tuyến đường dây 220kV mạch kép dài khoảng 20km sử dụng dây ACSR3x400 xuất phát từ TBA 220kV Thuận Nam đấu nối vào phía 220kV TBA 500kV Thuận Nam, tiến độ đồng bộ cùng TBA 220kV Thuận Nam.
- + Xây dựng trạm cắt 220kV năm 2025 đặt tại khu vực huyện Ninh Sơn.
- + Xây dựng tuyến đường dây 220kV mạch kép từ trạm cắt 220kV đặt tại huyện Ninh Sơn đấu nối vào phía 220kV TBA 500kV Thuận Nam.
- + Xây dựng TBA 220kV Ninh Sơn năm 2025 với quy mô 2x250MVA.
- + Xây dựng mới TBA 220kV Bắc Ái năm 2025 với quy mô 2x250MVA.
- + Xây mạch 2 đường dây 220kV Di Linh – Đức Trọng – rẽ Đa Nhim – Tháp Chàm năm 2025.

+ Đến năm 2025, cải tạo dây dẫn lên ACSR3x400 tuyến đường dây 220kV Phan Rí – Phan Thiết.

Giải pháp giải tỏa công suất lưới 500kV:

+ Đến năm 2025 lắp thêm 1 MBA 900MVA nâng tổng công suất trạm 500kV Thuận Nam thành 3x900MVA.

+ Mở rộng trạm 500kV Vĩnh Tân lên quy mô 3x900MVA vào giai đoạn đến năm 2025.

+ Mở rộng trạm 500kV Di Linh lên quy mô 3x900MVA vào giai đoạn đến năm 2025.

+ Đến năm 2025 xây dựng mới tuyến đường dây mạch kép 500kV Thuận Nam – Chơn Thành với chiều dài khoảng 308km, sử dụng dây dẫn ACSR4x600.

+ Đến năm 2035, xây dựng thêm trạm 500kV Hồng Liêm với quy mô 3x900MVA.

Các giải pháp khác:

+ Đảm bảo nguồn vốn đầu tư xây dựng: Để đảm bảo tiến độ các dự án, EVN đang tập trung mọi nguồn lực, huy động nguồn vốn; trong đó, tổng nhu cầu vốn đầu tư của toàn Tập đoàn năm 2020 là 93.216 tỷ đồng. Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn vay ODA và các nguồn vốn vay nước ngoài, có kế hoạch giải ngân nguồn vốn vay ODA theo tiến độ đã ký kết trong hiệp định vay vốn. Đa dạng các hình thức huy động nguồn vốn trong nước và quốc tế để đáp ứng đủ nhu cầu đầu tư nguồn và lưới điện. Thường xuyên rà soát quy hoạch để đảm bảo đầu tư xây dựng các dự án điện đạt hiệu quả cao, giảm áp lực thu xếp vốn đầu tư xây dựng và góp phần giảm chi phí giá thành.

+ Tạo điều kiện xã hội hóa đầu tư lưới truyền tải: Đề xuất cho phép áp dụng các quy định về xã hội hóa đối với lưới điện truyền tải theo phương thức đối tác công tư (PPP). Do cách hiểu độc quyền nhà nước trong hoạt động truyền tải bao gồm cả việc đầu tư lưới điện truyền tải nên doanh nghiệp tư nhân mới chỉ đầu tư xây dựng lưới điện truyền tải đầu nối các dự án nguồn điện tới điểm đầu nối theo thỏa thuận với đơn vị truyền tải. Dự thảo Tờ trình Nghị quyết giải thích về hoạt động truyền tải theo quy định của Luật Điện lực cũng chỉ ra, Luật Điện lực chưa thể hiện việc đầu tư lưới điện truyền tải là độc quyền, chỉ do đơn vị truyền tải thực hiện.

+ Làm tốt công tác đền bù, giải phóng mặt bằng:

Về phía EVN: Chủ động phối hợp chặt với các địa phương và cải tiến một số khâu như thành lập Hội đồng đền bù song song với việc lập thiết kế kỹ thuật-tổng dự toán công trình, ký hợp đồng kinh tế về tư vấn đền bù với các quận, huyện... Phối hợp với Hội đồng đền bù, Trung tâm phát triển quỹ đất các quận/huyện để thành lập Tổ công tác đặc biệt hỗ trợ thi công, giải thích các chính sách đền bù của

địa phương, vừa vận động nhân dân sớm đồng thuận với phương án đền bù được duyệt. Phối hợp tốt với các cơ quan thông tấn, báo chí, các cơ quan phụ trách công tác tuyên truyền tại địa phương để cung cấp các thông tin tổng thể dự án, các chủ trương chính sách liên quan đến công tác bồi thường GPMB.

Về phía địa phương: Vận dụng phù hợp những chính sách đền bù, giải tỏa mặt bằng. Thành lập tổ chuyên trách gồm các ngành liên quan, nhà đầu tư, trung tâm quỹ đất và huyện vận động để bà con hiểu thêm về chính sách của nhà nước. Kiến nghị giao nhiệm vụ trực tiếp cho Chủ tịch UBND các tỉnh/thành phố chịu trách nhiệm khi để xảy ra chậm tiến độ GPMB các dự án lưới điện trong Quy hoạch điện.

1.2. Lưới điện phân phối

a. Giải pháp giải tỏa công suất lưới 110kV:

- Giai đoạn 2021 – 2025:

Vùng 1: Tp Phan Rang - Tháp Chàm, huyện Thuận Bắc, huyện Ninh Hải.

+ Nâng công suất TBA 110kV Ninh Hải lên 2x63MVA

+ Nâng công suất TBA 110kV Mỹ Phong lên 2x63MVA

+ Đẩy nhanh tiến độ xây dựng TBA 110kV Thuận Bắc lên 2x63MVA vào giai đoạn 2021 – 2025.

Vùng 2: huyện Ninh Phước, huyện Thuận Nam

+ Nâng công suất TBA 110kV Ninh Phước lên 2x63MVA

+ Đẩy nhanh tiến độ xây dựng TBA 110kV Thuận Nam lên 2x63MVA vào giai đoạn 2021 - 2025.

Vùng 3: huyện Bắc Ái, huyện Ninh Sơn

+ Lắp máy thứ 2 với dung lượng 63MVA tại TBA 110kV Ninh Sơn

+ Đẩy nhanh tiến độ xây dựng TBA 110kV Bắc Ái 25MVA lên 63MVA vào giai đoạn 2021 – 2025.

- Giai đoạn 2026 – 2030:

Vùng 1:

+ Mở rộng quy mô TBA 110kV Tháp Chàm hiện hữu và lắp MBA T3 nâng công suất TBA 110kV Tháp Chàm thành 3x63MVA;

+ Mở rộng quy mô TBA 110kV Ninh Hải hiện hữu và lắp MBA T3 nâng công suất TBA 110kV Tháp Chàm thành 3x63MVA;

+ Mở rộng quy mô TBA 110kV Thuận Bắc hiện hữu và lắp MBA T3 nâng công suất TBA 110kV Tháp Chàm thành 3x63MVA;

+ Xây dựng mới TBA 110kV trong khu vực thành phố Phan Rang - Tháp Chàm với quy mô công suất 3x63MVA trong giai đoạn này lắp đặt 2x63MVA.

+ Tại huyện Ninh Hải, xây dựng mới TBA 110kV 3x63MVA trong giai đoạn này sẽ lắp đặt 2x63MVA.

+ Nâng công suất TBA 110kV Thuận Bắc từ 2x63MVA tại giai đoạn 2021 – 2025 lên thành 3x63MVA.

+ Nâng công suất TBA 110kV KCN Du Long từ 40MVA lên 2x63MVA.

Vùng 2:

+ Mở rộng quy mô TBA 110kV Ninh Phước hiện hữu và lắp MBA T3 nâng công suất TBA 110kV Ninh Phước thành 3x63MVA;

+ Nâng công suất TBA 110kV Ninh Thuận 1 từ 25 + 40MVA lên 2x63MVA.

+ Mở rộng quy mô TBA 110kV Thuận Nam hiện hữu và lắp MBA T3 nâng công suất TBA 110kV Thuận Nam thành 3x63MVA;

+ Tại huyện Ninh Hải, xây dựng mới TBA 110kV trong khu vực huyện Ninh Phước 3x63MVA trong giai đoạn này sẽ lắp đặt 2x63MVA.

+ Tại huyện Thuận Nam, xây dựng mới TBA 110kV trong khu vực huyện Thuận Nam với quy mô công suất 3x63MVA trong giai đoạn này sẽ lắp đặt 2x63MVA.

Vùng 3:

+ Nâng công suất TBA 110kV Ninh Sơn từ 40+63MVA lên thành 2x63MVA

+ Lắp đặt MBA T2 với dung lượng 63MVA tại TBA 110kV Bắc Ái nâng công suất TBA 110kV Bắc Ái lên thành 2x63MVA.

Giải pháp giải tỏa công suất lưới 22kV:

- Giai đoạn 2021 – 2025:

Vùng 1:

+ Xây dựng mới mạch 2 các tuyến đường dây 22kV 471, 472, 473, 474, 475 sau TBA 110kV Tháp Chàm sử dụng dây dẫn ACSR185.

+ Xây dựng mới mạch 2 các tuyến đường dây 22kV 476, 477, 478 sau TBA 110kV Tháp Chàm sử dụng dây dẫn bọc tiết diện 240mm².

+ Xây dựng mới 3 xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Mỹ Phong sử dụng dây dẫn ACSR240 truyền tải công suất các nhà ĐMT áp mái khu vực huyện Ninh Hải;

+ Xây dựng mới 4 xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Thuận Bắc sử dụng dây dẫn ACSR240 truyền tải công suất ĐMT áp mái khu vực huyện Thuận Bắc;

+ Cải tạo toàn bộ các tuyến đường dây 22kV sau TBA 110kV Ninh Hải hiện sử dụng dây dẫn ACSR185 lên thành dây dẫn ACSR240.

Vùng 2:

+ Xây dựng mạch 2 các tuyến đường dây 22kV sau TBA 110kV Ninh Phước sử dụng dây ACSR185.

+ Xây mới 4 tuyến 22kV sau TBA 110kV Thuận Nam dây dẫn ACSR240.

Vùng 3:

+ Xây dựng mạch 4 các tuyến đường dây 22kV sau TBA 110kV Bắc Ái sử dụng dây ACS240 tải công suất các dự án ĐMT áp mái khu vực huyện Ninh Phước.

- Giai đoạn 2026 – 2030:

Vùng 1:

- + Xây mới 4 tuyến 22kV sau TBA 110kV Tháp Chàm tiết diện 240mm²
- + Xây mới 4 tuyến 22kV sau TBA 110kV Ninh Hải tiết diện 240mm²
- + Xây mới 8 tuyến 22kV sau TBA 110kV Ninh Hải 2 dây dẫn ACSR 240
- + Xây mới 8 tuyến 22kV sau TBA 110kV Tháp Chàm 2 dây ACSR 240

Vùng 2:

- + Xây mới 4 tuyến 22kV sau TBA 110kV Ninh Phước dây dẫn ACSR240
- + Xây mới 4 tuyến 22kV sau TBA 110kV Ninh Thuận 1 dây ACSR240
- + Xây mới 4 tuyến 22kV sau TBA 110kV Thuận Nam dây dẫn ACSR240
- + Xây mới 8 tuyến 22kV sau TBA 110kV Thuận Nam 2 dây ACSR 240
- + Xây mới 8 tuyến 22kV sau TBA 110kV Ninh Phước 2 dây ACSR 240

Vùng 3:

- + Xây mới 4 tuyến 22kV sau TBA 110kV Ninh Sơn dây dẫn ACSR240
- + Xây mới 4 tuyến 22kV sau TBA 110kV Bắc Ái dây dẫn ACSR240.

Một số giải pháp khác:

+ Số hóa hạ tầng lưới điện phân phối: Lưới điện phân phối Ninh Thuận khi có sự tham gia của hàng trăm nhà máy điện gió, mặt trời, điện mặt trời mái nhà sẽ trở nên rất phức tạp. Vì vậy, cần thiết xây dựng CSDL dùng chung phục vụ quản lý kỹ thuật, quản lý khách hàng, quản lý lưới phân phối, giám sát và thu thập dữ liệu. Việc số hóa hạ tầng lưới điện phân phối giúp các nhà quản lý nắm bắt nhanh, chính xác tình hình lưới điện trên địa bàn phụ trách; cập nhật đầy đủ và chính xác thông tin về hiện trạng lưới điện; xác định được những thay đổi bất thường trên tuyến, trạm, đường dây, ảnh hưởng đến hệ thống lưới điện.

+ Quy hoạch phát triển trung tâm NLTT Ninh Thuận: Để có giải pháp tổng thể phù hợp để có thể giải phóng hết được lượng công suất có thể sản xuất theo kế hoạch của Ninh Thuận đến năm 2030, cần thiết lập Quy hoạch phát triển Trung tâm NLTT Ninh Thuận. Quy hoạch TTNLTT sẽ đồng bộ quá trình mở rộng/ nâng cấp cơ sở hạ tầng lưới điện truyền tải với các dự án phát điện, đồng thời tối ưu hóa lưới điện trên địa bàn tỉnh để giảm chi phí đầu tư; xác định rõ ranh giới, phạm vi của TTNLTT để quy hoạch không gian và các thông số kỹ thuật bố trí các nhà máy điện và các tuyến đường dây tải điện; là căn cứ để đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù để tận dụng lợi suất quy mô, tạo ra một vùng NLTT cạnh tranh, thu hút các nhà đầu tư, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất.

2. Giải pháp về cơ chế chính sách

2.1. Một số giải pháp cơ chế chính sách ở quy mô quốc gia

- Rà soát các quy định pháp luật liên quan đến công tác đầu tư, xây dựng, quy hoạch, quản lý đất đai, đấu thầu... từ đó đề xuất sửa đổi, bổ sung những vấn đề còn chồng chéo, chưa thống nhất giữa các Luật với nhau và giữa các văn bản hướng dẫn thi hành các Luật này. Đồng thời, kịp thời ban hành các văn bản quy phạm pháp luật chi tiết hướng dẫn các doanh nghiệp, chủ đầu tư thực hiện các dự án.

- Xem xét sửa đổi Luật điện lực để có cơ chế phù hợp khuyến khích các thành phần kinh tế tư nhân tham gia đầu tư lưới truyền tải với 2 hình thức: tư nhân đầu tư đường dây từ nhà máy điện đến điểm đầu nối và tư nhân đầu tư lưới truyền tải. Nhà đầu tư và ngành Điện sẽ thống nhất phạm vi đầu tư, quản lý vận hành theo quy định pháp luật và Nhà nước chỉ nên độc quyền về quản lý, vận hành, còn phần đầu tư cần cho phép xã hội hóa.

- Nghiên cứu triển khai xây dựng Luật NLTT để đảm bảo những nền tảng pháp lý quan trọng trong phát triển NLTT một cách bền vững tại Việt Nam, đồng thời tiếp tục tạo dựng môi trường công khai, minh bạch để phục vụ cho thị trường điện cạnh tranh.

- Sớm xây dựng hướng dẫn triển khai thực hiện các dự án điện đầu tư theo hình thức đối tác công tư để có thể thực hiện ngay sau khi Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) có hiệu lực.

- Sớm nghiên cứu, hướng dẫn cụ thể về cơ chế đầu tư và hoàn trả vốn đầu tư lưới điện truyền tải đối với các nhà đầu tư tư nhân (xã hội hóa đầu tư một số lưới truyền tải đầu nối).

- Xây dựng cơ chế phí và giá hợp lý cho hạ tầng năng lượng dùng chung để thúc đẩy xã hội hóa đầu tư các dự án điện.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích nguồn NLTT tham gia thị trường điện.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ cho các dự án có tỷ lệ nội địa hóa cao nhằm thúc đẩy nội địa hóa thiết bị, tăng cường cung ứng thiết bị từ trong nước, tạo điều kiện giảm giá thành sản xuất điện.

- Trợ giá FIT linh hoạt đối với những dự án NLTT quy mô nhỏ, cấp điện vào lưới điện hạ áp và trung áp.

- Xây dựng cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện NLTT với khách hàng sử dụng điện.

- Xây dựng các văn bản pháp quy ràng buộc trách nhiệm của các chủ đầu tư các công trình điện để đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình.

- Xây dựng cơ chế gắn trách nhiệm của các chủ đầu tư công trình điện với việc bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải trong xây dựng, vận hành và kết thúc đời sống dự án.

- Xây dựng chế tài đối với các chủ đầu tư chậm tiến độ các công trình điện.

- Hướng dẫn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thống nhất việc đăng ký, bổ sung quy hoạch sử dụng đất 5 năm và kế hoạch sử dụng đất hàng năm của các địa phương; chủ động, tích cực phối hợp chặt chẽ với các địa phương,

chủ đầu tư để kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, GPMB.

- Giải quyết kịp thời các vướng mắc liên quan chuyển đổi đất rừng để đảm bảo tiến độ thực hiện đầu tư các dự án điện. Khản trương có hướng dẫn đầy đủ, thống nhất các hồ sơ thủ tục, trình tự về chuyển đổi đất rừng để các Chủ đầu tư và các Địa phương thực hiện.

- Ban hành các tiêu chí đấu thầu cạnh tranh cho riêng từng loại công nghệ điện tái tạo.

- Rà soát, cải cách, ban hành bổ sung những hướng dẫn liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (đơn giá đền bù, xác định nguồn gốc đất, chuyển đổi mục đích sử

- Giao trách nhiệm cho các địa phương có công trình điện trên địa bàn có trách nhiệm trong giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư thực hiện dự án đúng tiến độ.

- Giải quyết những vấn đề về quyết định đầu tư, giải phóng mặt bằng công trình điện trải dài trên địa bàn nhiều tỉnh.

- Nghiên cứu, bổ sung quy định, yêu cầu kỹ thuật lưới điện nông thôn đáp ứng việc đấu nối nhà máy điện NLTT và điện mặt trời mái nhà.

- Khuyến khích, hỗ trợ các nhà đầu tư tư nhân tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông phục vụ phát triển NLTT.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các tiêu chuẩn, quy trình, quy định về đảm bảo chất lượng, tính đồng bộ về thiết bị, ghép nối, an toàn, ổn định, tin cậy của các thiết bị, công trình NLTT, kể cả điện mặt trời mái nhà.

- Hoàn thiện cơ chế dịch vụ phụ trợ trong thị trường điện để đảm bảo tính linh hoạt trong hệ thống tích hợp quy mô lớn nguồn điện gió và mặt trời: Cơ chế khuyến khích đầu tư các nguồn điện linh hoạt, khuyến khích các nhà máy điện nâng cao khả năng vận hành linh hoạt.

- Xây dựng lộ trình đào tạo nhân lực kỹ thuật phục vụ phát triển NLTT, nâng cao năng lực quản lý phát triển nguồn NLTT tại các cấp.

- Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở đào tạo tham gia đào tạo nhân lực ngành NLTT, có chính sách khuyến khích, hỗ trợ sinh viên theo học ngành NLTT.

- Khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển NLTT trong các tổ chức nghiên cứu khoa học kỹ thuật, đặc biệt các công nghệ NLTT đặc thù cho điều kiện của vùng, miền nhưng chưa được nghiên cứu sâu.

- Xem xét thống nhất các bên liên quan trong vấn đề bàn giao diện tích mặt biển cho chủ đầu tư. Bộ Công thương chủ trì kết hợp cùng các Bộ ngành liên quan khác đưa ra tiêu chí bắt buộc các dự án điện gió trên biển cần phải thực hiện để có thể triển khai được dự án trên biển.

2.2. Giải pháp cơ chế chính sách ở quy mô tỉnh Ninh Thuận

- Nghiên cứu, ban hành một số cơ chế ưu đãi đặc thù để thúc đẩy phát triển TTNLTT Ninh Thuận nói riêng và một số trung tâm NLTT tại các vùng và các địa phương có lợi thế.

Một số cơ chế kiến nghị xem xét gồm: cơ chế đầu tư và hoàn trả vốn đầu tư lưới điện truyền tải đối với các nhà đầu tư tư nhân; cơ chế để các nhà phát triển dự án nguồn điện có thể chia sẻ chi phí hạ tầng lưới điện; xem xét, nghiên cứu ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành cơ chế rút gọn quy trình thủ tục đầu tư các công trình điện trong phạm vi TTNLTT Ninh Thuận; xem xét xây dựng hướng dẫn triển khai thực hiện các dự án điện đầu tư theo hình thức đối tác công tư để có thể thực hiện ngay sau khi Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực. Nghiên cứu, ban hành các cơ chế về giảm thiểu rủi ro về đầu ra cho các nhà máy điện trong hợp đồng mua bán điện như xác định mức bao tiêu tối thiểu bắt buộc, rủi ro về đầu nối và các rủi ro khác để tạo điều kiện cho các nhà đầu tư tiếp cận được các nguồn vốn cả trong nước và ngoài nước.

- Kịp thời chấn chỉnh, nâng cao trách nhiệm trong công tác quản lý đất đai tại địa phương; thường xuyên cập nhật danh mục dự án điện và diện tích đất rừng cần chuyển đổi để đưa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Cần quy định cập nhật sử dụng các công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại đối với các dự án điện tái tạo xin bổ sung vào quy hoạch điện tái tạo và xin đầu tư trong địa bàn tỉnh.

- Cơ sở hạ tầng cần tiếp tục được nâng cấp tạo điều kiện thuận lợi trong việc vận chuyển các thiết bị siêu trường, siêu trọng.

- Cần sớm có văn bản hướng dẫn cụ thể việc thực hiện đầu tư các dự án điện mặt trời áp mái trong địa bàn tỉnh để có thể thu hút nguồn đầu tư từ các doanh nghiệp tư nhân và hộ dân cư, văn phòng...

- Tiếp tục áp dụng các ưu đãi theo quy định hiện hành cho doanh nghiệp về Thuế nhập khẩu và Thuế thu nhập doanh nghiệp. Cho phép nhà đầu tư được huy động vốn dưới các hình thức pháp luật cho phép từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Xác định và giải quyết nhanh các khu vực chong lán giữa các dự án điện gió và dự án khai thác Titan trong công tác lập quy hoạch điện gió. Nên xem xét xây dựng kế hoạch chuyển đổi đất trong các dự án khai thác titan mà không hoạt động trước khi các dự án điện tái tạo xin chủ trương đầu tư.

- Tiếp tục thực hiện kiểm tra rà soát chặt chẽ các công trình điện tái tạo đã xin chủ trương đầu tư nhưng tiến độ thực hiện triển khai dự án trong thực tế chậm hơn so với yêu cầu của tỉnh. Các dự án điện tái tạo có tiến độ thực hiện không đảm bảo thì cần thu hồi và tìm các nhà đầu tư khác thay thế.

- Sớm đưa ra hướng dẫn cụ thể về việc phát triển các các kiểu điện mặt trời áp mái được hưởng giá điện ưu đãi ở Ninh Thuận để có thể đẩy mạnh việc phát triển

điện mặt trời áp mái nhiều hơn trong thời gian tới, đặc biệt là điện mặt trời kết hợp với sản xuất nông nghiệp.

- Các ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn cần thiết đẩy mạnh hỗ trợ và tư vấn cho khách hàng. Nghiên cứu mức lãi suất phù hợp đảm bảo yếu tố hấp dẫn khách hàng, giữ chân khách hàng truyền thống, tìm kiếm thêm khách hàng mới. Mở rộng mối quan hệ với các tổ chức tín dụng, các nhân hàng thương mại, các cá nhân, các tổ chức xã hội...

- Hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Chủ động phối hợp chặt chẽ với hội đồng bồi thường, chính quyền các địa phương, tổ chức liên quan vận động, tuyên truyền, giải thích để nhân dân chấp hành chủ trương, chính sách của Nhà nước, tạo điều kiện để đơn vị thi công đúng tiến độ.

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng. Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng (đường giao thông, cấp điện, nước thi công,...). Cơ sở hạ tầng phát triển sẽ thúc đẩy việc phát triển dự án, giảm chi phí vận chuyển vật tư thiết bị, giảm chi phí đầu tư cho dự án.

- Phát triển dịch vụ và công nghiệp hỗ trợ. Hỗ trợ về tài chính, đất đai, chính sách để phát triển hệ thống doanh nghiệp dịch vụ cung cấp thiết bị thay thế, sửa chữa, vận hành và bảo dưỡng cho các công trình NLTT.

- Đào tạo, thu hút nhân lực kỹ thuật. Có chính sách phù hợp để thu hút nhân lực kỹ thuật làm việc tại tỉnh, đào tạo và liên kết đào tạo để tăng cường tính chủ động trong cung cấp nguồn nhân lực tại chỗ.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế để học hỏi trao đổi kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ, tìm kiếm các nguồn tài trợ để phát triển điện tái tạo ở địa phương.

2.3. Giải pháp tháo gỡ rào cản về sự phối hợp đồng bộ giữa các bên liên quan

Một số giải pháp tháo gỡ rào cản về sự phối hợp đồng bộ giữa các bên liên quan liên quan trong phát triển NLTT ở Ninh Thuận có thể xem xét như sau:

- Xác định và giải quyết nhanh các khu vực chồng lấn giữa các dự án điện gió và dự án khai thác Titan trong công tác lập quy hoạch điện gió. Địa phương nên xem xét xây dựng kế hoạch chuyển đổi đất trong các dự án khai thác titan mà không hoạt động trước khi các dự án điện tái tạo xin chủ trương đầu tư.

- Tiếp tục thực hiện kiểm tra rà soát chặt chẽ các công trình điện tái tạo đã xin chủ trương đầu tư nhưng tiến độ thực hiện triển khai dự án trong thực tế chậm hơn so với yêu cầu của tỉnh. Các dự án điện tái tạo có tiến độ thực hiện không đảm bảo thì cần thu hồi và tìm các nhà đầu tư khác thay thế.

- Bộ Công thương nên xem xét đề xuất giá bán điện gió và giá bán điện mặt trời ổn định trong thời gian dài, với giá bán điện tái tạo ngắn như hiện nay, rất khó để các nhà đầu tư hoàn thành dự án với chất lượng tốt, đặc biệt trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 vẫn đang khiến quá trình mua bán, vận chuyển các thiết bị chính trong nhà máy điện tái tạo chậm trễ.

- Nghiên cứu cho phép doanh nghiệp thực hiện đầu tư đường dây truyền tải để tự giải tỏa công suất nhà máy điện tái tạo khi mà các đường dây truyền tải hiện hữu đã bị quá tải theo hình thức doanh nghiệp đầu tư xây dựng và bàn giao lại công trình cho Tập đoàn điện lực Việt Nam quản lý vận hành.

- Xem xét thống nhất các bên liên quan trong vấn đề bàn giao diện tích mặt biển cho chủ đầu tư. Bộ Công thương chủ trì kết hợp cùng các Bộ ngành liên quan khác đưa ra tiêu chí bắt buộc các dự án điện gió trên biển cần phải thực hiện để có thể triển khai được dự án trên biển.

- Sở Công thương sớm đưa ra hướng dẫn cụ thể về việc phát triển các các kiểu điện mặt trời áp mái được hưởng giá điện ưu đãi ở Ninh Thuận để có thể đẩy mạnh việc phát triển điện mặt trời áp mái nhiều hơn trong thời gian tới, đặc biệt là điện mặt trời kết hợp với sản xuất nông nghiệp.

- Hỗ trợ huy động vốn. Các ngân hàng, tổ chức tín dụng cần thiết đẩy mạnh hỗ trợ và tư vấn cho khách hàng về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tài chính - tiền tệ - ngân hàng, quan trọng hơn là giúp khách hàng có được danh mục đầu tư, lựa chọn các loại hình dịch vụ mà ngân hàng cung cấp, qua đó giúp cho ngân hàng củng cố thêm mối quan hệ giữa ngân hàng và khách hàng. Nghiên cứu mức lãi suất phù hợp đảm bảo yếu tố hấp dẫn khách hàng, giữ chân khách hàng truyền thống, tìm kiếm thêm khách hàng mới. Mở rộng mối quan hệ với các tổ chức tín dụng, các nhân hàng thương mại, các cá nhân, các tổ chức xã hội...

- Hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Chủ động phối hợp chặt chẽ với hội đồng bồi thường, chính quyền các địa phương, tổ chức liên quan vận động, tuyên truyền, giải thích để nhân dân chấp hành chủ trương, chính sách của Nhà nước, tạo điều kiện để đơn vị thi công đúng tiến độ. Thực tế đã chứng minh, các cấp đảng ủy và chính quyền huyện, xã tích cực vào cuộc, phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư thì nhân dân trong vùng dự án đồng thuận rất cao, là nhân tố quan trọng nhất để giải quyết những khó khăn, phức tạp trong công tác đền bù GPMB.

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng. Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng (đường giao thông, cấp điện, nước thi công,...). Cơ sở hạ tầng phát triển sẽ thúc đẩy việc phát triển dự án, giảm chi phí vận chuyển vật tư thiết bị, giảm chi phí đầu tư cho dự án.

- Phát triển dịch vụ và công nghiệp hỗ trợ. Hỗ trợ về tài chính, đất đai, chính sách để phát triển hệ thống doanh nghiệp dịch vụ cung cấp thiết bị thay thế, sửa chữa, vận hành và bảo dưỡng cho các công trình NLTT.

- Đào tạo, thu hút nhân lực kỹ thuật. Có chính sách phù hợp để thu hút nhân lực kỹ thuật làm việc tại tỉnh, đào tạo và liên kết đào tạo để tăng cường tính chủ động trong cung cấp nguồn nhân lực tại chỗ.

3. Giải pháp phát triển các nguồn lực

3.1. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Thu hút nguồn nhân lực:

+ Đẩy mạnh công tác quảng bá, tuyên truyền chính sách thu hút nguồn nhân lực: Đa dạng hóa các kênh tuyên truyền, quảng bá đến các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, tổ chức các buổi giới thiệu cơ hội nghề nghiệp, khai thác hình thức quảng bá bằng các phương tiện truyền thông, gửi thư mời dự tuyển hoặc hợp tác đến những đối tượng tiềm năng, trực tiếp gặp gỡ, vận động những chuyên gia có uy tín về làm việc.

+ Nghiên cứu biện pháp tăng cường đãi ngộ cho người lao động: Nghiên cứu áp dụng việc trả lương, phân phối thu nhập theo năng lực và kết quả công tác, có chính sách phụ cấp phù hợp. Nghiên cứu đề xuất cơ chế thích hợp trong bố trí và sử dụng nguồn nhân lực trẻ, được đào tạo cơ bản, tạo điều kiện cho người lao động trẻ làm việc phù hợp với năng lực và nguyện vọng, có cơ hội được thăng tiến, đào tạo nâng cao trình độ. Chế độ khen thưởng kịp thời, đúng lúc, đúng đối tượng.

+ Xây dựng môi trường làm việc thân thiện: Mức thu nhập cao là yếu tố quan trọng nhưng môi trường làm việc vui vẻ, đồng nghiệp thân thiện, công ty năng động, sáng tạo, cơ hội huấn luyện đào tạo tốt cũng là những yếu tố quan trọng trong thu hút người lao động. Vì thế, có thể nói khi mức lương vẫn còn là điểm bất lợi chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả thì việc xây dựng văn hóa nơi làm việc chính là một biện pháp dễ thực hiện hơn.

+ Khai thác các hình thức hợp đồng tư vấn, chuyên gia: Ngoài việc thu hút nhân lực trình độ cao làm việc dài hạn, cần thiết khuyến khích các hình thức hợp đồng tư vấn, làm việc ngắn hạn với các chuyên gia, nhà khoa học ở trong và ngoài nước, nhất là những nhà khoa học đang sinh sống và làm việc trên địa bàn tỉnh. Đây là hình thức khai thác khá tốt năng lực, trí tuệ của nguồn nhân lực trình độ cao có uy tín mà không phải bận tâm về vấn đề thu nhập, lương bổng.

- Đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ: Quan tâm phát triển lĩnh vực khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, cụ thể là thành lập các Viện/Trung tâm nghiên cứu chuyên ngành, xúc tiến triển khai nhanh dự án khu công nghệ cao, khu công nghiệp phụ trợ,... Tăng cường các nguồn lực cho giáo dục đào tạo nhân lực phục vụ phát triển TTNLTT thông qua nhiều hình thức tích cực khác nhau như xây dựng đội ngũ giáo viên, tạo động lực cho người dạy, người học; có chính sách sử dụng và đãi ngộ đúng giá trị nguồn nhân lực được đào tạo; tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục - đào tạo và tăng cường cơ sở vật chất các trường học, đổi mới công tác quản lý giáo dục; có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích sinh viên theo học ngành NLTT.

- Liên kết đào tạo nguồn nhân lực: Giải pháp cần thiết khác để phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực NLTT tại Ninh Thuận trong thời gian tới là liên kết đào tạo quốc tế và liên kết đào tạo trong nước. Hiện nay, Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận và cơ quan hợp tác phát triển Đức đã ký kết biên bản ghi nhớ về

chương trình “Đổi mới đào tạo nghề Việt Nam”. Bản ghi nhớ thể hiện mục tiêu của các bên trong việc thiết lập cơ sở hạ tầng và xây dựng năng lực để Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận trở thành cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao về NLTT. Mặt khác, cần thiết tổ chức liên kết đào tạo với các trường Đại học, Viện nghiên cứu, doanh nghiệp trong lĩnh vực NLTT tại Việt Nam.

3.2. Giải pháp huy động nguồn lực tài chính

a. Giải pháp về cơ chế chính sách

+ Nghị Quyết 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 về Chiến lược PTBV kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 nêu rõ chủ trương phát triển NLTT và các ngành kinh tế biển mới: Thúc đẩy đầu tư xây dựng, khai thác điện gió, điện mặt trời và các dạng NLTT khác. Phát triển ngành chế tạo thiết bị phục vụ ngành công nghiệp NLTT, tiến tới làm chủ một số công nghệ, thiết kế, chế tạo và sản xuất thiết bị; ưu tiên đầu tư phát triển NLTT trên các đảo phục vụ sản xuất, sinh hoạt, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Quan tâm phát triển một số ngành kinh tế dựa vào khai thác tài nguyên đa dạng sinh học biển như dược liệu biển, nuôi trồng và chế biến rong, tảo, cỏ biển...

+ Nghị Quyết 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 về Định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đây là nghị quyết đã tạo động lực và niềm tin cho các nhà đầu tư tham gia phát triển năng lượng. Cụ thể:

Về định hướng phát triển NLTT: Xây dựng các cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích và thúc đẩy phát triển mạnh mẽ các nguồn NLTT nhằm thay thế tối đa các nguồn năng lượng hoá thạch. Ưu tiên sử dụng năng lượng gió và mặt trời cho phát điện; khuyến khích đầu tư xây dựng các nhà máy điện sử dụng rác thải đô thị, sinh khối và chất thải rắn đi đôi với công tác bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế tuần hoàn. Hình thành và phát triển một số trung tâm NLTT tại các vùng và các địa phương có lợi thế. Sớm nghiên cứu, đánh giá tổng thể về tiềm năng và xây dựng định hướng phát triển năng lượng địa nhiệt, sóng biển, thủy triều, hải lưu; triển khai một số mô hình ứng dụng, tiến hành khai thác thử nghiệm để đánh giá hiệu quả. Thực hiện nghiên cứu công nghệ, xây dựng một số đề án thử nghiệm sản xuất và khuyến khích sử dụng năng lượng hydro phù hợp với xu thế chung của thế giới. Đối với điện gió và điện mặt trời: Ưu tiên phát triển phù hợp với khả năng bảo đảm an toàn hệ thống với giá thành điện năng hợp lý. Khuyến khích phát triển điện mặt trời áp mái và trên mặt nước. Xây dựng các chính sách hỗ trợ và cơ chế đột phá cho phát triển điện gió ngoài khơi gắn với triển khai thực hiện Chiến lược biển Việt Nam.

Về khuyến khích các nguồn lực tham gia phát triển NLTT: Tạo lập môi trường thuận lợi, minh bạch; công khai quy hoạch, danh mục các dự án đầu tư, xoá bỏ mọi rào cản để thu hút, khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, phát triển các dự

án năng lượng trong và ngoài nước, chú trọng những dự án phát điện và các hoạt động bán buôn, bán lẻ điện theo cơ chế thị trường. Tiếp tục khuyến khích, thu hút đầu tư nước ngoài có quy mô, chất lượng và hiệu quả cho ngành năng lượng. Đẩy nhanh cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước thuộc ngành điện; xây dựng cơ chế đầu tư thông thoáng, cải cách thủ tục hành chính để bảo đảm tiến độ các công trình điện.

Về cơ chế chính sách khuyến khích NLTT: Rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện các chính sách về đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, sử dụng mặt nước, chống đầu cơ, trục lợi, lợi ích nhóm trong lĩnh vực năng lượng. Đổi mới chính sách tài chính theo hướng khuyến khích, thu hút mạnh các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước; khuyến khích các dự án đầu tư năng lượng theo hình thức đối tác công tư (PPP). Thực hiện chính sách tín dụng linh hoạt, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp năng lượng tiếp cận các nguồn vốn, đặc biệt là các doanh nghiệp có dự án năng lượng xanh. Hoàn thiện chính sách thuế khuyến khích sản xuất, sử dụng năng lượng sạch, tái tạo. Xây dựng cơ sở pháp lý để có thể hình thành và vận hành hiệu quả các quỹ về phát triển năng lượng bền vững, thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo hướng xã hội hoá, bảo đảm độc lập về tài chính, không trùng lặp với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước và hạn chế việc làm tăng chi phí hoạt động, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện cơ chế và thực hiện chính sách về tiêu chuẩn tỉ lệ NLTT trong cơ cấu đầu tư và cung cấp năng lượng.

+ Nghị Quyết 26/NQ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược PTBV kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 định hướng về NLTT và các ngành kinh tế biển mới: Ưu tiên đầu tư phát triển NLTT trên các đảo phục vụ sản xuất, sinh hoạt, bảo đảm quốc phòng, an ninh; Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các cá nhân, tổ chức kinh tế trong và ngoài nước phối hợp đầu tư khai thác nguồn năng lượng biển mới và tái tạo trên cơ sở đôi bên cùng có lợi; Thúc đẩy đầu tư xây dựng, khai thác điện gió, điện mặt trời và các dạng NLTT khác trên các vùng biển và hải đảo.

Cơ chế hỗ trợ phát triển điện gió của Chính phủ:

Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về Cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam và Quyết định 39/2018/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2018 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về Cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam đã quy định cụ thể về chính sách khuyến khích thu hút các nhà đầu tư:

Bên mua điện có trách nhiệm mua toàn bộ điện năng được sản xuất từ các nhà máy điện gió nổi lưới thuộc địa bàn do mình quản lý; Nhà đầu tư được huy động vốn dưới các hình thức pháp luật cho phép từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư thực hiện các dự án điện gió;

Các dự án điện gió được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành về tín dụng đầu tư của Nhà nước; dự án điện gió được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án, hàng hóa nhập khẩu là nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để phục vụ sản xuất của dự án theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu và các quy định của pháp luật hiện hành về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; việc miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án điện gió được thực hiện như đối với dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư quy định tại Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Ưu đãi về hạ tầng đất đai: Các dự án điện gió và công trình đường dây và trạm biến áp để đấu nối với lưới điện quốc gia được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật hiện hành áp dụng đối với dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.

Hỗ trợ giá điện đối với dự án điện gió nổi lưới: Đối với các dự án điện gió trong đất liền: Giá mua điện tại điểm giao nhận điện là 1.928 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, tương đương 8,5 UScents/kWh. Đối với các dự án điện gió trên biển: Giá mua điện tại điểm giao nhận điện là 2.223 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, tương đương 9,8 UScent/kWh.

Ưu đãi, hỗ trợ đối với các dự án điện gió không nổi lưới: Dự án điện gió không nổi lưới được hưởng ưu đãi, hỗ trợ về vốn đầu tư, thuế, phí, hạ tầng đất đai như với điện gió nổi lưới.

Cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời của Chính phủ:

Quyết định 11/2017/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2017 về Cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam và Quyết định 13/2020/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2020 Về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam quy định chi tiết cơ chế chính sách thu hút nhà đầu tư:

Trách nhiệm mua điện từ các dự án điện mặt trời: Bên mua điện có trách nhiệm mua toàn bộ điện năng được sản xuất từ các dự án điện mặt trời; ưu tiên khai thác toàn bộ công suất, điện năng phát của các dự án điện mặt trời đưa vào vận hành thương mại.

Ưu đãi về vốn đầu tư và thuế:

Huy động vốn đầu tư: Tổ chức, cá nhân tham gia phát triển các dự án điện mặt trời được huy động vốn hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư thực hiện các dự án điện mặt trời theo quy định của pháp luật hiện hành.

Dự án điện mặt trời được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định cho dự án; thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ sản xuất của dự án là nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được. Việc miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án điện mặt trời được thực hiện như đối với dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế.

Ưu đãi về đất đai: Các dự án điện mặt trời, công trình đường dây và trạm biến áp để đấu nối với lưới điện được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước theo quy định của pháp luật hiện hành áp dụng cho dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

Giá điện của các dự án điện mặt trời: Đối với tỉnh Ninh Thuận, giá mua điện từ các dự án điện mặt trời nối lưới đã có trong quy hoạch phát triển điện lực các cấp và có ngày vận hành thương mại trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 với tổng công suất tích lũy không quá 2.000 MW là 2.086 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, tương đương với 9,35 UScents/kWh, theo tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ngày 10 tháng 4 năm 2017 là 22.316 đồng/USD), được áp dụng 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại.

Đối với dự án trên mái nhà: Các dự án trên mái nhà được thực hiện cơ chế bù trừ điện năng (net-metering) sử dụng hệ thống công tơ hai chiều. Trong một chu kỳ thanh toán, lượng điện phát ra từ các dự án trên mái nhà lớn hơn lượng điện tiêu thụ sẽ được chuyển sang chu kỳ thanh toán kế tiếp.

Huy động nguồn lực tài chính thông qua phương thức hợp đồng đối tác công tư:

Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư 64/2020/QH14 ngày ngày 18 tháng 6 năm 2020 do Quốc hội ban hành cũng mở ra một hướng mới thu hút nhà đầu tư. Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (gọi tắt là PPP) là hình thức đầu tư được thực hiện trên cơ sở hợp đồng dự án giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án để xây dựng, cải tạo, vận hành, kinh doanh, quản lý công trình hạ tầng, cung cấp dịch vụ công, bao gồm các loại hợp đồng sau đây:

- Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Build - Operate - Transfer, sau đây gọi là hợp đồng BOT);
- Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh (Build - Transfer - Operate, sau đây gọi là hợp đồng BTO);
- Hợp đồng Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh (Build - Own - Operate, sau đây gọi là hợp đồng BOO);

- Hợp đồng Kinh doanh - Quản lý (Operate - Manage, sau đây gọi là hợp đồng O&M);
- Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Thuê dịch vụ (Build - Transfer - Lease, sau đây gọi là hợp đồng BTL);
- Hợp đồng Xây dựng - Thuê dịch vụ - Chuyển giao (Build - Lease - Transfer, sau đây gọi là hợp đồng BLT);
- Hợp đồng hỗn hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 45 của Luật này.

Đề thu hút nguồn vốn vào phát triển NLTT thông qua PPP, trong thời gian tới, cần quan tâm xem xét một số nội dung sau:

- Hoàn thiện khuôn khổ cơ sở pháp lý. Cần rà soát lại các văn bản pháp lý hiện hành và đề xuất những điều chỉnh cần thiết hoặc xây dựng một bộ văn bản pháp quy riêng và mới cho PPP (trong đó có điều chỉnh những văn bản pháp quy hiện hành) nhằm tháo gỡ những vướng mắc, tồn tại, tạo tạo điều kiện huy động vốn đầu tư từ khu vực tư nhân, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài.

- Công bố thông tin rộng rãi về các dự án, lựa chọn nhà đầu tư, ký kết hợp đồng. Tạo lập cơ chế chia sẻ rủi ro của Chính phủ đối với nhà đầu tư đảm bảo đảm bảo thu hút được nhà đầu tư tham gia dự án.

- Hoàn thiện cơ chế tài chính cho PPP. Theo đó, về phía vốn nhà nước, có thể nghiên cứu bố trí nguồn vốn ngân sách tập trung ở Trung ương dành riêng cho các dự án PPP được lựa chọn theo từng thời kỳ, phù hợp với kế hoạch đầu tư công và kế hoạch tài chính trung và dài hạn. Về phía tư nhân, các nhà đầu tư cần được cho phép có nhiều lựa chọn khác nhau để huy động vốn đầu tư bên cạnh vay vốn ngân hàng, như tiếp cận vay vốn ODA và các nguồn vốn ưu đãi khác.

Cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp:

Hệ thống cơ chế chính sách của Chính phủ, Ngân hàng nhà nước đã và đang tập trung hỗ trợ rất tốt cho các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nghị định 39/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định 34/2018/NĐ-CP về Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định 38/2018/NĐ-CP về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; Nghị quyết số 35/NQ-CP Ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; Hệ thống cơ chế chính sách của Ngân hàng nhà nước về tiền tệ, tín dụng và lãi suất. Trong đó doanh nghiệp nhỏ và vừa là nhóm đối tượng ưu tiên trong tập trung vốn để sản xuất kinh doanh, hỗ trợ lãi suất vay (áp dụng trần lãi suất cho vay ngắn hạn bằng tiền đồng).

Các cơ chế, chính sách đặc thù của Chính phủ và tỉnh Ninh Thuận:

Chủ trương khuyến khích, hỗ trợ mọi nguồn lực đầu tư phát triển NLTT tại Ninh Thuận cũng đã được Chính phủ và tỉnh Ninh Thuận ban hành thông qua các Nghị quyết, Quyết định:

Nghị quyết 115-NQ/CP ngày 31/8/2018 về việc Thực hiện một số cơ chế chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018-2023.

Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 15/11/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ “về việc thực hiện một số cơ chế chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018-2023”.

Quyết định 501/QĐ-TTg ngày 10/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ v/v Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến 2050.

Quyết định 897/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 26/NQ-CP ngày 5/3/2020 của Chính phủ.

Quyết định 897/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 26/NQ-CP ngày 5/3/2020 của Chính phủ.

Theo đó, Ninh Thuận được hưởng chính sách giá điện theo Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ đến hết năm 2020 đối với các dự án điện năng lượng mặt trời và hạ tầng đầu nối công suất thiết kế 2.000MW đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận triển khai. Áp dụng tỷ lệ cho vay lại với mức 10% đối với một số dự án đầu tư mới sử dụng vốn ODA quan trọng, cấp bách của tỉnh thuộc các chương trình, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, phúc lợi xã hội hoặc các lĩnh vực khác không có khả năng thu hồi vốn.

Tỉnh đã chủ động rà soát, xác lập danh mục các dự án điện mặt trời đảm bảo điều kiện, yêu cầu và đề xuất phương án xây dựng hạ tầng đầu nối đáp ứng nhu cầu giải tỏa công suất thiết kế 2.000MW đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận triển khai, để được thụ hưởng chính sách giá điện theo Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ đến hết năm 2020. Đã chỉ đạo các đơn vị liên quan tham mưu đề xuất áp dụng tỷ lệ cho vay lại với mức 10% đối với các dự án ODA quan trọng, cấp bách đang hoàn tất thủ tục để triển khai thực hiện trong giai đoạn 2018 - 2023 thuộc các chương trình, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, phúc lợi xã hội hoặc các lĩnh vực khác không có khả năng thu hồi vốn theo chủ trương của Chính phủ.

Nhằm thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực NLTT, tỉnh Ninh Thuận đã chủ trương vận dụng tối đa mức hỗ trợ cao nhất theo khung quy định của Chính phủ cho các nhà đầu tư được hưởng các ưu đãi về giảm giá thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, đầu tư cơ sở hạ tầng. Theo đó, các dự án đầu tư NLTT vào tỉnh sẽ được miễn tiền thuê đất, được áp dụng thuế suất thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt quá trình thực hiện dự án và được miễn thuế thu nhập

doanh nghiệp 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Đồng thời, dự án được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp.

Như vậy, huy động nguồn lực tài chính để phát triển NLTT đã trở thành chủ trương, chính sách cụ thể, đồng bộ từ trung ương đến địa phương nhằm khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi để mọi thành phần kinh tế có thể tham gia. Đặc biệt, trong thời gian gần đây, từ khi có Nghị quyết 55 của Bộ Chính trị về Định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, hàng loạt chính sách, giải pháp hỗ trợ nhà đầu tư như ưu đãi về đất đai, thuế, phí, giá điện đã được Chính phủ ban hành để thúc đẩy phát triển NLTT. Về phía Ninh Thuận, tỉnh đã vận dụng tối đa mức hỗ trợ cao nhất theo khung quy định của Chính phủ cho các nhà đầu tư được hưởng các ưu đãi về giảm giá thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, đầu tư cơ sở hạ tầng. Các dự án đầu tư NLTT vào tỉnh sẽ được miễn tiền thuê đất, được áp dụng thuế suất thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt quá trình thực hiện dự án và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Đồng thời, dự án được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp.

b. Nâng cao khả năng thu xếp vốn của nhà đầu tư

+ Tăng cường đầu tư và ứng dụng khoa học công nghệ trong việc lập sổ sách kế toán, khai thuế và hải quan điện tử, giao dịch ngân hàng qua internet nhằm giảm chi phí giao dịch, kết nối và chia sẻ thông tin tài chính với các tổ chức tín dụng để dần minh bạch hóa thông tin tài chính, tạo lòng tin trên thị trường.

+ Nâng cao chất lượng, trình độ quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro và quản lý tài chính.

+ Tích cực tham gia các hiệp hội doanh nghiệp để tiếp cận thông tin về các chính sách, chương trình hỗ trợ đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ của Chính phủ, Nhà nước cũng như các tổ chức tín dụng.

c. Sự hỗ trợ từ phía ngân hàng

- Cải tiến mô hình giao dịch, lấy khách hàng làm trung tâm. Nâng cao khả năng thẩm định để rút ngắn thời gian giải quyết cho vay, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng.

- Thực hiện công khai trên trang tin điện tử của đơn vị về thủ tục cho vay và các thủ tục khác, cập nhật kịp thời thông tin hoạt động, ngừng giao dịch, nâng cấp hệ thống. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế nội bộ về chăm sóc khách hàng để có thể xử lý kịp thời, thỏa đáng các phản ánh, khiếu nại của khách hàng.

- Thực hiện tốt Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp theo Nghị quyết số 35/NQ-CP Ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp.

- Tăng cường tìm kiếm và tiếp cận các nguồn vốn giá rẻ từ các chương trình, dự án ưu đãi của các tổ chức trong và ngoài nước để tài trợ cho các lĩnh vực kinh doanh đặc thù của các doanh nghiệp nhỏ.

- Đối với tỉnh Ninh Thuận: Tiếp tục vận dụng tối đa mức hỗ trợ cao nhất theo khung quy định của Chính phủ cho các nhà đầu tư được hưởng các ưu đãi về giảm giá thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, đầu tư cơ sở hạ tầng.

3.3. Giải pháp phát triển dịch vụ phụ trợ

Trong phạm vi các dịch vụ phụ trợ cho phát triển TTNLTT Ninh Thuận, các nhóm dịch vụ liên quan, hỗ trợ trực tiếp và gián tiếp đến các hoạt động của trung tâm này có thể kể đến là: Dịch vụ chuyên môn, khoa học công nghệ; dịch vụ tài chính; các dịch vụ liên quan khác như dịch vụ quản lý, hành chính, hỗ trợ văn phòng, y tế, vận tải hàng hóa máy móc, bốc xếp hàng hóa, kho bãi, lưu trữ, ăn uống, thông tin, truyền thông...

- Cải cách thủ tục hành chính: Cải cách thủ tục hành chính nhằm hỗ trợ, thu hút các nhà đầu tư tham gia phát triển kinh tế đã được UBND tỉnh đặt ra từ khá sớm. Một số cải cách thủ tục hành chính trong đăng lý thành lập và hoạt động các tổ chức dịch vụ liên quan đến phát triển TTNLTT có thể kể đến là công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và đầu tư; quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, tổ chức khoa học và công nghệ công lập, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận; công bố Danh mục thủ tục hành chính thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ; phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Khuyến khích thành lập mới doanh nghiệp dịch vụ phụ trợ: Các doanh nghiệp dịch vụ chuyên môn, khoa học công nghệ, dịch vụ tài chính và logistics là những doanh nghiệp cung cấp những dịch vụ thiết yếu, góp phần quan trọng vào sự phát triển của TTNLTT Ninh Thuận. Ngoài ra, các dịch vụ quản lý, hành chính, hỗ trợ văn phòng, y tế, lưu trữ, ăn uống, thông tin, truyền thông... cũng là các dịch vụ cần thiết cần kể đến. Để khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia chuỗi các dịch vụ phụ trợ này, cần thiết có những giải pháp cụ thể về tuyên truyền, hướng dẫn những quy định pháp luật liên quan về điều kiện thành lập doanh nghiệp, cải tiến thủ tục hành chính trong cấp phép và quản lý doanh nghiệp dịch vụ.

- Hỗ trợ cá nhân và doanh nghiệp có nguyện vọng trong việc đáp ứng các điều kiện đăng ký thành lập doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp trong lĩnh vực tư vấn đầu tư xây dựng công trình theo Nghị định 42/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. Trong đó có các điều kiện tiên quyết để thành lập doanh nghiệp tư vấn đầu tư xây

dựng; chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng; chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng; chứng chỉ hành nghề quản lý dự án; chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng; chứng chỉ năng lực của tổ chức giám sát thi công xây dựng; chứng chỉ năng lực của tổ chức kiểm định xây dựng. Giải pháp có thể là liên kết, hợp tác với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về cấp chứng chỉ năng lực, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng mở các lớp đào tạo tại địa phương.

- Hỗ trợ doanh nghiệp dịch vụ phục vụ đổi mới và nâng cao chất lượng dịch vụ, thúc đẩy, kích cầu thị trường. Xây dựng lộ trình đổi mới chất lượng dịch vụ, hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới và nâng cao chất lượng dịch vụ, gắn chất lượng dịch vụ với nhu cầu thực tế.

- Tổ chức đào tạo về quản lý doanh nghiệp, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ quản lý doanh nghiệp.

- Tổ chức đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ trong các tổ chức dịch vụ tư vấn khoa học công nghệ, hỗ trợ đào tạo và đăng ký cấp chứng chỉ năng lực, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

- Tăng cường thu hút các lực lượng tham gia nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Khuyến khích các sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã và các nhà đầu tư các công trình năng lượng triển địa bàn tỉnh tham gia đặt hàng và trực tiếp triển khai thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và giải quyết các vấn đề liên quan đến phát triển năng lực thuộc ngành, lĩnh vực và địa bàn mình quản lý.

3.4. Giải pháp phát triển công nghiệp hỗ trợ

- Hoàn thiện thể chế chính sách: Xây dựng, hoàn thiện và triển khai hiệu quả, đồng bộ các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển (được Nhà nước ưu đãi và hỗ trợ theo quy định tại Luật Đầu tư) đảm bảo điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp hỗ trợ, đồng thời xây dựng và triển khai các chính sách hiệu quả cho các ngành công nghiệp vật liệu và phát triển thị trường cho các ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh, tạo nền tảng cơ bản cho công nghiệp hóa theo hướng hiện đại và bền vững.

- Huy động hiệu quả các nguồn lực phát triển công nghiệp hỗ trợ:

+ Nguồn lực về nhân lực: Khuyến khích các đối tác đầu tư nước ngoài phối hợp chặt chẽ trong công tác đào tạo nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp hỗ trợ. Tăng liên kết giữa cơ sở đào tạo và cơ sở sản xuất, thu hút các chuyên gia nước ngoài tham gia đào tạo các ngành nghề như điện tử tin học, tự động hoá, cơ khí chính xác, các công nghệ hỗ trợ, sản xuất vật liệu mới. Đào tạo đội ngũ các nhà quản lý doanh nghiệp, các chuyên gia bậc cao, những chuyên viên kỹ thuật giỏi...

+ Nguồn lực từ đất đai: Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật đất đai, nâng cao chất lượng, tiến độ xây dựng, tính khả thi của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bảo đảm công khai, minh bạch trong giao đất, cho thuê đất, chuyển mục

đích sử dụng đất, xác định giá đất, bồi thường hỗ trợ và tái định cư, tăng cường đầu tư quyền sử dụng đất; khắc phục tình trạng không thống nhất giữa các quy định của pháp luật về đất đai và các pháp luật khác có liên quan. Cũng như các ngành công nghiệp khác, ngành công nghiệp hỗ trợ rất cần mặt bằng để phát triển, vì thế nên dành quỹ đất hợp lý cho các khu công nghiệp hỗ trợ, trong đó có đầy đủ các dịch vụ hỗ trợ như nơi trưng bày, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ kiểm định chất lượng, dịch vụ tài chính...

+ Nguồn lực về khoa học công nghệ: Xem xét thành lập “Trung tâm hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa”. Trung tâm này sẽ có chức năng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp như dịch vụ tư vấn về đổi mới công nghệ, cải tiến trang thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng cơ sở dữ liệu về chuyên gia tư vấn kỹ thuật, công nghệ, đáp ứng ứng dụng và hợp tác nghiên cứu ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, giúp các doanh nghiệp tiếp cận công nghệ mới...

+ Nguồn lực về tài chính: Xem xét thành lập một tổ chức tín dụng chuyên đảm bảo vốn cho doanh nghiệp phụ trợ và có cam kết rõ ràng trong việc hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp này khi có nhu cầu tiến hành hoạt động đổi mới kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ mới. Cần có ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc miễn, giảm thuế nhập khẩu trang thiết bị, máy móc cho các doanh nghiệp hỗ trợ trợ.

+ Nguồn lực đầu tư nước ngoài: Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài vào phát triển công nghiệp hỗ trợ. Thu hút đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và đặc biệt chú trọng thu hút các quy trình sản xuất với công nghệ tiên tiến để từng bước tiếp cận và làm chủ công nghệ, nâng cao khả năng xuất khẩu của công nghiệp hỗ trợ, đồng thời nâng cao tỷ lệ nội địa hóa.

- Giải pháp về tài chính tín dụng: Tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi về lãi suất đối với doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển khi vay vốn ngắn hạn tại tổ chức tín dụng. Hướng dẫn các địa phương xây dựng chương trình cho vay ưu đãi các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển phù hợp quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

- Phát triển chuỗi giá trị trong nước: Các doanh nghiệp Việt Nam trong ngành công nghiệp hỗ trợ cần mở rộng liên doanh, liên kết, nhanh chóng tiếp thu và làm chủ các công nghệ tiên tiến, đặc biệt là các mô hình tổ chức sản xuất hiện đại. Mô hình tổ chức sản xuất tập trung vào phát triển sản xuất theo chiều ngang - phát huy năng lực công nghệ, sản xuất linh phụ kiện có những thuộc tính kỹ thuật gần nhau cho nhiều ngành công nghiệp chế tác; chuyên môn hóa theo chiều dọc - nhằm nâng cao cả giá trị và giá trị tăng thêm trong các sản phẩm; mở rộng hình thức nhận thầu phụ - thông qua việc liên kết với nhà cung cấp nước ngoài để vừa tiêu thụ được sản

phẩm vừa học hỏi về công nghệ và các kỹ năng khác, từ đó vươn lên cung cấp trực tiếp linh phụ kiện cho các nhà lắp ráp nước ngoài.

- Phát triển và bảo vệ thị trường: Đẩy mạnh việc tiếp xúc, trao đổi, hỗ trợ các nhà đầu tư mới trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ nói riêng và ngành công nghiệp nói chung. Đồng thời, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn ngành và tiêu chuẩn cơ sở làm căn cứ cho việc định hướng phát triển công nghiệp hỗ trợ quốc gia.

- Nâng cao năng lực doanh nghiệp hỗ trợ: Xây dựng và vận hành hiệu quả các Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng và địa phương từ vốn đầu tư trung hạn của Trung ương và địa phương trên cơ sở nhu cầu, mục tiêu phát triển và nguồn lực sẵn có nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển đổi mới sáng tạo, nghiên cứu phát triển (R&D), chuyển giao công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh, tạo cơ hội tham gia sâu vào chuỗi sản xuất toàn cầu. Hình thành các cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi về tài chính, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất nhằm nâng cao năng lực của các trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng. Các trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng có vai trò kết nối các trung tâm tại địa phương, hình thành hệ sinh thái chung về công nghệ và sản xuất công nghiệp.

- Thông tin truyền thông, thống kê và cơ sở dữ liệu:

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thống kê, cơ sở dữ liệu công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng về công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển nhằm thu hút sự quan tâm, thay đổi, và nâng cao nhận thức, trách nhiệm thực hiện của lãnh đạo các cấp, các ngành, các địa phương và toàn xã hội về phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp hỗ trợ.

Liên quan đến phát triển TTNLTT Ninh Thuận, một số giải pháp cụ thể cần kể đến là:

- Hỗ trợ lãi vay để đầu tư nhà xưởng, công nghệ sản xuất đối với các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ cung cấp vật tư, thiết bị cho xây dựng, vận hành và bảo dưỡng điện gió và mặt trời.

- Thúc đẩy chương trình kết nối cung cầu sản phẩm giữa các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ năng lượng với doanh nghiệp, công ty FDI, nhà đầu tư nước ngoài... trong liên kết sản phẩm, hỗ trợ nhân lực khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn.

- Tăng cường vai trò của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Thuận hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn, công nghệ mới, đổi mới dây chuyền công nghệ, thay thế công nghệ lạc hậu bằng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, tăng cường công nghệ mới tiết kiệm năng lượng, sản xuất sạch hơn. Tư vấn hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ

thông tin về đầu tư, mở rộng sản xuất ngành nghề phù hợp quy hoạch, chiến lược phát triển của địa phương. Hỗ trợ cho các doanh nghiệp rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thành lập mới, cải thiện môi trường đầu tư, đăng ký kinh doanh, tiếp cận vốn, đất đai, thủ tục cấp phép xây dựng, thuế để tiết kiệm thời gian, chi phí. Giúp doanh nghiệp hoàn thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm thông qua các chương trình xúc tiến thương mại, ký kết và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước.

4. Các giải pháp khác

4.1. Giải pháp bảo vệ môi trường

Các giải pháp giảm tác động môi trường tập trung vào các vấn đề kiểm soát ô nhiễm môi trường trong quá trình thiết kế, thi công, vận hành bảo dưỡng, xử lý chất thải của nhà máy điện gió và mặt trời. Một số vấn đề môi trường khác như ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường sinh thái, tiếng ồn, phát thải rác thải nguy hại, ...

- Cần thiết thành lập Quỹ bảo vệ môi trường đối với điện gió và mặt trời ở quy mô quốc gia. Nguồn quỹ này được đóng góp từ việc áp đặt chi phí tái chế vào giá thành sản phẩm để đảm bảo rằng mọi sản phẩm bán ra đều được xử lý, tái chế theo đúng quy định. Quỹ tái chế sẽ có trách nhiệm xử lý các tấm pin hết hạn sử dụng một cách an toàn.

- Ban hành quy định và chế tài để hoạt động lưu trữ, tái chế các tấm pin mặt trời được thực hiện nghiêm túc và có trách nhiệm, để chúng không bị chôn vùi trong các bãi rác.

- Có giải pháp phù hợp giảm thiểu tác động môi trường trong quá trình thiết kế, thi công, vận hành nhà máy điện gió và mặt trời. Các giải pháp kỹ thuật đề xuất cần sử dụng loại vật liệu, kiểu loại thiết bị có tiêu chuẩn, chất lượng cao để ngăn chặn tác động xấu đến môi trường ngay từ khâu thiết kế, lập dự án, đặc biệt tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn điện. Biện pháp thi công không sử dụng các giải thi công có tiềm năng gây nguy hại đến kết cấu công trình hiện có cũng như tác động đến điều kiện tự nhiên khu vực.

- Có các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, giảm thiểu tác động tầm nhìn, giảm thiểu tác động bất lợi tiềm ẩn đối với đa dạng sinh học đối với nhà máy điện gió.

- Cấp ủy đảng các cấp tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao tính chủ động trong công tác bảo vệ môi trường.

- Biên soạn tài liệu tuyên truyền với các loại hình phong phú, đa dạng và dễ hiểu.

- Kiểm tra và xử lý những tổ chức, doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Xây dựng các chương trình nghiên cứu cụ thể về ảnh hưởng từng loại hình điện tái tạo trong thực tế đến môi trường.
- Nghiên cứu đánh giá tiềm năng ngành công nghiệp xử lý phế thải nhà máy điện tái tạo và đề xuất mô hình xử lý phù hợp.

4.2. Giải pháp tăng cường nhận thức và hành động của các bên liên quan

Giải pháp tăng cường nhận thức và hành động của các bên liên quan phục vụ phát triển NLTT chủ yếu là những giải pháp đối với nhà hoạch định chính sách, nhà quản lý, nhà đầu tư và doanh nghiệp để hỗ trợ, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi trong các hoạt động liên quan đến phát triển TTNLTT Ninh Thuận.

- Giải pháp đối với nhà hoạch định chính sách: Tiếp tục mở rộng sự tham dự một cách có hiệu quả của mọi cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, doanh nghiệp, người tiêu dùng, các nhà tài trợ, các nhà khoa học, chuyên gia để làm cơ sở hoạch định chính sách. Tích cực lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến từ các đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, Ngành trong hoạch định chính sách, tránh mâu thuẫn nhau. Xây dựng đội ngũ làm công tác hoạch định chính sách có hiểu biết tốt về lĩnh vực của mình, có phương pháp làm việc khoa học, trung thực, đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết. Tổ chức phổ biến, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức của cộng đồng, động viên sự tham gia của nhân dân góp ý ban hành chính sách và thực hiện chính sách.

- Giải pháp đối với nhà quản lý: Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách đến các tầng lớp nhân dân, đảm bảo nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”; thực hiện tuyên truyền phổ biến chính sách phù hợp với từng đối tượng, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, đặc biệt chú trọng tuyên truyền, giải thích đối với các đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách, quan tâm việc tiếp nhận ý kiến phản hồi. Đẩy mạnh đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác thực thi chính sách. Chuẩn bị các nguồn lực, cả nhân lực và vật lực khi thực thi chính sách. Đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách về phát triển NLTT cho các cơ sở, ngành và địa phương.

- Đối với nhà đầu tư và doanh nghiệp: Tăng cường thông tin truyền thông, cung cấp thông tin đầy đủ hơn đến người tiêu dùng về trách nhiệm xã hội thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các kênh truyền thông cá nhân hay truyền thông xã hội. Doanh nghiệp cần có kế hoạch đào tạo và phổ biến hiểu biết về trách nhiệm xã hội cho người lao động và đội ngũ quản lý. Mỗi doanh nghiệp cũng cần nêu cao tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, với xã hội, cam kết cho hoạt động của mình và thực hiện đúng các cam kết đó. Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phải tuân thủ pháp luật để đảm bảo rằng những sản phẩm do doanh nghiệp tạo ra là an toàn, đảm bảo sự phát triển của doanh nghiệp, không có những tác động tiêu cực đối với xã hội và môi trường.

4.3. Giải pháp tăng cường niềm tin của các bên tham gia

a. Cải cách thủ tục hành chính

Thời gian qua, hoạt động cải cách thủ tục hành chính của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước đã đạt được những kết quả rất tốt, tạo niềm tin cho người dân và doanh nghiệp. Một loạt các thủ tục hành chính được cải thiện như cơ chế một cửa, một cửa liên thông, công khai hóa, minh bạch hóa các quy định về thủ tục hành chính. Các thủ tục hành chính được rà soát, sửa đổi, bãi bỏ theo hướng đơn giản hóa, thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp. Một số nhóm giải pháp chính nhằm nâng cao hiệu quả của cải cách hành chính có thể kể đến là:

- Nâng cao nhận thức về cải cách thủ tục hành chính cho toàn thể cán bộ, công chức và nhân dân để tạo hiệu ứng chung trong toàn xã hội cùng chung tay tham gia thực hiện. Tiếp tục phát huy việc chuyển nhận thức từ cơ chế nền hành chính “mệnh lệnh”, “xin – cho” sang nền hành chính “phục vụ”; coi người dân và doanh nghiệp thực sự là “đối tác”, “khách hàng” trong cung cấp dịch vụ công.

- Đẩy mạnh xây dựng và vận hành chính phủ điện tử, góp phần cải cách thủ tục hành chính và các dịch vụ công.

- Nâng cao hiệu quả thực thi công vụ cho đội ngũ công chức tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính.

- Ban hành và thực hiện hiệu quả cơ chế kiểm tra, thanh tra việc thực thi công vụ của đội ngũ công chức tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính.

- Với Ninh Thuận, thời gian gần đây tỉnh đã rất quan tâm đến những vấn đề khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong thực tiễn của doanh nghiệp, tiếp thu và chỉ đạo các cấp, ngành, địa phương kịp thời điều chỉnh, xử lý bất cập trước nhiều rào cản xuất phát từ chính sách gây khó cho người dân và doanh nghiệp trong phát triển kinh tế xã hội nói chung và phát triển NLTT nói riêng. Trong bối cảnh thực tiễn hiện nay, liên quan đến phát triển TTNLTT Ninh Thuận, một số giải pháp cơ bản về cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư trong thời gian tới cần thiết được thúc đẩy và đổi mới nhằm nâng cao hiệu quả của việc thu hút đầu tư vào tỉnh Ninh Thuận là:

- + Rà soát, ban hành các quy định có liên quan đến trình tự thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư 2014 và Luật Doanh nghiệp năm 2014, tạo thuận lợi nhất cho nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, đồng thời đảm bảo tính chặt chẽ, công khai, minh bạch, bình đẳng trong thu hút đầu tư.

- + Tăng cường công tác giám sát, hỗ trợ nhà đầu tư giải quyết các khó khăn vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án. Có giải pháp xử lý hiệu quả đối với các dự án chậm tiến độ, nhà đầu tư không có khả năng triển khai theo quy định Luật Đầu tư năm 2014 và Luật Đất đai năm 2013.

- + Thiết lập hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý kiến nghị và kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến trên website để người dân và doanh nghiệp phản ánh

về chính sách, thủ tục hành chính và việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính.

+ Tăng cường sự phối hợp giữa Văn phòng phát triển kinh tế (EDO), Sở Kế hoạch và Đầu tư với các sở, ngành liên quan trong thực hiện thủ tục hành chính cho nhà đầu tư. Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để các dự án mới đi vào hoạt động sản xuất ổn định và phát huy hiệu quả.

b. Đổi mới cơ chế chính sách

Một số giải pháp cơ bản về đổi mới cơ chế chính sách liên quan đến phát triển NLTT cần xem xét trong giai đoạn hiện nay là:

- Rà soát, sửa đổi hạn chế sự chồng chéo, mâu thuẫn trong các quy định liên quan tới công tác đầu tư, thu hút các thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia phát triển các dự án ngành năng lượng, đặc biệt là trong lĩnh vực điện lực tại một số Luật như: Luật Điện lực, Luật Dầu khí, Luật Khoáng sản... tạo hành lang pháp lý thông thoáng, nhất quán và tháo gỡ những nút thắt còn tồn tại từ lâu nay, tạo niềm tin và động lực cho các nhà đầu tư tham gia phát triển NLTT.

- Bộ Công Thương phối hợp với các bộ, ngành, nghiên cứu triển khai xây dựng Luật NLTT để đảm bảo những nền tảng pháp lý quan trọng để phát triển NLTT một cách bền vững tại Việt Nam, đồng thời tiếp tục tạo dựng môi trường công khai, minh bạch và cạnh tranh để phục vụ cho thị trường điện cạnh tranh như yêu cầu của Chính phủ.

- Bộ Công Thương báo cáo Chính phủ xem xét, kiến nghị ban hành Nghị quyết giải thích và làm rõ một số quy định trong các Luật chuyên ngành nhằm tạo hành lang pháp lý rõ ràng hơn, thu hút tiềm năng trong đầu tư vào những lĩnh vực khác nhau của hệ thống năng lượng quốc gia, đặc biệt là vào hệ thống nguồn điện.

- Rà soát, hoàn thiện các chính sách thúc đẩy chuyển đổi sử dụng các nguồn năng lượng hóa thạch sang năng lượng xanh, trong đó có NLTT, hỗ trợ chuyển đổi công nghệ NLTT, bổ sung các quy chuẩn kỹ thuật để kiểm soát tốt các nguồn ô nhiễm.

- Nghiên cứu, xây dựng hướng dẫn triển khai thực hiện các dự án điện đầu tư theo hình thức đối tác công tư để có thể thực hiện ngay sau khi Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực.

- Rà soát, cải cách, ban hành bổ sung những hướng dẫn liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (đơn giá đền bù, xác định nguồn gốc đất, chuyển đổi mục đích sử dụng, đất lâm nghiệp), vướng mắc thỏa thuận vị trí dự án (quỹ đất, chông lấn quy hoạch).

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các tiêu chuẩn, quy trình, quy định về đảm bảo chất lượng, tính đồng bộ về thiết bị, ghép nối, an toàn, ổn định, tin cậy của các thiết bị, công trình NLTT, kể cả điện mặt trời mái nhà.

Với Ninh Thuận, trong lĩnh vực phát triển NLTT, thời gian gần đây tỉnh đã có nhiều chủ trương, chính sách thiết thực hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư:

Quyết định 402/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 15/11/2018 v/v ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018 - 2023. Trong đó nêu rõ về cơ chế, chính sách thu hút đầu tư : Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát, xác lập danh mục các dự án điện mặt trời đảm bảo điều kiện, yêu cầu và đề xuất phương án xây dựng hạ tầng đấu nối đáp ứng nhu cầu giải tỏa công suất thiết kế 2.000MW đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận triển khai, đề được thụ hưởng chính sách giá điện theo Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ đến hết năm 2020. Thời gian hoàn thành báo cáo trong quý IV năm 2018.

Quyết định 204/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 03 tháng 07 năm 2018 v/v Phê duyệt Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2018 tỉnh Ninh Thuận với mục tiêu: xúc tiến đầu tư trực tiếp nhằm mời gọi trực tiếp các doanh nghiệp, nhà đầu tư chiến lược, thương hiệu trong và ngoài nước tập trung vào một số dự án trọng tâm, trọng điểm thuộc các lĩnh vực là thế mạnh của tỉnh: năng lượng, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp, chế biến... làm đòn bẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đây cũng là cơ hội để tỉnh tăng cường hoạt động đối ngoại và vận động tài trợ các nguồn vốn hợp tác phát triển chính thức (ODA), nguồn vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO); tăng cường xúc tiến quảng bá hình ảnh, xúc tiến du lịch vào tỉnh Ninh Thuận.

Liên quan đến hỗ trợ giải phóng mặt bằng phục vụ NLTT, tỉnh đã có Công văn hỏa tốc số 425/UBND-KTTH ngày 19/2/2020 gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc “Khẩn trương tham mưu điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng trên địa bàn tỉnh để triển khai các dự án cấp bách”. Theo đó, UBND tỉnh Ninh Thuận giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp các Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Thuận Nam cùng các cơ quan liên quan khẩn trương rà soát, xác định cụ thể diện tích rừng và đất lâm nghiệp cần phải thực hiện chuyển đổi, kịp thời thực hiện đúng theo Công văn số 70/TTg-CN ngày 9-1, của Thủ tướng Chính phủ về việc, bổ sung dự án nhà máy điện mặt trời, quy mô công suất 450MW tại xã Phước Minh, huyện Thuận Nam vào quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, giai đoạn 2011-2020, có xét đến năm 2030 điều chỉnh (quy hoạch điện VII điều chỉnh) và yêu cầu triển khai đầu tư dự án điện mặt trời nêu trên, kết hợp đầu tư trạm biến áp 500kV Thuận Nam và các đường dây 500kV, 220kV đấu nối vào hệ thống điện quốc gia, đưa vào vận hành đồng bộ trong năm 2020.

Tại hội nghị xúc tiến đầu tư Ninh Thuận tháng 8/2018 tổ chức tại Tp.HCM, lãnh đạo tỉnh Ninh Thuận cam kết dành những ưu đãi hấp dẫn nhất của tỉnh cho

các nhà đầu tư. Cam kết được hiện thực hóa bằng hàng loạt chính sách: giảm giá thuê đất, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế nhập khẩu, thủ tục đầu tư nhanh chóng và thông thoáng.

Gần đây, tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị liên quan rà soát quy hoạch liên quan để làm rõ diện tích đất sử dụng cho năng lượng. Theo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cho biết, căn cứ Nghị quyết số 113 của Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Ninh Thuận, thì tổng diện tích đất năng lượng quy hoạch đến năm 2020 của tỉnh là 4.383 ha. Trong đó, có diện tích hiện trạng đang quy hoạch là 155,94 ha, diện tích quy hoạch tăng thêm được tính toán dựa vào các dự án khả thi được triển khai là 4.227 ha.

Trong thời gian tới, một số vấn đề chủ yếu liên quan đến cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển NLTT tại Ninh Thuận cần triển khai là:

- Tỉnh chủ động sắp xếp lại thứ tự ưu tiên, lựa chọn các nhiệm vụ trọng tâm để chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện, nhất là đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực hiện các khâu đột phá, trụ cột về phát triển NLTT, kinh tế biển, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao và các dự án động lực thay thế, các khu đô thị mới...

- Đề giải tỏa công suất các dự án NLTT trên địa bàn, các sở, ban ngành hỗ trợ nhà đầu tư hoàn tất các thủ tục có liên quan về giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để đẩy mạnh xây dựng hệ thống lưới đấu nối vào hệ thống điện quốc gia.

- Theo dõi, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai, thi công các dự án NLTT trên địa bàn.

- Tập trung xử lý vướng mắc về lao động, tăng cường các hoạt động kết nối cung-cầu, giải quyết việc làm cho người lao động, đảm bảo nhu cầu nhân lực cho các doanh nghiệp, các dự án điện gió, điện mặt trời trên địa bàn tỉnh hoạt động để đảm bảo tiến độ dự án triển khai.

c. Giải pháp tăng cường niềm tin giữa ngân hàng và nhà đầu tư

Để giải quyết bài toán về vốn, tạo niềm tin cho doanh nghiệp, nhà đầu tư đối với ngân hàng, các tổ chức tín dụng, cần tập trung thực hiện một số giải pháp chủ yếu:

- Tiếp tục thực hiện và vận dụng linh hoạt Hệ thống cơ chế chính sách của Chính phủ trong các Nghị định 39/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định 34/2018/NĐ-CP về Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định 38/2018/NĐ-CP về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; Nghị quyết số 35/NQ-CP Ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; Hệ thống cơ chế chính sách của Ngân hàng nhà nước về tiền tệ, tín dụng và lãi suất. Trong đó doanh nghiệp nhỏ và

vừa là nhóm đối tượng ưu tiên trong tập trung vốn để sản xuất kinh doanh, hỗ trợ lãi suất vay (áp dụng trần lãi suất cho vay ngắn hạn bằng tiền đồng).

- Có cơ chế chia sẻ thông tin của các bên liên quan, bao gồm cả các cơ quan thuế, đăng ký doanh nghiệp, thông tin tín dụng ngân hàng..., giúp các ngân hàng và nhà đầu tư chia sẻ, minh bạch thông tin; phục vụ việc đánh giá, xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp, nhà đầu tư tốt hơn.

- Thực hiện hỗ trợ tín dụng có chọn lọc, có trọng tâm, trọng điểm, phối hợp với các chương trình hỗ trợ khác như nâng cao năng lực, đào tạo, ưu đãi thuế, tài chính và các chương trình cải thiện môi trường kinh doanh.

- Triển khai hiệu quả hơn nữa ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp cận các nguồn tài chính, tín dụng. Tích cực triển khai các giải pháp công nghệ mới nhằm giảm chi phí, nâng cao hiệu quả và tính minh bạch của chương trình. Nghiên cứu và tạo điều kiện cho sự phát triển của những loại hình định chế tài chính trung gian mới như: Ngân hàng đầu tư, Quỹ đầu tư mạo hiểm, Quỹ đầu tư doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Tiếp tục phát huy hơn nữa vai trò huy động vốn của thị trường chứng khoán trong việc cung ứng vốn trung dài hạn cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư. Đẩy mạnh quá trình phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

- Các doanh nghiệp, nhà đầu tư cần khắc phục tình trạng kém minh bạch thông tin để xây dựng niềm tin với không chỉ các tổ chức tín dụng mà còn với các nhà đầu tư tài chính, các quỹ đầu tư chứng khoán và các định chế tài chính trung gian khác.

- Đối với tỉnh Ninh Thuận:

- + Tỉnh hướng dẫn các tổ chức tín dụng chủ động cân đối nguồn vốn, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh; áp dụng lãi suất cho vay hợp lý; đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian xét duyệt hồ sơ vay vốn; tạo thuận lợi, nâng cao khả năng tiếp cận vốn vay của khách hàng.

- + Triển khai kịp thời gói hỗ trợ tín dụng theo Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 4/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19.

d. Giải pháp tăng cường niềm tin các bên trong cung ứng vật tư thiết bị

- Về phía cơ quan quản lý: Hoàn thiện khung luật pháp nhằm tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho đạo đức kinh doanh. Tăng cường phổ biến và giáo dục về đạo đức kinh doanh cho các chủ thể kinh doanh, từng cá nhân doanh nghiệp, doanh nhân để họ có nhận thức đúng và đầy đủ về các quy định luật pháp, trách nhiệm cũng như đạo đức kinh doanh. Cần có những biện pháp khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân nâng cao đạo đức kinh doanh.

- Về phía cá nhân và doanh nghiệp: Trong kinh doanh, doanh nghiệp có quan hệ không chỉ với khách hàng, mà còn quan hệ với các nhà đầu tư ngân hàng, nhà cung ứng các sản phẩm, dịch vụ trợ giúp,... Trong tất cả các mối quan hệ đó, doanh nghiệp không chỉ thực hiện đúng các cam kết theo Luật Dân sự, Luật Hợp đồng, mà còn phải nêu cao đạo đức kinh doanh, hoạt động phù hợp với pháp luật, bảo đảm và tôn trọng lợi ích chính đáng và hợp pháp của khách hàng và đối tác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Tập đoàn điện lực Việt Nam, Nghị quyết số 32-NQ/ĐU ngày 19/2/2020 về việc tập trung hoàn thành toàn diện Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển của EVN, giai đoạn 2016 - 2020
- [2] Bộ Công Thương, Văn bản số 2321/BCT-ĐL ngày 31/3/2020 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng Tờ trình của Chính phủ Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích Luật Điện lực
- [3] Bộ Chính trị, Nghị quyết 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 về Định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
- [4] Bộ Chính trị, Nghị Quyết 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 về Chiến lược PTBV kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
- [5] Chính phủ, Nghị Quyết 26/NQ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược PTBV kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
- [6] Chính phủ, Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về Cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam
- [7] Quyết định 39/2018/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2018 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về Cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam
- [8] Chính phủ, Quyết định 11/2017/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2017 về Cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam
- [9] Chính phủ, Quyết định 13/2020/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2020 Về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam
- [10] Ngân hàng nhà nước, Quyết định số 1552/QĐ-NHNN ngày 6/8/2015 ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh đến năm 2020
- [11] Ngân hàng nhà nước, Quyết định số 1604/QĐ-NHNN ngày 7/8/2018 phê duyệt Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam
- [12] UBND tỉnh Ninh Thuận, Quyết định 207/2010/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2010 thành lập Văn phòng phát triển kinh tế trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận
- [13] Chính phủ, Nghị định 42/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05 tháng 04 năm 2017 [13] về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
- [14] UBND tỉnh Ninh Thuận, Quyết định 133/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 11 tháng 4 năm 2016 ban hành Chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 - 2020
- [15] UBND tỉnh Ninh Thuận, Kế hoạch số 538/KH-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 27/02/2020 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục triển khai thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

- [16] UBND tỉnh Ninh Thuận, Kế hoạch 333/KH-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 11 tháng 02 năm 2020 v/v hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2020
- [17] UBND tỉnh Ninh Thuận, Quyết định 394/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 09 tháng 11 năm 2018 về việc ban hành Kế hoạch phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025
- [18] Chính phủ, Nghị quyết 30c/NQ-CP của Chính phủ ngày 08 tháng 11 năm 2011 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020
- [19] Chính phủ, Nghị định số 36/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/4/2012 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ
- [20] Chính phủ, Nghị quyết số 19/2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ v/v về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020
- [21] UBND tỉnh Ninh Thuận, Quyết định 402/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 15/11/2018 v/v ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018 - 2023
- [22] Chính phủ, Nghị quyết 115/NQ-CP của Chính phủ ngày 06 tháng 8 năm 2020 về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ
- [23] UBND tỉnh Ninh Thuận, Quyết định 2634/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 19 tháng 12 năm 2013 Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Công nghiệp tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020.
- [24] UBND tỉnh Ninh Thuận, Kế hoạch 1678/KH-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 22/4/2019 triển khai thực hiện Đề án “Thúc đẩy chuyên giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”
- [25] UBND tỉnh Ninh Thuận, Quyết định 62/2018/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy định về hình thức và mức hỗ trợ Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025